

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 45

Tháng 4-1971

nhất linh	1	chiến tranh
vũ đình lưu	4	xã hội một kích thước và xã hội không kích thước
mường mán	15	người về bên sông
nguyên đăng thực	17	địa lý văn hóa á châu
trần thị ngh.	26	trưa nắng
hoàng ngọc tuần	36	nhà có hoa mimosa vàng
huy tưởng	45	áo nguyệt ca
trần hoài thư	49	những chiếc lá đáng hương của mùa khổ đau
mường mán	57	hương sử
trần nhứt tân	68	âm điệu và nhạc tính trong thi ca
phạm cao hoàng	78	vườn cỏ non tháng giêng
vĩnh lộc	80	tàn cơn gió loạn
v. đ.	94	thư đến từ bạn đọc

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP: VŨ CÔNG TRỰC
QUẢN LÝ: Bà BÙI THỊ HÒA-KHANH
BÀI VỞ GỬI CHO: MAI THẢO

Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

NHẤT LINH

chiến tranh

Ôn cố... tri tân

Năm tôi mười hai tuổi đương học lớp ba trên Hà-Nội, vì nhà buồn bán thua lỗ phải về quê học trường huyện. Vào lớp trưa thầy giáo xem một bài viết tập, thầy cho bảy điểm thế là lược vào học.

Tính tôi nhu mì không hay đánh nhau, trông thấy họ đấm đá cũng đã sợ rồi, lại xưa nay chưa từng về nhà quê thành thử ở giữa đám quê mùa, áo cộc nâu, đầu để chỏm mà tôi là anh ngớ ngẩn nhất.

Tôi còn nhớ buổi học đầu, lúc giờ chơi, họ ra cả ngoài sân, thầy giáo vào nhà hậu vắng. Đứa em họ tôi tự nhiên nó kêu to lên rằng :

— Anh Kỳ tôi mới ở trên Hà-Nội về, giỏi võ lắm, đố anh nào địch nổi ?

Tôi bấm tay, kéo nó bảo thôi nó cũng không nghe. Bấy giờ anh em bạn học đổ xô cả lại, khoa chân khoa tay, nhẩy nhót mà nói :

— Nào có anh nào dám ra không ? Thôi lại sợ cả rồi, đánh thế nào lại được cánh Hà-Nội,

Xem chừng anh nào cũng sợ tôi cả mà tôi lúc đó phập phồng chỉ mong cho thầy giáo gọi vào học ngay. Đưa em họ tôi nó c nói hùn vào :

— Ai ra, anh tôi chỉ cho một cái song phi là mất mạng.

Có một anh bằng chạc tôi, mặt hồng hào, dáng khỏe mạnh, anh em đương đẩy vào lưng dục ra... (Mà khốn nạn, tôi có biết cái song phi là cái gì đâu.) Anh tự nhiên sẵn tay áo nhẩy ra đứng giữ miếng hăng hái lắm. Chúng lại kêu :

— À ! anh Trạch đánh miếng húc dưới cũng khá đấy, nào lần vào đi.

Tôi bây giờ bản khoản khó nói ra được, mặt đỏ bừng lên, hai tai nóng như lửa; đưa em họ tôi nó cứ lấy tay thúc vào lưng bảo ra, còn học trò thời nói :

— Ấy anh ấy còn đương lấy gân, giữ miếng, cao không Trạch ta đánh thua mất.

Nào tôi có lấy gân lấy cốt gì đâu, song thấy họ nói thế, không nghĩ gì nữa; sẵn vào mà đánh, chẳng có miếng gì cả, cúi đầu xuống lấy hai tay khua. Trạch ta thấy tôi đánh hăng quá quệt cả miếng húc dưới lưng cuống bị tôi đâm đến đập một cái vào má, ngã quay xuống đất. Tôi trông thấy, chân tay run rẩy bầy, còn anh kia mặt tái ngắt lấy tay ôm má mà khóc nức nở.

Đưa em họ tôi nó lại nói :

— Nào bây giờ còn anh nào dám ra nữa không ? Sợ rồi...

Một anh cao lớn nhẩy ra tôi chưa kịp giơ tay thời bị một cái song phi vào giữa ngực, nằm sòng soài ra đất.

Vừa lúc ấy thời thầy giáo gọi vào lớp học.

Tôi hãy còn bé, trí còn non nên không biết suy nghĩ gì cả nhưng một tuổi một lớn, biết tìm đến nguyên nhân đem lòng thương cho người đời vô hạn.Ừ, nào tôi có muốn đánh nhau đâu, có vị một việc gì đâu mà bị cái song phi tức ngực, còn anh Trạch cũng tự nhiên vô cớ mà sưng hàm. Tôi càng nghĩ càng đem lòng ghét sự chiến tranh, chẳng qua cũng chỉ như trận đánh nhau khi chúng tôi còn bé dại vậy, có khác gì đâu ? Tự nhiên

hai người chưa từng quen biết nhau bao giờ, giờ súng giờ gươm nhấn tâm mà giết nhau để cái khổ cho mẹ già, vợ dại con thơ, mà có vị gì đâu ? suy đến nguyên nhân thật đáng thương cho cho đàn trẻ bé dại lắm vậy !

nhất linh

20.4.26

VŨ ĐÌNH LƯU

xã hội một kích thước và xã hội không kích thước

XÃ HỘI MỘT KÍCH THƯỚC

Xã hội tiên tiến Hoa Kỳ trong sự phồn thịnh ngày nay có khả năng tinh thần và vật chất lớn mạnh hơn ngày trước, xã hội thống trị con người chặt chẽ hơn bất cứ thời kỳ nào trong lịch sử; điểm lạ là người ta không dùng đến khủng bố đàn áp mà dùng kỹ thuật để nô lệ hóa con người một cách tinh vi.

Xã hội kỹ thuật hóa ấy xuất hiện như một toàn bộ đặc thù, có khuynh hướng lôi cuốn tất cả người và vật vào một tiến trình sản xuất và tiêu thụ với sắc thái đặc thù của nó. Văn hóa, chính trị và kinh tế sẽ qua đường lối kỹ thuật mà kết hợp lại trong một hệ thống; hệ thống ấy có mặt ở tất cả mọi lãnh vực, nó sẽ nuốt chửng hay ngăn cản những con đường khác có thể mở ra để hướng xã hội về chiều tiến hóa khác. Hệ thống ấy có khả năng ổn định xã hội, sản xuất đại quy mô và phát triển thêm mãi; nhưng hệ thống biến thành một bộ máy thống trị.

Sự tiến bộ kỹ thuật củng cố một hệ thống trị quốc an dân và phối trí sinh hoạt quốc gia, rồi đến lượt hệ thống cai trị chỉ huy sự tiến bộ và tạo ra những hình thức sinh hoạt khác, hệ thống

hầu như hòa giải được sự chống đối giữa nhóm bảo thủ và nhóm đổi lập, nó vô hiệu hóa sự chống đối. Như vậy, xã hội tiên tiến kim thời có khả năng ngăn cản mọi sự đổi thay — đây nói sự đổi thay về phẩm chất, như cầu tạo những định chế khác, những đường tiến khác cho tiến trình sản xuất.

Có lẽ hiện tượng lạ lùng nhất của xã hội kỹ nghệ tiên tiến là ngăn cản sự đổi thay, vì xã hội ấy có khả năng hội nhập những lực lượng đổi lập và đồng hóa những dị biệt. Đảng đổi lập và đảng cầm quyền đều chấp nhận khái niệm quyền lợi quốc gia hiện hữu như nét vẽ của ý muốn toàn dân, đường hướng chánh trị kinh tế hiện hữu của quốc gia là đường hướng duy nhất, chỉ có sự thay đổi nhà cầm quyền chứ không có sự thay đổi chế độ. Vốn liếng và nhân công tập trung vào một guồng máy duy nhất mà người chỉ huy, phân tích đến cùng, là Nhà Nước — Nhà Nước có uy quyền tuyệt đối. Viễn ảnh kẻ thù bên kia bức màn sắt là một mối đe dọa thường xuyên làm cho bộ máy thống trị được củng cố thêm.

Xã hội sống trong một khung cảnh bít kín không thể có ý niệm về một chân trời khác, vì sự phê bình xã hội ấy thiên lệch ngay từ nền tảng. Một sự phê phán khách quan phải đứng ngoài mà nhìn vào mới thấy chỗ sai lệch, mới thấy đầu mối của những biến cố có thể xảy ra để làm suy sụp hệ thống; nhưng xã hội kỹ nghệ tiên tiến đã đồng hóa được hết ý kiến dị đồng, người trong cuộc không nhìn xa hơn lỗ mũi mình, hoặc giả có người nói ra thì người ấy bị lên án là phản động.

Vào thế kỷ thứ XIX, khi phương pháp phê bình lập những khái niệm về tình trạng lịch sử trong đó có hai con đường mở ra cần phải chọn lấy một (tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa), người ta đã căn cứ vào những sự kiện cụ thể để phê bình, lý thuyết và thực hành, giá trị và sự kiện, nhu cầu và mục tiêu, tất cả đều có thể sáng tỏ bằng cách đối chiếu thực tại với khái niệm, thực tại với lý thuyết. Hai giai cấp lớn, tư bản và vô sản, đã ý thức được vai trò lịch sử của lý thuyết cách mạng, và họ đem

dùng vào tác dụng chính trị. Trong thế giới tư bản chủ nghĩa thời ấy tư bản và vô sản vẫn còn là hai giai cấp có thực.

Nhưng rồi có sự tiến triển làm biến đổi cơ cấu và chức năng của giai cấp tư bản và vô sản, thậm chí hai giai cấp ấy còn là những yếu tố lịch sử điều động cuộc biến chuyển tình trạng xã hội. Trong những khu vực tiến bộ nhất của xã hội ngày nay, hai địch thủ ngày trước đã đoàn kết với nhau vì quyền lợi chính yếu để bảo vệ và củng cố định chế. Người ta đã dùng giải pháp thực tế là thực hiện một cuộc cải tiến ôn hòa để xóa nhòa ý định tạo ra sự thay đổi phẩm chất của xã hội tư bản. Thế là ngoài thực thể không còn hai khối người trong một xã hội kinh chống nhau, bàn luận về tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa bây giờ chỉ còn là bàn luận trong lãnh vực trừu tượng thiếu tính chất cụ thể và đậm tính chất suy lý. Lý thuyết không được chống đỡ bằng sự việc cụ thể.

Ngày trước, những phạm trù của lý thuyết xã hội chủ nghĩa được thai nghén từ trong lòng những lực lượng xã hội hữu hiệ và hoạt động; người bên vực xã hội chủ nghĩa nhận thấy nhu cầu khước từ chế độ của giai cấp tư bản, mà họ đang sống một chế độ đầy mâu thuẫn sống động của Âu Châu vào thế kỷ XIX. Họ quan niệm xã hội như một lực lượng đối kháng chân thực. Những danh từ « cá nhân », « giai cấp », « tư nhân », « gia đình » dùng để định nghĩa những nhóm người không hội nhập vào cơ cấu hình thành (hệ thống tư bản) những nhóm người và những lực lượng ấy đóng vai trò phản đối và áp lực. Nhà cách mạng cụ thể vận dụng ngay những lực lượng cụ thể dưới tầm tay, không cần nguy tạo bằng cách xách động quần chúng hay nhờ cậy đến lực thần bí lời cuốn quần chúng rồi kéo đi với bất cứ giá nào. Như thế là lực lượng nỗ lực và thay đổi phẩm chất đã thoát thai từ trong lòng xã hội; ta muốn hiểu thế nào là « praxis lịch sử » thì phải hiểu như thế mới là đường dẫn.

Ngày nay, cái nội dung lịch sử có thực sự ấy không còn, xã hội kỹ nghệ kim thời đồng nhất hóa những sự kiện đối lập nhau. Lý thuyết căn cứ vào cái praxis lịch sử thế kỷ XIX thực ra không có cái gì cụ thể chống đỡ, bởi vậy nó thoái lui về hình thức tư tưởng trừu tượng và suy lý, phương thức phê phán kinh

chính trị đã di chuyển sang lãnh vực triết lý. Không có lực lượng đối kháng cụ thể đáng kể, tất cả trong xã hội ấy đều hiện ra bề ngoài tốt đẹp, con người bị giam hãm trong một mê lộ, không thể nhận thấy đâu là kẽ hở của chế độ. Mê lộ ấy tạo ra bởi bộ máy chính trị và xã hội (chung quy chỉ là một); guồng máy đã xác định trước phải sản xuất cái gì, phải có những phương tiện nào để tăng cường quyền lực, để thiết định những hình thức kiểm soát, để tạo lập những hình thức đoàn kết mới mẻ, công hiệu và thích thú hơn trước; nền nếp sinh hoạt ấy xác định cả tác phong và năng lực của con người, ước vọng và nhu cầu của họ. Người ta luân chuyển trong một cái vòng kín mít.

Như vậy, sự phân tích phê bình phải là việc làm của người đã thoát ra ngoài mê lộ ấy mà ngoài trông trở lại, mới tránh được cách nhìn một kích thước, mới thấy rằng cần có sự đổi thay về phẩm chất. Như vậy, sự cần thiết là đặt vấn đề phân tích phê bình, chứ không thể lấy cái nhìn một kích thước của người giam mình trong xã hội một kích thước mà phán đoán giá trị của xã hội một kích thước.

Trên đây chúng tôi thuật lại ý kiến của H. Marcuse trình bày trong đoạn mở đầu cuốn sách *One-dimensional man*. Với cái nhìn của một triết gia bi quan, ông có một quan niệm cao trọng về ý nghĩa cuộc sống, ông không chịu đựng được một xã hội điều kiện hóa con người dưới hình thức tinh vi nhất. Đọc ông, chúng tôi muốn thử đem đối chiếu xã hội mà ông mô tả với xã hội Việt Nam xem có những tương đồng nào giữa hai dân tộc khác hẳn nhau về phương diện lịch sử và địa dư. Những nét tương đồng ấy sẽ đại diện cho cái gì là bất di bất dịch, cái gì là phổ biến của nhân loại, và có thể giúp chúng ta định hướng thăm dò bước tiến vào tương lai.

XÃ HỘI KHÔNG KÍCH THƯỚC

Tình trạng nước Việt Nam ngày nay là tình trạng chiến tranh. Chiến tranh huy động toàn lực quốc gia. Sự huy động sâu rộng và gấp rút gây ra những dao động vật chất cũng như tinh thần. Sự huy động nào cũng được thực hiện bởi bàn tay con người và rút cục con người cũng gánh chịu hết hậu quả. Chủ động và bị động cùng

kỷ lý, vẫn là con người, con người xem như một cá nhân hay một đoàn thể; như vậy yếu tố tâm lý là lãnh vực tốt nhất để dùng làm góc cạnh nhận định. Xuyên qua tâm lý, chúng ta có hy vọng nhận định đúng tầm mức quan trọng của các hiện tượng xã hội. Chúng ta nên chú ý đến những loại yếu tố tác động như một chất men thúc đẩy con người hăng say và tạo nên những sự nghiệp quan trọng, thay đổi bộ mặt xã hội và trỗi lên trên những hoạt động có tính cách máy móc để sinh nhai hàng ngày.

Hồi tiền chiến chúng ta biết chất men ấy là men « duy tân », quy hướng mọi lãnh vực sinh hoạt xã hội vào một chiều thay mới đổi cũ. Ngày nay tình trạng xã hội khác trước men duy tân cạn sức hấp dẫn tuy rằng xã hội chưa được canh tân đúng mức. Nó bị lu mờ và thay thế bằng men cách mạng. Men cách mạng hầu như đã trở thành một danh từ mờ mịt, nội dung hết sức mờ lung, muốn nhét cái gì vào cũng được; hầu như người ta chỉ nhắc đến như một chiêu bài không có thực chất và tác dụng.

Nhận định con người ngày nay hành động và suy tưởng, hình như chúng ta thấy họ bị thôi miên bởi những phạm trù « hoạt động » và « tranh đấu ». Hai từ ngữ được ghép với nhau như hình với bóng và đóng vai trò ý tưởng động lực và men kích động, con người hầu như giải tỏa được nhiều tiềm năng phá hoại cũng như xây dựng (bản năng chết và bản năng sống nói theo ngôn từ phân tâm học). Hành vi phá hoại và hành vi xây dựng thực hiện được những thành tích kỳ lạ chưa từng có trong lịch sử.

Chúng ta sẽ không lấy làm lạ khi biết rằng người Việt, nhất là giới trí thức, những người lãnh đạo và chỉ huy những khối người khác, đều tìm hứng trong nền học thuật Tây Phương. Khái niệm hoạt động là khái niệm nổi bật của thời đại với đủ màu sắc hấp dẫn, màu sắc đấu tranh của Các Mác, màu sắc dẫn thân và tham dự của Mounier, màu sắc ý chí hào hùng của Nietzsche, màu sắc tự do lựa chọn của Sartre. Có cả một rừng văn nghệ đào sâu bởi rộng ý thức hoạt động và đưa lên hàng một tôn giáo, tôn giáo hoạt động.

Trí thức Việt Nam làm sao khỏi bị quyến rũ bởi những hình ảnh quyến rũ của thời đại ?

Khái niệm hoạt động tranh đấu bén rễ xuống một xã hội sôi động vì cuộc chiến đã vẽ ra những tiến trình xã hội nào thì phải đi đến đâu đến đũa những tiến trình ấy theo luật « diễn dịch gia tốc » (loi d'accélération déductive) sau này sẽ nói đến.

Chúng ta hẳn phải ngạc nhiên rằng khái niệm động lực ấy thoát kỳ thủy đã mạnh nham một cách âm thầm kín đáo từ các mật khu trong rừng thâm trong khi các đô thị còn ngu mị trong nếp sống phong kiến cuối mùa. Nhưng chúng ta khỏi cần bàn đến quá khứ, xã hội đã biến đổi với đà gấp và ngày nay men đã « giẫy », ý thức hoạt động và tranh đấu đã trở thành những sở đắc có tính cách phổ quát. Người ta đã cập nhật hóa những phương thức huy động quần chúng trước kia chỉ là bí quyết của các nhà lãnh đạo chính trị và tôn giáo. Lý thuyết cánh mạng mác xít đã đưa vào những khi giới mới, thí dụ phương tiện nào cũng dùng được không cần bận tâm đến vấn đề « đạo đức trường giả ». Cũng phải kể đến phần đóng góp của Freud, phân tâm học gia. Freud đặt vào tay các nhà lãnh đạo phương tiện huy động những mãnh lực bản năng thâm kín, chính những bản năng ấy mới là nguồn sinh lực vô bờ, người xưa chỉ biết khai thác một phần nào mà thôi.

Cấp lãnh đạo và chỉ huy là những người biết xử dụng những phương tiện ấy, nhưng chẳng bao lâu quần chúng học hỏi được bí quyết. Men tranh đấu thúc đẩy mọi người xử dụng những phương tiện ấy ở ngoài lãnh vực chánh trị thuần túy, họ dùng vào mọi lãnh vực sinh hoạt mà sự cạnh tranh đặt ra vẫn đề tranh đấu. Chính vì thế mà có sự lạm phát ý thức tranh đấu. Chiến tranh toàn diện ở đây có tiếng dội thẳm khốc đến hậu phương, hậu phương đã hoàn bị kỹ thuật đấu tranh và tạo ra những khi giới bén sắc tinh vi hơn bao giờ, như hạ uy tín, gây áp lực, phỉ báng, kéo bè đảng, tạo dư luận, triệt hạ địch thủ, cô lập địch thủ, gây phản nộ tập thể, v.v.. chúng ta có thể lập một bảng kê rất dài những phương tiện ở tầm tay những người khôn khéo muốn tạo thế lực để theo đuổi bất cứ mục đích gì, đẹp hay không đẹp.

Khái niệm tranh đấu giải trừ được nhiều thắc mắc đạo đức

và lương tâm, hay đúng hơn, khái niệm ấy cho phép họ phối trí lại những yếu tố của cái nội dung đạo đức cổ truyền. Như câu đạo đức vẫn tác động như một thôi thúc từ bên trong con người và từ bên ngoài xã hội. Vấn đề nhu cầu đạo lý sẽ xin đề bàn sau, bây giờ hãy nói đến vấn đề phối trí lại nội dung đạo đức để thỏa mãn yêu cầu tranh đấu và thắng lợi. Thảm họa xã hội gây ra cũng chỉ vì sự phối trí lại như thế.

Những khái niệm đạo đức như nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, những khái niệm công bằng, bác ái, từ thiện, những khái niệm vị tha, hy sinh, vẫn được nhắc đến nhiều hơn bao giờ, nhưng chỉ còn cái xác, nội dung chân xác đã bị moi đi hết và bị thay thế bằng một nội dung khác đáng ngờ vực. Thí dụ chữ thành tín, người ta chỉ giữ thành tín với quan thầy, với người đỡ đầu, còn thì người ta tự cho phép mình giẫm chân lên những giá trị khác cản trở con đường tiến thủ, con đường « tranh đấu », con đường hữu hiệu thành công. Người ta tự cho phép mình trả ngyễn phản bội, khỉ trá, bất công, và người ta tính bơ dùng những lợi khi tranh đấu ở trong quan niệm « phương tiện nào cũng được miễn là hữu hiệu ». Sự thiếu sót lớn chính là người đời không biết đến nguyên lý của những nguyên lý sau đây : một giá trị tự nó không có giá trị gì, một giá trị phải tìm được tương quan với những giá trị khác và không mâu thuẫn với những giá trị khác mới được kể là giá trị. Cái khó chính là tìm ra sự tương quan đó, trong viễn ảnh ấy, cổ nhân đã nói đến « đoan chấp quyết trung ». Tầm quan trọng của đạo trung dung khó lý hội vì người đời mê loạn giữa một biển mênh mang những giá trị mà tùy cách phối trí, cách nào cũng có vẻ hữu lý để bênh vực một giá trị mà cá nhân quyết tâm tôn trọng.

Lý luận chiến tranh toàn diện là lý luận toàn diện, phần ảnh của nó xuống lãnh vực dân sự là sự xuất hiện một thứ lý luận tranh đấu cũng có sắc thái toàn diện. Hậu quả là con người trở nên con người không kích thước. Những con người ấy tạo ra một xã hội không kích thước. Con người không kích thước đi trong xã hội không kích thước thì chẳng khác nào đi trong mê lộ. Xã hội không kỷ cương buông thả cho con người phóng túng như vậy không phải là trả lại tự do cho con người mà

là bao vây con người bằng sự cương tỏa của những mãnh lực vô kỷ luật. Sự thống trị của máy móc và kỹ thuật là sự thống trị êm ái vô vẻ người bạn Hoa Kỳ. Sự thống trị của những mãnh lực vô kỷ luật không kiểm soát được là sự thống trị phản văn minh, phản tiến bộ và độc hại hơn nhiều.

Xã hội không kích thước hầu như là môi trường hoạt động lý tưởng cho những người tháo vát, lanh lợi, quyền biến và lau lốt. Đành rằng xưa nay những người ấy vẫn chiếm những địa vị ưu đãi trong xã hội, và chỉ có những người ấy là những phần tử hoạt động, còn một số lớn người khác bị lôi cuốn theo. Nhưng thảm hại không lớn và trật tự tương đối được bảo đảm vì những phương tiện dưới tầm tay họ chỉ có giới hạn và quần chúng được bảo vệ bởi định chế, kỷ cương, thói tục, tín tưởng hình thành. Bây giờ họ biết sử dụng những kỹ thuật đấu tranh lợi hại, họ biết sử dụng những mãnh lực bản năng. Hầu hết các cuộc ganh đua hay chiến chinh quyền lợi đều được đặt thành công thức đấu tranh. Sự đấu tranh thực hiện trên bình diện các nhóm, hội, đoàn, khối. Những tổ chức ấy bảo vệ cá nhân nhưng cũng bao vây cá nhân ngột thở. Những tổ chức ấy tăng cường độ và hiệu năng của hành, động nhưng cũng dùng túng những hành động vô trách nhiệm, tây vị, lợi dụng. Những tín tưởng ngày trước bị lung lay, thói tục biến đổi, định chế không theo kịp sự biến đổi cho nên để lại nhiều khoảng trống, những sự kiện ấy không bảo vệ được quần chúng ; quần chúng trở nên thoải bột mềm dề người dẫn dắt muốn nặn ra hình thù gì cũng được mà tùy tiện sử dụng.

Bí quyết huy động từng khối người lớn xưa nay vẫn là tác động đến mặc cảm tự ty của con người và đòi hỏi cho họ được hưởng những quyền lợi của người được ưu đãi ; kỹ thuật sử dụng là kích động những khuynh hướng ấy đến mức sôi động cao độ. Tìm đến sự yên ổn là một nhu cầu bình thường của con người. Kỹ thuật xách động quần chúng để dùng vào việc đấu tranh là kỹ thuật tạo ra một kẻ thù tưởng tượng hay tạo ra cái

thể làm cho phe hay nhóm mà mình muốn triệt hạ hóa ra kẻ thù. Con người nhận thấy sự yên ổn làm ăn của mình bị đe dọa phải xát cánh nhau mà chống lại và tìm một người hùng để núp mình dưới bàn tay che chở. Sự chống trả sẽ mãnh liệt nếu họ bị xúc động vì tự ty mặc cảm. Phương thức tuyên truyền gán cho địch thủ là đàn áp, đè nén, thóa mạ để đánh vào tự ty mặc cảm. Cái mà người cầm đầu dùng được làm sức mạnh là bản năng hung hãn của quần chúng mà họ thức tỉnh giậy bằng kỹ thuật ấy; cái mà người cầm đầu khai thác được còn là kỹ thuật đánh vào mặc cảm phạm tội, mặc cảm thất bại của địch, còn là kỹ thuật đe dọa để người khác sợ sệt phải nhờ họ che chở; người dưới cánh họ dễ bị sai khiến, địch dễ bị lung lạc. Kỹ thuật tuyên truyền còn là kỹ thuật tạo những huyền tượng an ủi vỗ về. Cửa ngõ bước vào thâm sâu nội tâm con người là cửa ngõ tiềm thức, ngôn từ phải dùng ngôn từ tình cảm chứ không dùng ngôn từ lý trí để thuyết phục.

Cầm nang của người cầm đầu, của người đầu nậu, không đến nổi công kênh, nhiều người có sẵn như những bản năng thiên phú. Nhiều người có khiếu riêng để dụ hoặc, xúi bẩy, đâm bị thọc thọc bị gao, chèn ép, xúc xiêm, chua ngoa, vu khống. Nhưng họ chỉ dùng trong một phạm vi nhỏ hẹp và chỉ có tác dụng nhỏ hẹp, và chẳng luân lý kỷ cương đề cao người quân tử, liệt họ vào hàng tiểu nhân và ngăn ngừa không cho họ giở « ngón ». Ngày nay người ta đem phổ biến các « ngón » của họ dưới những hình thức đẹp để bóng bẩy với những danh từ rất kêu. Những « ngón » của tiểu nhân đều có thể nguy trang để tìm chỗ đứng trong tiểu nhân đều có thể nguy trang để tìm chỗ đứng trong các phương thức hành động của người muốn đoạt thắng lợi với bất cứ giá nào.

Xã hội văn minh bao phủ lên con người một lớp sơn hào nhoáng nhưng những khuynh hướng nguyên thủy được màu sắc bản năng vẫn còn nguyên đó. Đạo đức, hoài vọng hay thị dục đều có tính cốt sinh lý. Chỉ nguy hại của một vài khuynh hướng xu thời là hòa nhịp với nhau để thức tỉnh những bản năng thê bạo khi người ta khai thác cạnh khía ứng dụng của khuynh hướng một cách mù quáng.

Men hoạt động và tranh đấu thắm nhuần nhà tư tưởng, văn chân chính, chính khách và người trí thức có lương tâm sẽ là luồng sinh khí mới kích thích nguồn sáng tác và hành động; cũng khi đã lọt vào tay những người tháo vát, lanh lợi, quyền lực, và lau lốt, men ấy sẽ kích thích cho họ xử dụng những thủ giới lợi hại để chinh phục nhóm, đoàn, hội, khối. Và khi đã nắm đầu nhóm và khối, họ sẽ cùng đám quần chúng nghe theo họ thúc đẩy cho khuynh hướng tranh đấu phát triển một cách mù quáng theo nhịp gia tốc và gây ra những thảm họa lớn.

Chúng ta nên đề ý rằng quần chúng chưa thích ứng được với nếp sống Tây Phương ở tại xâm lấn xã hội. Tâm trạng quần chúng còn nặng trĩu quá khứ 4.000 năm. Quá khứ ấy để lại trong nội tâm họ những khái niệm không ăn nhập gì với cơ cấu mới đang hình thành ngày nay, nhưng đó là cái nhân răn chắc rất khó biến đổi. Đó là những hình ảnh, ngụ ý, biểu tượng, thần thoại, điển tích, làm thành phong độ con người. Con người vẫn tham chiếu những khái niệm ấy để rút ra kết luận theo đó mà hành động. Bằng giá trị tham chiếu hết hiệu lực vì không ăn nhập gì với việc ngoài đời, bởi thế con người phản ứng sai lệch, đời sống mới không hiện ra sáng sủa trong một cơ cấu tâm thần chỉ có một ít tro tàn lịch sử. Những tâm hồn ấy là mảnh đất lý tưởng để người cầm đầu tùy tiện xử dụng không mấy khó khăn. Ngôn từ lý trí không thấm được vào những tâm hồn ấy vì luận đến những sự kiện xa lạ với những khái niệm cổ lỗ mà quần chúng còn xử dụng, nhưng ngôn từ biểu tượng và ngôn từ tình cảm dễ thấm vào tiềm thức và khơi động những bản năng thâm kín, những đòi hỏi bị dồn nén, những thị dục không được thỏa mãn. Ngôn từ tình cảm và biểu tượng chính là ngôn từ của người cầm đầu dùng để tạo ra những huyền tượng vỗ về quyền rũ, những kẻ thù, những đe dọa tưởng tượng, để đập vào mặc cảm tự ty và kích động bản năng hung bạo. Khối người hiền lành ngay thật sẵn sàng nổi giậy dưới phù phép cây đuốc thần.

Đời sống bên ngoài hỗn loạn tương ứng với nội tâm con người hỗn loạn. Con người không kích thước không có thước đo vũ trụ mà họ đang sống. Xã hội không kích thước thiếu những tiêu chuẩn vững vàng để làm mốc cho con người bám víu.

Sự lạm dụng nguyên tắc chỉ đạo đã đưa nước Mỹ đến tình trạng xã hội một kích thước. Sự lạm dụng những khái niệm hoạt động, tranh đấu, hữu hiệu ở đây đã đưa đến tình trạng xã hội không kích thước. Con người một kích thước và con người không kích thước không ai chịu nhìn thẳng vào sự thật, không ai chịu nhìn ra những chân trời mới; họ cùng chung số phận giam hãm trong những mắt lưới đầy đặc chính họ tự tạo ra. Hẳn là một cuộc phân tích chi tiết về đủ các cạnh khía đời sống sẽ hứa hẹn nhiều cái bất ngờ.

Xã hội nhìn qua góc cạnh trên đây cho thấy một sắc thái có thể nói là bi quan — nếu không nói là thiếu khách quan. Dĩ nhiên, trong xã hội phải có những khuynh hướng khác tác động theo một chiều hướng chống lại những khuynh hướng nói trên để quân bình với sức phá hoại. Chúng tôi xin trình bày trong một bài khác.

vũ đình lưu

Kỳ tới : Luật Diễn dịch gia tốc và Luật Lưỡng triển
(loi de double frénésie)

MÙNG MÀN

người về bên sông

quanh đặc khói chiều ai đốt
mênh mang cơn buồn ngủ quay mòng
lời lạnh vắng nư tràn con mắt
eo gói lòng chờ gió may hong

hong khô giọng ai buồn bã hát
cuối sông rồi biết nước có trong
thuyền ván ghép đôi bờ cỏ quanh
xanh rất hiền thương nhớ mênh mông

sông có biết suối nguồn vẫn chảy
vẫn còn gieo bọt rượu đưa mời
sống say ngất quên đời một tối
mỏi van xin mấy điệu kinh hời

kinh hời đọc chiều hồn trắng chết
trắng chết rồi môi đỏ cho ai
thanh xuân ngậm bồ hòn đi miết
lang thang hoài nên tuổi vàng phai

tuổi vàng phai nghĩa là cháy nám
áo xanh phai bụi gió biên rừng
tiếng ngựa hí cỏ ai bông rất
bước voi đi ngực lép ta lồng

hồn rượu mạnh ngắt ngư chín kiếp
sông có không một chỗ yên nằm
bóng mù kéo thuyền mê bến một
cuối sông rồi ai hỏi mà thăm

đời lạnh vắng võ mồn đầu sóng
đời u mê niu bánh xe lăn
chân phố chợ bước lăm chợ phố
cuối đường cùng ngậm tiếng ăn năn

vẽ lên trán mặt trời linh hiển
ghi lên da khúc hát yêu người
lòng cứ ngỡ làng làng ý nhạc
không hay tìm chín trái sầu rơi

môi buồn lắm mà không rượu uống
sông nước đầy sao hồn cứ vui
gỗ thuyền hỏi sông ơi có phải
tình đôi ta rồi trắng hơn vôi

hồ dễ nuốt than hồng thời lửa
làm phép phù buộc lấy tình nhau
hồ dễ nắm khăn quàng xiết cổ
kết liễu tình bằng máu đờn đau

bão chẳng tới sao ta bỗng rét
ai vừa ngâm mấy khúc kinh hời
thôi đừng gọi ân tình xưa cũ
tình ta rồi cũng lạnh tanh thôi

như cỏ thụ một đời đứng ngóng
một đời trông gỗ mục hóa trầm
nếu mai kia ta ôm sông chết
cũng cầm bằng như một nhánh rong.

mường mán
tặng nguyên nhô châu

NGUYỄN ĐĂNG THỰC

địa lý văn hóa á châu

Xưa nay đã có biết bao nhiêu quan điểm về vấn đề văn hóa Đông phương và Tây Phương. Có thể nói lịch sử cận đại chỉ chạy quanh vấn đề ấy mà thôi. Có quan điểm cho « Đông phương là Đông phương mà Tây phương là Tây phương, hai bên không gặp nhau », như văn hào Anh cát Lợi viết :

East is East and West is West.
Never the twain can meet

Đây là một quan điểm phổ thông hơn hết trong dư luận thế giới.

Có quan điểm lại cho không phải vấn đề tinh thần nhân loại Đông hay có Tây mà là vấn đề vật chất với tinh thần, như văn hào Ấn độ viết :

Man is man and machine is machine
Never the twain can meet.

Người là người và máy móc là máy móc, hai đàng không gặp nhau)

Lại cũng còn nhiều quan điểm khác nhau như kẻ thì cho văn hóa Đông phương thì tĩnh mà văn hóa Tây phương thì động, hay là văn hóa Đông phương bảo thủ, văn hóa Tây phương tiến hóa v.v... Rồi cứ theo cái đà luận điệu bao biện « vơ đũa cả nắm » như phương ngôn Việt Nam thường nói, người ta dần dần

coi Đông và Tây như hai danh từ, hai khái niệm trừu tượng đứng biệt lập hẳn lên như hai cá thể lơ lửng không trung « chân không bén đất, cật không bén trời », không còn liên quan gì đến lịch sử hay địa lý, khí hậu nghĩa là không có quan hệ với không gian và thời gian, trong đó nhân loại sống còn sinh hoạt. Nếu hai danh từ Đông phương và Tây phương đối với chúng ta còn có được ý nghĩa gì thiết thực, không phải là hai khái niệm trừu tượng mơ hồ thì chúng ta không thể xét chúng ly khai đoạn tuyệt với con người thực tế, con người bằng da thịt luôn luôn sinh hoạt ở trong những điều kiện thời gian, trong hoàn cảnh lịch sử địa lý, khí hậu và xã hội. Đông phương với Tây phương tóm lại chỉ là các trạng thái sinh hoạt khác nhau của một nhân loại biết yêu biết ghét, biết tìm hiểu và biết sống theo những lý tưởng nó đã hiểu và tin. Những trạng thái sinh hoạt ấy trước hết ngụ ý sống còn và tiến hóa. Nhân loại không thể sống còn và tiến hóa được nếu nó không thích ứng điều hòa được trước hết với hoàn cảnh thiên nhiên, với khí hậu và địa lý, không dễ cho chúng tiêu diệt. Đây là một điều tiên quyết khi chúng ta muốn tìm hiểu hay so sánh Đông Tây vì Đông Tây là hai phương diện sinh hoạt của nhân loại của hai hoàn cảnh địa lý khí hậu khác nhau trên mặt đất kể từ khi có nhân loại hiện ra.

Bởi vậy mà nghiên cứu văn hóa Á châu, trước hết chúng ta cần phải tìm hiểu chính cái địa bàn sâu khấu trên đó nhân loại Á châu kể từ lúc khởi thủy của lịch sử đã phô diễn những hoạt động giao dịch với thiên nhiên, từ các nhóm người nhỏ ở các khu vực, dần dần mở rộng ra các khu vực lớn của lục địa Á châu và trở nên những khối nhân loại vĩ đại hàng triệu triệu, gồm nhiều ngôn ngữ khác nhau với chủng tộc khác nhau vậy. Loài người sinh hoạt trong một hoàn cảnh thực tế nào, ắt phải chịu ảnh hưởng sâu xa của hoàn cảnh, và những ảnh hưởng đầu tiên ấy, chắc chắn đã in dấu khá sâu vào cá tính văn hóa và văn minh của nó sau này, nếu chẳng phải đã phải quyết định một phần lớn vào khuynh hướng riêng biệt của từng hoàn cảnh, từng khu vực văn hóa như khu vực Đông với Tây hay Trung hoa với Ấn độ.

Lương Khải Siêu từng viết: « Cực hàn cực nhiệt chi địa, kỳ nhân cùng nhật chí lực, dĩ ứng phó thiên nhiên chi tiến bách,

hả bất cập, dĩ cố văn minh chi lịch sử, độc khởi ư ôn đới. Khốc nhiệt chi thời, sử nhân tinh thần hôn trầm, dục dĩ nhiên lực tương tranh chi bất khả đắc.

Nghiêm hàn chi thời, sử nhân tinh thần tiều tụy, dĩ thiên nhiên lực tương đề đại kịch, nhi cách vô dư lực dĩ cập kỳ tha. Hết đới chi nhân, đắc y thực thái dị, nhi bất ư tiến thủ. Hàn chi nhân, đắc y thực thái nan, nhi bất năng tiến thủ. Duy cư đới giả, hữu tứ thời chi biến thiên, hữu hàn thử chi đại tạ, cầu lao lực, tắc bất túc dĩ tự cấp. Cầu năng lao lực, diệc tất đắc báo thù. Tỉ văn minh chi quốc dân, sở dĩ người ư tắc bán cầu, đại nguyên dã. »

Lương-Khải-Siêu

« Địa lý dữ văn minh chi quan hệ. »

(Âm-bằng văn tập)

Nghĩa là: « Đất rét quá hay nóng quá, người ta phải dùng hết sức hàng ngày để đối phó với sự bức bách tiêu mòn của thiên nhiên, mà cũng còn không kịp, bởi thế mà lịch sử văn minh chỉ bắt đầu ở nơi ôn đới. Thời tiết quá nóng khiến cho người ta tinh thần mờ ám, muốn cùng với sức thiên nhiên tranh thắng mà không được.

Thời tiết quá lạnh khiến người ta tinh thần tiều tụy, cùng với sức thiên nhiên chống cự kịch liệt quá đến nỗi không còn thừa sức để lo việc khác nữa. Nhân dân miền nhiệt đới, có được sự ăn mặc dễ dàng, mà không nghĩ đến sự tiến thủ nữa. Nhân dân miền hàn đới khó khăn mới có được ăn mặc thì không thể tiến thủ được. Duy chỉ có ở miền ôn đới, bốn mùa biến thiên, có nóng có lạnh đắp đổi lẫn nhau, nếu không lao lực thì cũng có được sự đền bù. So sánh dân tộc các nước văn minh thì thấy nguồn gốc chính bắt nguồn ở phía bắc bán cầu vậy ».

Trên đây họ Lương cũng đồng tình với các nhà nhân văn học hiện đại mà nhận ảnh hưởng trọng đại của hoàn cảnh địa lý khí hậu vào cách thức sinh hoạt và tư tưởng của nhân loại. Đành rằng nhân loại thích ứng với hoàn cảnh khác với cầm thú ở chỗ không hoàn toàn thụ động mà luôn luôn phản động lại, tìm biến đổi thiên nhiên, lợi dụng nguyên liệu để tăng cường cho sự sống,

do đấy mà chỉ có nhân loại mới sáng tạo được văn hóa với văn minh. Nhưng dù sao ngay từ bước đầu, ảnh hưởng của khí hậu địa lý quyết định chiều tiến hóa của nhân loại ở các khu vực Đông hay Tây. Bởi vậy mà muốn tìm hiểu chiều khác nhau ấy để cải thiện lẫn nhau, chúng ta cần phải xét tới hoàn cảnh địa lý, khí hậu vậy.

Hoàn cảnh địa lý, khí hậu của văn minh Đông Tây khác nhau ở ngay từ nguồn gốc khởi phát. Văn minh Đông phương ở khu vực Trung-hoa hay Ấn-độ đã nảy nở tại khu vực các dòng sông Lớn giữa lục địa chạy dài không gián đoạn từ ôn đới xuống nhiệt đới, còn văn minh Tây phương ở khu vực Hy-lạp hay La-mã đã sinh trưởng ở nơi hải đảo hay bán đảo chính giữa ôn đới và hầu như cách biệt với lục địa. Do đấy mà ngay từ bước đầu nhân loại Tây phương đã hướng về đường thông thương để phát triển, còn nhân loại Đông phương hướng về canh mục. Canh mục dựa vào thiên nhiên để sinh sống, mà thông thường thì phải tranh thắng với trở ngại thiên nhiên, trước hết là sóng biển ngăn cách đảo nọ sang đảo kia. Ở ngay bước đầu ấy, chúng ta có thể thấy nảy nở những tính tình khác nhau như hiểu động hiểu tĩnh và đồng thời một quan niệm khác nhau về sự vật. Tây phương quan niệm : Người với thiên nhiên đối lập nhau, thù nghịch nhau như hai thế giới cách biệt bằng một cái hố bất khả xâm phạm : vật và tâm. Trái lại Đông phương lại quan niệm Thiên-Địa-Nhân, ba « tài » quán thông, thế giới là một hòa điệu thái hòa. Về điểm này, thi hào Ấn, R. Tagore đã viết rất bóng bẩy :

« Chúng ta có thể nhìn một con đường ở hai phương diện khác nhau : Một là chúng ta có thể nhìn ở con đường ấy như là cái gì nó làm xa cách chúng ta với vật ta mong muốn. Và như thế thì mỗi bước chúng ta đi trên con đường ấy là một bước đường tranh thủ bằng sức lực chống đối với các chướng ngại vật. Hai là người ta cũng có thể xem con đường kia như con đường giắt ta đến mục đích của chúng ta, và ở trong quan điểm này thì con đường kia là thành phần thuộc về mục đích, nó đã là bước đầu thắng lợi cho chúng ta. Trong khi đi trên con đường chúng ta chỉ thu lượm được những gì nó tự nhiên cống hiến cho chúng ta. Quan điểm thứ hai này là quan điểm của Ấn-độ nhìn thiên nhiên. Điều cốt yếu đối với chúng ta là chúng ta với thiên nhiên

hòa hợp. Người ta có thể tự duy trì và vì những ý tưởng của mình có chỗ hòa hợp với sự vật. Nếu người ta có thể lợi dụng những mãnh lực thiên nhiên cho mục tiêu của mình là chỉ vì năng lực của mình hòa hợp với thể lực đại đồng. Rút cục thì sự nỗ lực của người không có thể bao giờ trái nghịch với mục đích biểu hiện ra ở thiên nhiên.

Thiên nhiên ở Tây phương theo cảm tưởng thông thường trái lại thuộc về giống vô tri vô giác và cảm thú. Người ta tưởng như thấy có một sự đứt đoạn không giải thích nổi ở ngay tại chỗ khởi điểm của nhân tính. Đối với Tây phương, tất cả cái gì thấp kém trên cầu thang tiến hóa thì chỉ là thiên nhiên và tất cả cái gì mang dấu thành tựu về trí thức hay đạo đức là thuộc về nhân loại. Khác nào người ta xếp đặt bông hoa và nụ hoa vào hai phạm trù riêng biệt, và người ta gán cái đẹp cho hai nguyên lý mâu thuẫn và khác biệt. Tinh thần Ấn độ trái lại không từng ngần ngại thừa nhận sự thân thuộc giữa người với thiên nhiên và sự liên tục trong sự tương quan của mình với vạn vật.

Đối với Ấn độ, lý đồng nhất tính căn bản của tạo hóa không phải chỉ là một đề tài suy luận triết học. Cứu cánh của đời sống là thực hiện cái đại hòa điệu trong tinh cảm và trong hành vi. Bằng tâm niệm và tinh thần cung kính, và bằng sự điều chế hóa đời sống, Ấn độ đã tu sửa tâm hồn để cho tất cả đều có một ý nghĩa tâm linh. Đối với nó, đất, nước và ánh sáng, hoa, trái không phải chỉ vì những hiện tượng vật lý người ta lợi dụng để rồi bỏ đi. Chúng là những vật cần thiết cho nó để đạt tới lý tưởng hoàn toàn cũng như trong một bản nhạc thì mỗi một thanh âm đều hướng vào toàn bộ cộng đồng. Ấn độ đã cảm thông bằng trực giác cái thực tại cốt yếu của vũ trụ đối với chúng ta có một ý nghĩa sống còn, chúng ta phải ý thức lấy cho đầy đủ và thiết lập với vũ trụ những quan hệ khiến cho chúng ta thực hiện được cái thực tại ấy trong tinh thần tương ái, với một bầu lạc cảm, an hòa, quảng đại chứ không phải chỉ có sự khích động của khoa học tò mò hay là của sự cần lợi vật chất ».

SADHNA

(bản dịch của Jean Herbert)

Tất cả những nhận định trên đây của thi hào Tagore đối với khuynh hướng truyền thống của văn hóa Ấn Độ có thể thích hợp hoàn toàn cho văn hóa Trung Hoa. Cái điểm xuất phát của văn hóa Ấn độ, nhìn vũ trụ là một đại hòa điệu để rồi tìm thực hiện ở tâm hồn đến chỗ quân bình toàn diện thì cũng chính là cái điểm xuất phát ở văn hóa truyền thống Trung hoa như viết trong bộ kinh tối cổ là Kinh Dịch. Mở đầu kinh Dịch viết :

« Các chính tinh mệnh, bảo hợp thái hòa nãi lợi trinh ».

Trong vũ trụ, một vật riêng biệt đều giữ cái đường tiến hóa của bản tính cho ngay chính, bảo vệ và hòa hợp với hòa điệu đại đồng thì lợi ích lâu dài.

Và Không Tử tuy là một nhà luân lý, chính trị thực tiễn, nhưng cũng không mẫn nguyện với trí thức hay tình cảm về cái thực tại của vũ trụ ấy, mà còn nhằm thực hiện ở tại tâm hồn đến cảnh giới lạc cảm đầy đủ. Cho nên Ngài nói ở Luận ngữ :

Biết đạo không bằng yêu người

Yêu đạo không bằng vui đạo

Tri chi bất như hiếu chi

Hiếu chi bất như lạc chi ».

(Luận ngữ)

Không còn chứng minh dài lời, chúng ta chỉ cần biết rằng tuy văn hóa Ấn độ, văn hóa Trung hoa có nhiều điểm khác nhau, một đường thì nặng về Giải thoát một đường thì thiên về Đại đồng, nhưng cả hai đều chung một khởi điểm căn bản, là tin vào cái nguyên lý đồng nhất truyền thống trường cửu ở vũ trụ và thế giới. Tất cả hiện hữu đều nằm trong cái truyền thống ấy, và cái thực tại truyền thống ấy linh động không phải là vấn đề lý thuyết mà là một vấn đề thực hiện, phải sống bằng sự tu sửa từ bên trong tâm hồn, để ảnh hưởng ra ngoài nhân quần xã hội và thiên nhiên, và đồng thời sự hoạt động ở xã hội và thiên nhiên, phải đi đến mục đích tu sửa tâm hồn, mở rộng nhân bản đến quân bình toàn diện.

Truyền thống ấy là một tín ngưỡng do địa lý, khí hậu từ lúc khởi thủy đã ấn định vào tâm não của dân tộc Á châu. Chúng không quen nhìn sự vật trong vũ trụ đối lập cái nọ với cái kia mà từ cá nhân đến đoàn thể, từ bộ lạc đến quốc gia, thiên hạ, từ nhân loại đến thiên nhiên, chúng cần tìm cái dòng sáng tạo cộng thông liên tục để mà thực hiện. Đây là « bản lai diện mục » của nhà tu Thiền tìm thực hiện phục hồi. Bởi vậy mà các biên giới chính trị hay kinh tế, chủng tộc, giai cấp quý tộc hay bình dân, tâm hay vật chỉ có ý nghĩa tương đối luôn luôn sinh thành. Nếu vật hòa vào tâm hay tâm hòa với vật thì không còn là hai phạm trù đối lập mâu thuẫn là vì Á châu đã tin ngưỡng vào cái truyền thống, cái gì trường cửu linh động như một nguồn sống đại đồng vô hạn trôi chảy không ngừng, ngày đêm bất chỉ bên trong thế giới biểu hiện ra hai phương diện Vật và Tâm :

Sinh sinh chi vị dịch

(Sống sống hoài gọi là biến dịch)

hay là : Thiên địa chi đại đức viết sinh

(Cái đức lớn nhất của trời đất là nguồn sống).

(Hệ từ Truyện)

Cái nguồn sống sáng tạo, sinh sinh ấy mà Á châu lấy làm thực thể truyền thống, trường cửu của vũ trụ thiên biến vạn hóa chính đã do cái địa lý và khí hậu của lục địa và khí hậu của lục địa mệnh mông, cây cỏ tươi tốt gọi ra và in sâu vào trong tâm hồn nhân dân nông nghiệp Á châu.

« Người trồng cấy lúa hành động với cách thức tương tự những nghi thức ma thuật hay tôn giáo, những hành động của nó không có một hiệu quả tức thì. Gặp thời tiết nhất định trong năm, do vị trí các ngôi sao đã vạch ra cho nó, nó bắt đầu làm đất, một công việc kỳ lạ không trông thấy kết quả cụ thể ngay. Trong đám đất đã xới lộn ấy, nó đã đặt những củ hay hạt giống ăn được mà có lẽ cần dùng để nuôi thân. Sau đấy, một khi đã làm xong những động tác tập truyền ấy, nó đợi chờ.

Nó bảo vệ các khoảnh đất đã xây cất hay đã gieo ấy bằng hàng rào và ngăn cách các giống vật khác không đến quấy nhiễu

sự nảy nở của các mầm giống kia. Nó tự bảo vệ một cách tiêu cực. Một vài tháng sau, nó thu hoạch gắp bội kết quả của những vật nó đã đặt xuống đất.

Công việc của người chăn nuôi súc vật thì khác hẳn súc mục bốn chân, và nhất là cừu, sinh sống cũng như người và sinh đẻ dưới mắt nó cũng một lối. Sự sinh sản của mục súc như vậy thì ít có vẻ bí hiểm so với đất đai. Nhưng nó cần có sự trông nom và can thiệp luôn của người. Mỗi ngày phải trông nom, coi sóc, dắt đi cho ăn cho uống, phải che chở chúng sống với thú dữ và chống với người khác đến phải chiến đấu. Phải lo cho chúng thức ăn, du mục di chuyển để tìm cỏ và thức ăn nước uống cần thiết cho súc vật. Phải nghỉ hộ cho nó và trông nom một cách tích cực.

Người ta có thể tưởng tượng khác nhau về tính tình Tây phương và Viễn đông khi quay về sự biệt biệt giữa mục đồng, nông phổ. Tính tình Tây phương là tính tình của mục đồng, tính tình của Đông phương là tính tình của nông phổ ».

RENÉ DE HETRELON

Essai sur l'origine des différences de mentalité
entre Occident et Extrême-Orient.

(France Asie)

Và tác giả trên đây kết luận vũ trụ quan khác nhau của tính tình mục đồng Tây phương và tính tình nông phổ Đông phương :

« Trung-hoa và Ấn-độ xưa, dung hòa nhân loại với vũ trụ, đã đối lập cái mà chúng ta gọi là phẩm thần với nhị nguyên căn bản của Âu châu thời cổ. Sản phẩm của sự phát triển nền văn minh nô lệ cổ xưa, kể từ thời kỳ tích Hy-lạp, quan niệm nhị nguyên ấy sẽ là dụng cụ tinh thần chính của tư tưởng Tây phương. Nhưng cái văn hóa ấy, coi con người như cái máy đã sớm khích động ra những sự phản động lại bản tính thiêng liêng nhân loại và sự phân biệt hẳn nhân loại với động vật khác. Sự khôi phục ấy bành trướng rất mạnh với giáo lý Giáng Thế, căn bản của đạo Cơ Đốc. Ngôi sáng tạo của chúa tể vũ trụ, Thượng đế xuống làm người và đề tham gia và khôi phục lại nhân tính ».

Quan niệm phẩm thần trong văn hóa truyền thống Á châu không phải có ý nghĩa duy vật, kéo nhân tính thoái hóa xuống

hàng vô tri giác và cảm thú, mà trái lại như đã nói ở trên, nó tin vào một lý tính trường cửu, truyền thống, bản tính siêu nhiên và tồn tại trong cái hệ thống « Tam tài » Thiên — Địa — Nhân.

Thành tính tồn tồn đạo nghĩa chi môn.

Thành tựu cái bản tính trường cửu là cửa ngõ cho đạo lý và cho nghĩa lý.

(Hệ từ)

Bản tính trường cửu, bản ngã tâm linh hay là nhân vị thiêng liêng đều là những danh từ để nói cái nguyên lý siêu nhiên trong cái hệ thống Tam tài nhất thể là Thiên — Địa — Nhân, trong đó nguyên lý siêu nhiên đứng trên bình diện biểu hiện của lưỡng nguyên tâm vật mâu thuẫn đối đãi. Chứng nào chúng ta quan niệm thế giới hiện hữu chỉ có vật chất với tinh thần xung đột mâu thuẫn với nhau, mà chúng ta tìm cách giải quyết sự mâu thuẫn ấy bằng cách lấy tinh thần diệt vật chất hay lấy vật chất diệt tinh thần nghĩa là chúng ta giản dị hóa bằng cách trừ bỏ một phương diện đi, ấy là chúng ta đã giải quyết trong sự mê lầm, không tưởng, vì như thế thì hết cả thế giới sinh thành sáng tạo bất tuyệt.

nguyễn đăng thực

TRẦN THỊ NGH.

trưa nắng

Tấm kính trên mái nhà vào buổi trưa hanh nắng khó chịu, những cái áo treo nhằm chỗ nắng chói dường như bạc màu dần ở vai, hay có lẽ đã tới kỳ phải sắm thêm một loạt áo mới thay loạt cũ. Còn vô số quần áo giấy dép bỏ lại nhà, nhưng Mar không thể viện cớ gì với ba để đến lấy hộ, hay Tường, mọi người đều tưởng tôi đang chung sống với Tường. Trưa nóng và buồn. Tôi châm thuốc tôi chống mặt. Mar tỏ vẻ nghi ngờ tôi làm vậy, hẳn khuyên tôi bình tĩnh, trong một hoàn cảnh hiện tại phải đối phó, tốt hơn tôi nên đến ở với hắn, hắn nói, hay nếu cô ngại tôi sẽ đến ở với B. và cô giữ lấy phòng của tôi tới chừng nào tùy thích. Tôi nói với Mar tôi cần một chỗ ở vĩnh viễn, không phải lúc lợm tạm nữa. Chứ không phải cô nói là cô thích sự tạm bợ sao? Tôi không trả lời Mar. Tôi nhớ tôi luôn luôn nói với Mar những điều mâu thuẫn. Hắn khéo léo đẽ v và thỉnh thoảng bắt chẹt tôi. Như tối hôm qua ở nhà B., hắn hỏi cô yêu tôi phải không? Tôi gật đầu, cười. Sau một lúc yên lặng hắn nói, cái tình thân giữa tôi và hắn đang ở mức tốt đẹp nhất, nếu thay đổi sợ không được vui. Tôi cười bạo, tôi biết chứ, cũng như khi tôi nói tôi yêu ông tôi cũng biết câu ấy rất dễ nói, chữ nghĩa là tên đại bịp. Mar có vẻ nghiêm chỉnh sau câu nói của tôi, hắn nói giọng cả quyết

hưng chăm rãi, nhưng tôi có thể đoán được mà, nếu cô cho chữ nghĩa không có giá trị trong câu cô vừa nói. Được rồi tôi yêu ông, như thế có gì bậy đâu. Tôi cũng nói rõ cho Mar biết hẳn là điều kiện để làm một người bạn nhưng thiếu yếu tố để làm một người tình, và nếu hắn đoán là tôi yêu hắn thì không sai vậy nhưng cũng không đúng. Mar kêu lên, cô nói như nói chuyện chơi! Thì tôi với ông có chuyện gì không là chuyện chơi ẬU! Mar nói, Ô-kê. B. từ trên lầu đi xuống và chúng tôi ngừng câu chuyện lại ngang đó. Mar như vẫn còn bứt rứt về những điều ôi vừa nói, nhưng trong mắt hắn tôi đọc thấy sự cả quyết, hẳn in là tôi yêu hắn thật mà, trong khi ngược lại tôi nghĩ Mar đang lo những bước tình cảm sáng suốt và chắc chắn, sau ba năm làm việc chung hẳn tuyên bố tôi là người con gái Việt nam duy nhất hắn có thể hòa hợp trong đời sống tình thân. Cách Mar dò thăm tình cảm tôi chỉ là một cái vỏ che khuất sự thật của hắn, Mar không biết đó là một cái vỏ giả, tôi không có sự thật nào hết.

Về tấm kính trên mái nhà, tôi muốn tìm cách che nó lại để nổi trưa khỏi bị chói nắng. Thứ nắng hanh như nhối đôi lúc làm tôi điên tiết. Tôi nghĩ đến căn phòng tiện nghi ở nhà, nhưng như thế ý nghĩ lại dẫn dắt tôi đi lung tung, tôi nhớ tới ba như một thảm họa và cuộc đi trốn vô hạn định của tôi trong cái gác nhà thẳng Hùng; không biết trong những ngày sắp tới có gì thay đổi, tôi không thể sống mãi trong sự tạm bợ thiếu thốn. Tôi nhớ ở Tường như một niềm vui thân, và Mar một trò đùa.

Thực ra, hồi sáng khi chị Tùng gọi điện thoại nói ý ôi về hoàn cảnh của ba hiện tại và kêu gọi ở tôi lòng vị tha và sự đề cao cảnh giác, tôi vẫn còn chảy nước mắt được trước cái giọng mũi lòng của chị. Lần đầu tiên tôi khóc trong điện thoại, tôi chưa bao giờ được nghe ai khóc trong điện thoại hết. Chị Tùng nói, chị biết em buồn lắm, chị ở ngoài mà còn buồn khổ thay, huống chi em là người trong cuộc, dù gì cũng đừng làm chuyện chi bậy, rần rần nhẩn nhẩn lấy thân, hay dọn về ở căn nhà mới của chị cho tự do, nhà bỏ không, có em ở thêm vui chứ sao. Tôi nghe chị Tùng

và nghĩ tới căn phòng mờ mịt của Mar, nhưng tôi không dám hó hé với chị Tùng. Tôi cũng nghĩ nếu tôi đến ở phòng Mar thì cũng là một cách vui chơi đấy chứ gì, như ở khách sạn với Tường, như ở biển với Ngự.

Coi tôi khóc là khóc chơi vậy, chứ tôi không buồn bã gì lắm như chị Tùng nói. Bởi lúc đang khóc tôi đã không khóc được, khi khóc được tôi lại chẳng biết tại sao khóc. Chị Tùng tưởng mấy lời khuyên dút của chị có hiệu quả cấp kỳ. Mar đang ngồi đánh máy ở bàn đối diện thỉnh thoảng ngừng tay nghe. Ngó bộ mặt mũi tôi bi đát, bộ cuộc đi trốn của tôi tới đây phải làm rơi nước mắt người này người nọ. Chị Tùng dặn hôm nào rảnh ra nói chuyện. Mar thấy tôi gác máy lật đặt gỗ tiếp. Tôi hít mũi lịt xít. Tôi cũng chẳng biết có phải tại cái giọng của chị Tùng, hay tại trường hợp tôi phải được khóc một trận mới hả, hay vì tất cả những điều ấy. Nhưng thật tình là từ hôm bỏ đi tới nay, tôi vẫn chưa khóc được một trận nào vừa ý. Tôi không muốn làm động lòng Mar làm gì. Tôi sang phòng B. tìm một cái khăn giấy hỉ mũi.

Tôi ngủ được một chút trên cái giường nhỏ của Mar ở phòng trong. Cái giường có tấm nệm mousse quá dày và mềm, mỗi lần trở mình toàn thân như bị tung lên tung xuống theo độ nhún của tấm nệm. Khi thức dậy tôi thấy muốn bệnh, trán nóng ran, đàm chẹn ngửa ngang cổ họng. Sau đó tôi gắng đọc một chuyện ngắn trong tờ tạp chí mang theo, tôi để ý tìm đọc đoạn tiếp theo của chuyện dài mà hôm ở khách sạn tôi đã bị được dùm Tường một trang, đã đăng trong số trước, nhưng tờ báo dường như có vài mục thay đổi, những bài thường xuyên được thay bằng những trang thơ và các bài nhận định văn nghệ. Tôi nghĩ có lẽ Tường đau ốm chi đó, hay đã hết sức tưởng tượng thêm đoạn sau, hoặc có thể cái đoạn văn của tôi kỳ rồi làm cho câu chuyện lủng củng khiến Tường không thể tiếp tục nữa. Thật ra những điều này không có gì quan trọng. Tôi nhớ Tường và muốn tìm dấu Tường qua những bài báo và những nơi có tên tuổi Tường.

Tôi lạnh cóng vì cái máy lạnh nhưng không tìm đâu ra tấm chăn. Tôi tắt máy, muốn châm thuốc hút nhưng sợ cơn ho mắc dịch đang chờ sẵn trong họng. Khoảng 5 giờ Mar về, tôi ra mở cửa với cái mặt đã dợt xơ xác.

Mar kêu lên, cô giống như muốn khóc! Đâu có, tự nhiên tôi cảm ngang. Trưa đến giờ cô làm gì? Tôi ngủ được một chút. Hồi 2 giờ rưỡi tôi có về nhưng không có chìa khóa vỏ. Tôi đi ăn, ai bảo ông giao chìa khóa cho tôi làm gì? Nhưng cô vừa lòng về buổi chiều chứ? Cảm ơn, khi một mình tôi cũng không biết làm gì. Mar ôm tôi trong cái ngực áo ướt mồ hôi, nếu tôi không đề có một mình thì đời nào cô chịu tới đây chứ! Tôi cố dẫn cơn ho mỉm cười với Mar, tôi muốn bệnh vì cái máy lạnh của ông.

Khi nói chuyện với Mar tôi nghe mùi mồ hôi quen thuộc của hân thoát ra từ nách áo và ngực. Tự dưng lúc ấy tôi thấy cảm động. Tôi muốn có những dịp tương tự với Tường, nếu chúng tôi có một căn phòng tiện nghi vừa phải, tôi sẽ dụ Tường thỉnh thoảng bỏ vợ con đến chơi với tôi, tôi sẽ thương yêu Tường như một người bạn tốt, và đồng thời như một người tình; tôi cũng muốn nói chuyện giữa tôi và Tường đều có một giới hạn minh bạch, hợp lý, như Mar đã luôn luôn biết dừng lại ở đúng mỗi thời khắc quá đáng nào đó.

Mar cởi áo sơ mi sửa soạn đi tắm. Tôi buộc lại tóc bằng sợi dây thun, thu xếp sách báo trên giường trước khi về. Ra phòng ngoài tôi nói với Mar, trả lại ông căn phòng và cái chìa khóa, lâu ngày chắc tôi phải dọn tới đây ở luôn. Cô không thích có thêm thói quen sao? Nhưng sao cô không ở nán lại một lát, cô sợ hả? Tôi nói, bộ ông không đáng sợ sao? Mar cười. Tôi thấy ít ra Mar cũng biết là tôi sợ hân thật. Cái ngực của hân quyến rũ lắm, thỉnh thoảng tôi lại muốn khóc trên đó một trận, điều này thì Mar không thể biết được.

Hai cái hồ song song với nhau, một cái lớn một cái nhỏ, cái nhỏ xây theo hình tam giác, như một thỏi bánh cắt ra từ một hình tròn chia làm tám. Người lớn tắm ở cái hồ lớn, trẻ con

chơi giỡn bên kia. Nắng làm nước chói như bạc, gạch xây hồ màu trắng qua lớp nước trong xanh bị khúc xạ nghiêng ngả. Mới nhào xuống nước tôi nghe sợi dây áo tắm tuột luột; bộ đồ của Ngọc mà lúc mới mượn, chưa thử tôi đã biết nó sẽ trục trặc đủ chỗ. Nước có mùi tanh phong-tên và trên mặt nổi màng màng như dầu, có lẽ từ những nếp tóc chảy kem của bọn con trai lười giữa hồ. Mấy cô gái tụ lại một nhúm trững giỡn với trái banh màu, trong bọn có một người cười giọng lẳng hết sức. Bọn con trai thỉnh thoảng té nước chọc. Tôi bị bơm cho tới khi lạnh run mới lên. Nắng tốt nhưng không có chỗ nằm phơi, với nữa đây chỉ là một hồ tắm hỗn tạp không mấy lịch sự. Tôi nghĩ hôm nào rồi Tường đi lười ở Thủ Đức hay theo Mar vào CSS chắc thú. Thằng quán cái chần đồ thỉnh thoảng lại ngó tôi một lát, nó hút Capitan và phì khói xuống đầu gối, tôi làm bộ không để ý, chắc nó cũng thấy tôi có cái áo tắm rộng hoác. Khoảng 12 giờ tôi thay đồ về, tóc ướt nhẹp và mình mẩy rít như dính kẹo.

Cũng chẳng vui về gì, tôi hết chỗ đi vào ngày Chủ nhật, nhưng nếu ở miết trên gác tầng Hưng tôi sẽ làm gì? Tôi bày đặt giải trí theo kiểu trưởng giả với chân tướng của con nhà bản. Tôi có nhiều thì giờ nhưng lười xử dụng cho những việc hữu ích. Tôi sống như một người hùng bề ngoài với tâm hồn của một kẻ khó, một kẻ tàn mạt bỉ ổi. Tôi tưởng tôi sung sướng với các cố gắng ấy.

Ngày chủ nhật tuy vậy không phải chấm dứt ở hồ tắm. Vào buổi chiều tôi ra phố một lát với bộ đồ đánh tennis và cây vợt Wilson. Tôi ghé quán sách của chị Nga mua quyển Banka của Yassuko Harada mà Tường đã mượn hai năm trước, (câu chuyện về một cô bé tên Reiko hay ngồi ở quán cà-phê Daphné và yêu một người đàn ông đã có vợ tên Katsuragui; khi đọc quyển này vợ Tường đã tỏ vẻ mê thích đến độ muốn giữ luôn như một món quà tặng, thái độ của vợ Tường ít nhất cũng làm tôi nao núng chột dạ). Sau đó thay vì đi đánh banh ở nhà B., tôi sức nhớ có hẹn với Mar 7 giờ ở phòng 206, tôi xách cây vợt và quyển sách mới mua đến nhà Mar.

Trước khi bắt đầu buổi tối, chúng tôi ngồi ở phòng khách, Mar ở trần xem báo, tôi hút thuốc. Tôi không biết trước nỗi Mar

rũ tôi đến nhà hẳn làm gì, và dường như chính cái sự việc không rõ ràng này khích động sự tò mò của tôi. Hẳn luôn luôn giành cho tôi nhiều điều ngạc nhiên. Trước hết hẳn lấy cho tôi một cái khăn lông lớn, bông hoa sắc sỡ. Tôi không muốn Mar giải thích, cũng không cần biết những chuyện sắp tới. Mar có cái ngực quyến rũ, như thế cũng đã làm tôi yên tâm. Hẳn điều chính hai cái khóa nước để lấy độ nóng vừa phải, bảo tôi thử tắm tuyệt lắm. Hẳn ra phòng ngoài. Tôi cầm cái khăn lông đứng tần ngần trên cái sân vuông xây lổm bằng gạch men xanh, nước phun từ cái vòi máng trên móc bần lấm tẩm lên tường, ẩm và thơm ngát. Tôi hỏi lớn, còn ông? Tôi không tắm, Mar nói. Tôi gài cửa nhé! Không nghe Mar trả lời, tôi hé cửa nhìn ra phòng ngoài thấy hẳn đang ngồi chờ người trong ghế dựa, ra-đô băng FM đang phát một đoạn nhạc Mỹ.Ồn ào, tôi gài cửa, cởi quần áo.

Nếu kể luôn lần tắm ở hồ, đây là lần thứ ba trong ngày tôi tắm, mặc dù bộ đồ mới được thay chưa dơ vì buổi chơi đánh banh ở nhà B. bị hủy bỏ. Dĩ nhiên chỉ vì Mar đã sắp xếp hết mọi chuyện, trước tiên cái vòi nước nóng làm tôi bị kích thích, sau nữa tôi muốn biết tắm ở nhà một người đàn ông độc thân có gì lạ.

Cũng chẳng có gì lạ, mùi xà phòng làm tôi khỏe nhưng tôi cũng thấy lạnh vì nghịch nước lâu, màu đèn tube trắng xanh khiến những cái mụn đỏ trên ngực như có màu bầm tím. Cửa phòng tắm bị gài trong khi phía sau cánh cửa Mar đang ngồi ở trần, tiếng nước chảy trong một căn phòng có hai người làm tôi nghĩ bậy.

Tắm xong tôi ra với Mar. Chúng tôi cũng ngồi trên tấm thảm lát sàn nhà nói chuyện. Mar vẫn còn cái mặt lừng lực mở hời vì một ngày chời túc cầu ở sân vận động. Lát sau hẳn châm cho tôi thuốc. Thuốc con queo được lấy ra từ cái bao hiệu Park Lane, miệng bao mở tác hoác, đầu thuốc được gói tẩm lại vụng về, thuốc vắn phía trong có vẻ lỏng lẻo. Mar rít những hơi dài trong khi tôi chỉ bập cho có chừng. Hẳn bảo, tôi coi bộ có chẳng hút gì ráo. Có chứ, tôi cũng hút chứ. Tôi nói dối, tôi sợ đủ chuyện. Như hôm đi hút á phiện ở nhà ông Chính với

Tương tôi cũng đã chẳng rõ tôi cái tàu. Tôi sợ hết thấy các loại thói quen, nhưng có lẽ tôi sợ nhất là thói quen của người khác. Chẳng hạn trong cơn mê Mar có thói quen làm tỉnh, và nếu tôi cũng như Mar thì còn trời đất gì nữa mà nói.

Đến điều thứ hai thì Mar bắt đầu như tử, hần ngoẻo đầu lên vai tôi. Lúc đó tôi muốn hôn Mar hết sức. Mùi mồ hôi và màu da nâu trên người hần làm tôi xốn xang. Mar như vẫn còn một chút sáng suốt để giữ lại cái giới hạn bấy lâu chúng tôi vẫn giữ được với nhau. Hần khở sở thấy rõ, hần không giấu nổi điều đó. Tôi đẩy nhẹ vai Mar, đi ngủ đi ông, tưởng tượng coi ngày mai còn gặp nhau ở sở nữa. Cô không ngủ ở đây sao, mới có tám giờ mà. Tôi ngủ đây ông ngủ đâu? Cô chưa say sao? Tôi hút có một điếu. Mar đưa cánh tay muốn ôm tôi nhưng sau cùng hần chỉ mỉm cười một cách dịu dàng. Ngay lúc tôi chẳng kịp chuẩn bị gì hết, Mar hôn tôi lần đầu. Tôi muốn nói đó là lần đầu tôi cảm thấy có một sự hòa hợp kỳ diệu. Sau đó Mar đi ngã nghiêng vào phòng ngủ, vai hần ngang và lớn, tưởng tượng tôi nằm chung cái giường nhỏ với hần, tôi sẽ ngộp thở.

Mar nằm sấp, từ ngoài nhìn vào thấy cái lưng hần dài thượt. Tôi thu xếp sách vở trên bàn, dẹp ly uống nước và mấy hộp bia rỗng, tôi cũng vuốt lại mấy điếu thuốc cong queo trong cái bao Park Lane. Xong xuôi tôi đứng ngay cửa phòng ngủ gọi Mar, tôi về nghe, ông nhớ một lát dậy khóa cửa. Mar cố gắng ngóc đầu lên, tôi thấy hai mắt hần nhắm hít, sao vậy, sao cô không ở lại. Tôi nói, trời đất, ông chẳng hiểu gì ráo. Hần lại thụp đầu xuống nệm, bết cựa quậy. Suốt ngày hần chơi túc cầu ở sân vận động, hần hút hai điếu Mari juana trong lúc bụng đói. Tôi thấy cái lưng hần dài và tội nghiệp, đáng lẽ tôi bước sâu vô thêm một chút hôn hần trước khi về, nhưng tôi sợ sau cái hôn sẽ chẳng còn chuyện gì trước đó nữa. Có thể Mar sẽ vật tôi ngã, có thể tôi ngã một mình. Tôi ra cửa còn nghe tiếng Mar lí nhí như nói mê. Xuống cầu thang Mar còn gọi tên tôi hai ba lượt. Tôi xách cây vợt và cái bao ny-lông có đựng khăn tắm và quyền Banka đi vấp hai nấc thang xuống tầng dưới.

Sau bữa tối Chủ nhật chúng tôi gặp lại nhau ở sở, Mar thỉnh thoảng cười khịt khịt bằng lỗ mũi. Tôi thấy chẳng có gì đáng tức cười, bất quá hần nói tôi nhất, coi phiếu lưu vậy mà yếu bóng vía, nếu hần cho là tôi sợ hần thì có sao đâu. Kiểu cười của hần làm những tình cảm của tôi hôm ấy tiêu tán. Tôi thấy ghét Mar vì thất vọng, Mar không nhìn ra cái chỗ tôi dành cho Mar. Hần hỏi sao hôm đó cô về ngang vậy, tôi xin lỗi nếu tôi có làm điều gì quấy thì tôi về ngang đề ông không kịp làm điều gì quấy hết. Mar làm bộ hỏi vậy chứ tôi biết hần cũng như tôi, hần hú vía vì hai điếu thuốc trong khi tôi vẫn chưa tập được thói quen nào với hần.

Đó chỉ là một cách nói mà thôi. Thí dụ sau khi tắm xong, Mar không mang thuốc hút ra, hai người ngồi nhà nghe nhạc, nói chuyện, với một hoàn cảnh như vậy buổi tối phải được kết thúc bằng một cách xếp đặt khác, không cứ gì phải hút Park Lane hay thêm thắt điều kiện gì nữa. Có lẽ rất cục cách nói nào cũng đúng. Nếu Mar vật tôi ngã sau cái hôn cũng đúng luôn.

Tất cả những điều tôi nghĩ về Mar tôi tưởng đâu chỉ là những ý nghĩ mà thôi, nhưng chính những điều tôi nghĩ ra được chúng nằm lại ở một chỗ nào đó rất thâm kín, lẫn với những ý nghĩ khác, tới nỗi tôi không thể nào nhận biết trong đó còn lại những ý nghĩ về Mar. Vào buổi trưa tôi ngủ một giấc mê mệt ở cái đi-văng nhỏ gần cửa sổ, gió thổi luồn qua tấm màn cửa mang theo hơi thở nóng khó chịu, màu nắng chói ánh qua tấm kính trên mái nhà làm hai mắt xốn như kim châm. Thức dậy tôi nghe trong người bải hoải như vừa rã sức làm một việc gì nặng nhọc. Thật ra chỉ là một giấc mơ, ở ngay cái bàn tôi vẫn ngồi làm việc mỗi ngày tôi thấy Mar đang nghiêng đầu tìm cách đặt môi hần lên môi tôi theo hình chữ thập (có lần Mar nói đó là cách hôn đúng nhất và tuyệt nhất),

sau đó tôi thấy mình nằm dài trên bàn, toàn thân bẹp dí vì sức nặng của Mar. Tôi cố hết sức nhô lại nhưng vẫn không nhìn thấy Mar đâu, chỉ có một mình tôi nằm vùng vẫy trên bàn cạnh cái máy đánh chữ, lưng mỏng như tờ giấy bị dẹt phẳng xuống mặt bàn. Tôi bị đè ở ngực và ở bụng, tôi thở bằng miệng, cổ khô hóc. Chỉ là một giấc mơ nhưng tôi thấy xấu hổ, tôi đau thốn ở bụng dưới và ở môi tôi hãy còn nghẹt cảm giác tê tái.

Có lẽ những câu chuyện về đàn bà mà Mar vẫn hay kể cho tôi nghe những dịp hai người ngồi quán nước, tiệm ăn hay ở nhà Mar, ngoài giờ làm việc, và cái thói quen nhìn thấy nhau mỗi ngày, kể cả những câu nói đùa đầy giọng khiêu khích giỡn hớt của Mar, những thứ ấy đã khơi trong tiềm thức tôi một chút ham muốn, hay ít nhất trong đầu tôi cũng có cái ý nghĩ đó. Nhưng tại sao không? Sau khi bị cú trời giáng của Ngừ tôi cảm thấy da thịt cựa quậy bất ổn, như con heo đang ngủ bị đánh thức và kêu đói, con vật khó chịu vì bị đánh thức nhưng cũng từ đó nó mới biết đói bụng. Cũng có thể đó chỉ là điều tôi suy diễn một cách đàn bà. Không có gì chắc chắn tỏ tôi giống con heo hết. Đáng nói là Ngừ đã nhắc cho tôi biết tôi là đàn bà, và với sự thức tỉnh ấy tôi suy ra đàn bà là một sinh vật hay đói bụng.

Anh Phú về được hai ngày cũng chẳng giải quyết chuyện gì ra hồn. Anh đưa tiền cho ba về tỉnh. Bữa chiều trước khi trở lại S. anh đến tìm tôi trên gác thang Hùng bảo tôi về nhà, rồi như để an ủi anh hôn tôi một cái trên trán vội vàng như thể làn chuyện tội lỗi. Dù sao cái hôn trả nợ của anh Phú cũng làn tôi hể hả, ít ra anh Phú còn biết anh thiếu nợ tôi. Mọi chuyện trở lại cái vòng cũ, tiêu hết tiền của anh Phú ba sẽ về nhà lại và tái diễn y hệt có lẽ lúc ấy tôi cũng không còn hơi sức để đi nữa.

Trưa tôi dọn đồ về nhà; má mua cho một tấm nệm mới và tôi lại thêm cái kệ ở đầu giường để đựng sách. Căn phòng trở lại cái vẻ thân thuộc cũ. Tôi đã bỏ đi hơn một tháng, tôi vừa quen được sự thiếu thốn nhưng vẫn còn ra sự tiện nghi bắt đầu lại cũng có nghĩa làm lại những cái cũ một cách buồn thảm hơn, cái đời sống mà luôn luôn tôi thấy cần một sự chia xớt và an ủi.

rắn thị ngh.

HOÀNG NGỌC TUẤN

nhà có hoa mimosa vàng

Khách chưa bao giờ biết Đà Lạt. Buổi chiều xanh nhờ những rừng cây, nắng một chút hồng trên tàn lá đỏ ủa. Thị trấn cao nguyên này nhỏ bé ngộ nghĩnh như một món đồ chơi, êm đẹp và lặng lẽ khi khách đến.

Chiếc xe đồ tể máy ở bến, sau gần một ngày đường hun hút bơ phờ. Khách ra khỏi xe, tóc tai bám đầy bụi đỏ, chiếc áo trắng đã trở thành một miếng giẻ dơ bẩn. Đứng lặng yên một chút ở thành phố lạ, khách thường nhìn bằng quơ những cảnh tượng quanh mình. Nhà cửa nhấp nhô như những chiếc hộp giấy, con đường dốc lên cao mất hút sau những khúc rẽ xa lạ, bên hàng cây mướt.

Hình như đây là một phố hồng, lấm tấm điểm những bông hoa khách chưa biết tên, tím và đỏ như một giấc mộng sâu thẳm.

Chuyến xe khởi hành từ Sài Gòn, một nơi nắng lửa và bụi chen chúc đồ mồ hôi và tiếng động ầm ĩ suốt ngày. Ở đây là một nơi chốn khác, thông thả những bước chân tản bộ, đường mềm như một dải lụa mời gọi giày dạo chơi. Không khí lạnh rung động trong người, hai tay phải ẩn nấp trong túi quần, môi phì phà điệu thuốc ăm,

Bây giờ là một chiều cuối mùa đông, nắng tắt vội vàng và mây xuống thấp. Có lẽ mọi người đều nao nức về nhà hưởng thú ấm cúng bên lò sưởi. Phố dần dần vắng người, vì phố đã vắng hồn.

Khách thấy lạnh hơn mình tưởng, da thịt se thắt trong làn vải mỏng, môi đã khô vì khói thuốc nóng nhưng vẫn còn run run vì gió. Khách chợt buồn trước bóng tối quanh hiu như một màn trời vây phủ quanh người. Tâm hồn khách mơ tưởng đến một mái nhà ấm, một chiếc giường êm và ngọn nến hồng vui mắt. Khách đã vứt bỏ những thứ ấy từ nhiều năm nay, tưởng chừng như một cây xương rồng kiên gan mọc trên sa mạc.

Nhưng đôi khi, chiều hôm nay, bên đường ghé lại một miền đất lạ, khách thấy cuối cùng mình cũng chỉ là một cây lau sậy mềm yếu.

Một chiếc xe tắc-xi màu đen trở đến dừng lại mời khách. Mặc dầu khách muốn leo lên một chiếc xe ngựa hơn nhưng rồi khách cũng bước vào. Người tài xế co rút mình trong nhiều lớp áo dạ, quay đầu chờ đợi. Khách tìm một địa chỉ viết thâu vội vàng trên hộp quẹt giấy.

— Cho tôi đến đường Thi Sách.

Xe chạy êm êm theo những đường lạ, bỏ dần con đường tráng nhựa của thành phố, lên những con dốc cao rồi đổ xuống theo triều đất thấp, con đường mòn đất đỏ. Đôi thông chập chờn bên ngoài cửa xe như cùng chạy bộ ngược chiều với khách. Có cây thông xa mất hút ở góc đồi nào, trời đã tối nên không còn nhìn thấy những trái thông khô, chắc là rơi rớt nhiều lắm ở đầu đó.

Một cô bé cho khách biết chủ nhân đi vắng. Khi khách bước vào nhà, không khí ấm và cô đọng bỗng chốc tràn đầy trong trời, đánh tan bớt gió chiều giá lạnh bên ngoài.

Phòng khách trang nhã và dễ thương dưới ngọn đèn hồng. Từng nhánh anh đào xinh lá có những bông hoa hồng nhạt long manh, cắm trong chiếc bình sứ. Bức tranh sơn dầu trên

vách tường thêm một vẻ đẹp hòa hợp cho căn phòng. Những con búp bê trên kệ tủ, lò sưởi còn đóm tro than trên những cây củi cháy.

Người vợ của chủ nhân, bà T. ra nói chuyện với khách. Người thiếu phụ có vẻ vừa mới đi đâu về, áo *manteau* và chân đi giày da kiểu thể thao khá đẹp. Bà T. cầm lá thư giới thiệu từ tay khách, đọc xong và nói vài câu thăm hỏi thường lệ, nhắc đến tên một vài người quen biết. Giọng nói theo cung cách lịch thiệp vừa phải, vì khách là một người hoàn toàn xa lạ.

Khách theo chân bà T. lên căn phòng nhỏ trên lầu. Đây là căn phòng mà khách sẽ nghỉ tạm trong một vài ngày, hay có lẽ là chỉ trong một ngày. Khách chào và nói cảm ơn với bà T. khi bà trở xuống nhà dưới.

Khách thay áo quần, mở cánh cửa sổ để nhìn ra ngoài trời. Vì ngôi nhà nằm trên một triền đồi cao, nên từ đây, khách có thể nhìn thấy hơn một nửa thị trấn. Nhà cửa nhấp nhô, bé nhỏ, một vài tòa nhà màu trắng cổ kính đang xa xa, có lẽ trường học hay tu viện. Chuông nhà thờ đầu đó rời rạc đó, âm thanh nghe reo vui như hát nhưng thỉnh thoảng cũng có vẻ cô tịch lạ thường.

Khách đóng kín cửa, trở vào phòng, tủ sách đẹp với một vài tấm thiệp Giáng Sinh nằm trên ngăn. Một bức tranh nhỏ chưa treo lên vách, dựng hờ hững trên bàn. Khách hút một điếu thuốc, thấy ngon miệng hơn thường lệ, chắc là nhờ một cảm giác thân thuộc của ngôi nhà vừa đến trong mình.

Đến tối, chủ nhân về với tiếng xe Jeep nổ máy ngoài sân. Bà T. giới thiệu khách với chồng. Ông T. trạc tứ tuần, chững chạc và rắn rỏi, bắt tay khách một cách lịch thiệp. Rồi lần lượt khách được biết đến những người trong nhà. Mấy chị em xinh xắn, bắt đầu với cô bé Quỳnh T... khoảng 17 tuổi, mặc chiếc *jupe* xanh, áo len đen và khăn quàng cổ màu tím, và lần lượt đến ba cô bé nữa và một cậu bé út. Mỗi cậu đầu có thêm một cái tên thân mật trong nhà, vì chi tất cả gồm 10 tên làm khách lúng túng không nhớ nổi.

Và nếu khách có quyền đặt tên. Khách sẽ gọi mỗi người bằng một cái tên khác nữa. Ví dụ như cô bé Quỳnh T. là hoa

anh đào. Quỳnh Th, hoa huệ trắng. Quỳnh Thơ, con sóc rừng. Cô bé Ái..., hươu cao cổ và cậu bé út thì quả thật là một chú nai tơ. Như thế tổng cộng 5 chị em có tất cả 15 cái tên, cái trí nhớ yếu kém của khách đành chịu không nhớ hết được.

Trong bữa ăn, mỗi người uống một chút rượu vang đỏ. Khách để ý thấy mấy cô bé cùng nài nài ba mẹ được nhấp một tí rượu, những má hồng hào như màu ánh nến. Ông T. phải vào trại trực ban đêm, vì ông là một sĩ quan giữ chức vụ quan trọng trong tỉnh. Những cô bé kiếng chân hôn hôn ba tạm biệt.

Khách cũng tạm biệt mọi người để trở lên phòng. Ngoài trời tối đen, rất lạnh và đường xá đều là âm u xa lạ nên khách cũng ngại xuống phố dạo một vòng.

Dưới ngọn đèn ngủ, khách tìm thấy một tập truyện của A. Daudet, và khi đọc đến đoạn chú dê con bị thú dữ ăn thịt vào lúc trời tảng sáng, khách cảm thấy buồn ngủ.

Mặt trời dần dần thấp đỏ trong câu chuyện, nhưng ở Đà Lạt bây giờ, trời chưa đến nửa đêm. Ngoài sân, người lão hộc đi đóng cổng, khua lên những tiếng động nhỏ.

Khách dậy sớm, mặc dầu rất muốn kéo dài giấc ngủ ngon trong lớp chăn ấm. Hừng đông ở cao nguyên đem hơi lạnh vào tận trong da thịt, cho dù có ở trong phòng kín. Khách cần thận đi những bước nhẹ trên bậc thang để xuống nhà dưới, mọi người có lẽ còn nằm trong cơn ngủ muộn êm dịu lãng sáng.

Nhưng đã có một cô bé ở trong phòng khách, đang đổ nước vào chiếc bình sứ con và cắm những bông hồng đỏ tươi tắn, cô bé đứng nghiêng đầu ngắm khóm hoa của mình.

— Đẹp lắm.

Cô bé giật mình quay đầu lại. Có lẽ là cô thứ nhì, Quỳnh Th. Chiếc răng khềnh trẻ thơ trên khuôn mặt tròn trĩnh, mái tóc cắt ngắn đen nhánh.

— Châu mới hái ngoài vườn. Chú thích hoa này không?

— Thích tất cả. Anh đào, hồng, glaioul, huệ, lan, pensé và tất cả những thứ hoa đại chủ chưa biết tên.

Cô bé mỉm cười nhìn đầu đầu.

— Thế thì chú hợp với Đà Lạt lắm rồi.

Khách mở cánh cửa phòng, vừa nói :

— Tiếc là chú không ở đây lâu được

— Chú đi đâu thế? Mới sáng sớm mà đã đi chơi phố rồi.

— Không, chú đi mua bao thuốc lá... — Này Th, gần đây, sắp bán thuốc nào không cháu?

Cô bé theo khách ra đứng dưới mái hiên nhà, ngón tay chỉ ra đường chỉ dẫn cho khách lối đi.

— Hơi xa chú à. Chú đi theo đường này một khoảng, rồi rẽ theo con đường mòn phía tay mặt, xuống hết đường mòn, lại rẽ tay trái đi khoảng 100 thước... có một cái quán nhỏ bán đồ tạp hóa, nhưng không biết giờ này họ mở cửa chưa.

Khách làm bộ e ngại :

— Có vẻ lời thôi quá nhỉ. Không chừng chú sẽ bị lạc đường khi trở về.

Cô bé kéo kín chiếc áo len xanh che lấp chiếc áo trắng ở trong cho bớt lạnh.

— Nhà cháu dễ thấy lắm. Nếu lạc đường chú cứ tìm nhà nào có hai cây Mimosa vàng là đúng rồi.

Khách nói cảm ơn cô bé rồi đi ra khỏi cổng, đầu khách phải cúi thấp xuống như để tránh cái lạnh, nhưng thật vô ích, không khí đã thổi những ngọn rét căm căm vào trong từng chân tóc. Cho dù ở phía chân trời phương đông kia, nhiều tia nắng mỏng đã đổ vàng óng ánh trên mái ngói.

Khi khách về lại nhà, bà T. và mấy cô bé dường như đang sửa soạn đi đâu.

— Anh có đi dạo phố một chút cho biết không?

Khách gật đầu trả lời với bà T., khi bà cùng các con vào ngồi trong xe hơi. Người tài xế có chiếc nón sụn vành, thành thạo qua những con đường có lẽ đã quá quen thuộc với gã. Bà T. nói :

— Tiếc quá, tôi phải lên phi trường đón người bà con. Anh có đi chơi đâu, nói anh tài đưa đi.

— Cũng chẳng biết đi đâu, có lẽ nên đến cái quán bên bờ hồ uống chút cà phê.

Một con bé nào đó xen vào :

— Giờ này ở đó lạnh và vắng lắm, chú.

— Còn gì bằng nữa. Nóng và đông người thì ở đâu cũng có.

Xe dừng lại. Vì mọi người đều bận việc nên khách bước xuống một mình, thích thú nhìn con đường sỏi nhỏ dẫn xuống quán. Khách hỏi mấy cô bé :

— Có ai đi uống cà phê với chú không?

Mấy cô bé đều có vẻ chỉ muốn đi với mẹ.

— Quỳnh T.?

Nụ cười của bé Quỳnh T. rực rỡ lắm, nhưng cô bé cũng lắc đầu. Khách thở dài.

— Chắc chú còn lạ, phải mất một thời gian làm quen mới được.

Lát sau, khách thấy mình là người duy nhất trong quán. Những người bồi đang ngái ngủ sửa soạn bàn ghế và ly tách, Trên một chiếc bàn con đặt ngoài bao lơn, mặt nước hồ lồng lánh thật gần bên người. Giọt cà phê nhỏ chậm rãi từ chiếc filtre, khói thuốc bay tan loãng mất đi trong trời.

Uống chút cà phê cho tỉnh táo như thói quen, hút thuốc là liên tiếp và nhìn xuống mặt hồ, khách thấy mình sung sướng quá. Sương trắng mỏng như những đám mây vừa từ giả trời cao để xuống trần, trôi bèo bồng trên mặt nước hồ, không phải màu xanh thắm như biển, hồ dịu dàng và lặng lẽ hơn, trong màu xám của những trời chiều mùa đông sắp đổ mưa. Màu xám của những đôi môi tê lạnh, vì giá buốt hay là vì lẻ bóng.

Chiếc máy hát vang lên rề rề những nhạc phẩm tình cảm, nghe thật tối và chán ngắt. Cần gì âm nhạc ở đây, cho dù là những nốt sầu muộn nhất của Chopin. Cũng sẽ trở nên thừa thãi và thua kém. Ở đây, vẻ đẹp của cảnh tượng thực sự bên ngoài điểm lệ không gì bằng được, làm lu mờ tất cả những điều đẹp đẽ khác. Có gì hơn ngọn đồi xanh thoải thoải ở bên kia bờ hồ, lác đác những cây thông như những đốm màu vô tình trên một bức tranh tuyệt tác. Hình như có con đường mòn nào đó dẫn lên đến đỉnh đồi. Xa xa, những chiếc xe trông nhỏ xíu như đồ chơi trẻ em, chậm chạp di chuyển dưới chân đồi, có vẻ không lo ngại gì về một vụ kẹt xe thường thấy ở những đô thị ồn ào.

... Khách trở về nhà khi trời đã tối. Bà T. đang ngồi đan một chiếc áo len trong phòng trước. Mấy chị em quây quần chung quanh. Khách mỉm cười chào mọi người rồi ngồi xuống chiếc ghế nệm dài, cậu bé đang nằm trên đó với thứ đồ chơi ngộ nghĩnh: nhà cửa, cây cối, súc vật và người ta bằng những mảnh giấy cắt nhỏ. Bà T. ngược mắt lên.

— Sao ? Anh thấy Đà Lạt thế nào ? Chắc là buồn vì đi có một mình.

— Tuyệt đẹp. Như một thành phố nằm trên mây, chẳng dính dấp gì đến những cái phiền toái ở dưới đất cả.

Khách thở một hơi thuốc lá thật nhỏ để tránh cho những cô bé khó chịu vì mùi khói. Quỳnh T. ôm những thanh củi chất vào lò sưởi và rải thêm vài nắm diêm bào.

— Chú cho cháu mượn hộp quẹt.

Cây quẹt cháy một đốm lửa nhỏ từ bàn tay của cô bé. Lửa bắt vào diêm bào, trong phút chốc những thanh củi đã cháy ngon lành. Lò sưởi rực rỡ ánh lửa nở bùng, nhấp nháy như một bó hoa màu đỏ thắm linh động.

Khách thú vị chôn đôi mắt đắm đắm nhìn vào lò sưởi. Ánh lửa sống động quyến rũ như muốn nuốt lấy người khách. Khuôn mặt dần dần ấm áp, rồi nóng rực. Đèn nhà đã tắt, lò sưởi trở nên một mặt trời hiếm có ở những vùng băng tuyết.

Hạnh phúc vô cùng cho một ai giữa chặng đường đời đen tối đã vô tình khám phá ra những cảm giác nồng nàn say sưa mà màu lửa đỏ dâng hiến cho mình. Và đêm nay, khách là một người hạnh phúc.

Mấy cô bé tranh nhau để ngồi thật gần lò sưởi. Ánh lửa phản chiếu làm khuôn mặt của bé Quỳnh T. đỏ hồng hơn bao giờ hết, đôi mắt lung linh như thấp những ngọn nến sinh nhật.

Với tờ giấy và cây bút, bốn cô bé chia ra làm hai phe chơi đồ chữ, trò chơi có lẽ do những ông giáo Pháp văn bày ra. Quỳnh T. đó :

— Một chữ gồm có 5 vần. Khởi đầu bằng vần C và tận cùng bằng vần r, đó là chữ gì ?

Hai cô bé thuộc phe bên kia chụm đầu bàn tán, rồi rốt cuộc cũng tìm ra kết quả : *coeur*. Rồi đến một chữ khác, lần này bên kia chịu thua. Quỳnh T. giải đáp : *Yseult*. Cô bé nhỏ nhất không chịu, cho rằng chữ đó không có trong sách học ở lớp. *Yseult*, làm sao mà có được trong sách học, đó là tên người tình duy nhất của *Tristan*, anh chàng giang hồ lãng mạn một câu chuyện tình đang dở muốn thuở.

Khách là người lạ nên không được dự vào trò chơi. Khách dần dần cảm lạnh và bất động như một gốc thông.

Bé Quỳnh T. phải gọi chuyện :

— Chú còn định sẽ đi đâu nữa.

— Huế.

— Chú từ đâu lên đây ?

— Sài Gòn.

— Chú làm gì ở dưới đó ?

Khách dụi tắt mẩu tàn thuốc trong chiếc gạt tàn.

— Đồ cháu biết chú làm nghề gì ?

Quỳnh T. quan sát khách, suy nghĩ rồi trả lời :

— Cháu chắc chú đang... trốn lính.

Khách giật mình rồi bật cười.

— Cháu đoán tài lắm nhưng chỉ đúng một nửa. Bỏ bớt đi một chữ. Trốn lính là một nghề đẹp lắm nhưng chú không đủ sức tiếp tục nữa. Chú kẹt vô lính rồi.

Quỳnh T. cũng cười rồi định trở lại với trò chơi của mấy đứa em. Khách nói tiếp :

— Thế nào chú cũng trở lại đây để học.

Mắt cô bé mở lớn ngạc nhiên :

— Chú định học gì ở đây ?

— Chú còn nhiều điều chưa biết.

Khách không muốn giải thích rõ ràng cho cô bé hiểu, nhưng trong thâm tâm khách buồn bã thấy mình là một kẻ dốt nát. Từ lâu, khách đã học cách xử dụng súng đạn thế nào để bắn cho trúng. Khách đã biết gài lựu đạn và mìn để ngăn chặn những vụ đột kích vào ban đêm. Khách đã biết cách gọi pháo binh hay phi cơ dội bom đạn chụp xuống trên đầu địch. Khách cũng biết

những thế đánh lướt lè khi xáp lá cà, những đôi hình xung phong tấn công, những cách thức rình rập phục kích...

Nhưng khách đã biết gì về nhịp tim của một thế giới bình yên ? Khách chưa biết gì hết về tên của những loài hoa dại lấm tấm trong rừng cây, trước sân nhà. Khách chưa biết gì hết về tiếng hát riu rít của những loài chim, tiếng nhạc của gió lùa trong lá, tiếng rung động của lá khi đổi từ màu xanh sang màu đỏ ủa. Khách biết gì về dòng chuyển động xôn xao của mặt hồ ? Tiếng chuông đánh dấu của trời khi chuyển mùa, từ bông hoa anh đào tràn ngập khắp nơi, rồi tàn cho nắng đỏ, nắng tắt cho lá vàng lìa cành, và những cây trơ trụi đón chờ mưa mùa đông đổ nhòa theo gió. Khách chưa biết gì hết. Khách mù tịt lối vào cửa ngõ của mầm sống, nhưng lại học rành rẽ bậc thang dẫn vào huyết đạo.

Lửa yếu ớt rồi tắt dần. Đêm khuya đem lại cơn buồn ngủ trên mí mắt của những cô bé. Khói mống lan đi mất hút từ những cành củi cháy mòn, những khúc cây đã hy sinh phiến gỗ thô sơ của nó cho một đêm quây quần bên lò sưởi.

Buổi sáng, khách đi sớm khi mấy cô bé còn say ngủ. Bà T. tiễn chân khách ra đến cổng. Khách thành thật nói lời cảm ơn với bà và gửi những lời chúc đẹp nhất đến cho cả gia đình.

Khách chỉ tạm biệt Đà Lạt và tự nhủ sẽ trở lại nơi này để học thêm những điều êm đẹp. Khách chợt nhớ đến lời dặn của bé Quỳnh Th. khách quay đầu lại để thấy rõ hai cây Mimosa đang nở hoa vàng trong sân.

Hình ảnh cuối cùng đó, biết đâu sẽ là dòng nước ngọt an ủi cho khách, trên những chuyển lữ hành khổ nhọc dưới ánh nắng mặt trời.

hoàng ngọc tuần

HUY TƯỞNG

áo nguyệt ca

ĐÊM TRĂNG NĂM NGÓNG MỘNG,

Đốt ngàn đêm máu chảy
Trăng đau đớn bên nhà
Trở hương mùi dị dị
Năm khốc nhỏ mưa sa
Năm khốc nhỏ như là
Chuông kinh tan mộng triệu

Chuông kinh tan mộng triệu
Trăng rã nát hiên nhà
Ta nằm an nhiên mộ
Hồn đỏ mãi khai hoa.

THU XÔ HỒNG,

Hồn rên xiết nguyệt mộ
khuya ngậm lá thu không
màu oà gót liễu vọng

mây khóc buổi mù bông
 Tử tận cõi xô hồng,
 Ồ !

TỪNG HỒI CHUÔNG RUNG TRÊN MẶT HỒ,

Chiều gõ trái thông khô
 Rung nhiều loạn vì lô
 Vô lượng áo ni cô
 Bay nâu buốt phương mờ
 Cuốn hút bão trắng xô
 Hồn tan hồi chiều lênh.
 Ồ !

NỬA TỜ TỊCH TỊNH,

dầu bèo trôi tịnh xứ
 Hộp ngum nước đầu đông
 Nghe càn khôn hiển lộ,

Tâm lạc nhập vào không
 Xương máu đầy trăm dòng
 Tựa năm soi biển lặng,

Ồ nghìn năm mây trắng !

VÀ NỬA TỜ TỊCH TỊNH,

Thấy rồi cụm mây bay
 Sương chìm xanh áo mộng

Trời đất ngập cơn say,

Ta nằm ngoài dặm thăm
 Uống cạn giọt sương phai
 Sống ngàn năm chưa lại,

Ồ ngàn năm, có phải ?

NGHĨA HUYỀN,

Chiều thu đỏ sau hè
 Con bướm vàng vẽ bóng
 Thủy nguyệt rót vàng khe
 Con bướm vàng lã mộng
 Ôm trứng nhỏ bay về
 Để muôn hồn mây đại.

THU MUỘN,

Rừng ghen thở lực diệt
 Đất chết giọt mù sa
 Nằm ngủ trời diệc lộ
 Mơ ngoài mộng còn ta
 Máu trào cụm ác tà
 Bay điên hồn xác bướm
 Muôn nghìn đêm thu muộn.

THƠ VỀ TẶNG NGƯỜI,

Tóc Người đau mấy thuở
 Chìm đắm dưới mong manh
 Gleo hồn ta đông tận.

Xiêu xiêu màu lâu đãng
Mây rã nát mặt hồ
tê tê trời đất lạnh
hư huyền sóng tan xô
hư huyền động phương mờ
cuốn bóng ta ngã xuống,

Ồ bóng ta ngã xuống,
Sao tay Người đẩy dựa chút bờ vơ ?

huy-tường

đàlat, mùa lá cỏ ngậm nguyệt 1970.

TRẦN HOÀI THU

*những chiếc lá đáng hương của
mùa khô đau*

tặng Đỗ Nghê

Ở bộ tư lệnh sư đoàn này, có những cây cỏ thụ thật lâu đời. Đáng hương, sao, và phượng vĩ. Nhưng những cây phượng đã chết từ năm nào, trơ vơ những cành khô cằn đen đúa, và những trái phượng dài mỏng manh chẳng khác những xác chết bị ép cứng. Chỉ còn lại sao và đáng hương, là xanh tốt. Những cây sao là nhỏ, màu lá xanh đã đổi sang màu vàng tươi, lấp lánh dưới ánh nắng yếu ớt của mùa lạnh, tỏa bóng rợp cả một khoảng trời, và những hàng đáng hương, thẳng băng, ở hai bên con đường dẫn vào bộ tư lệnh, rồi đến bộ chỉ huy, qua những mái nhà doanh trại. Những cây đáng hương đang độ lớn, là tỏa xanh ngắt một vùng bên cạnh hình ảnh tiêu tụy của những cây phượng già nua cằn cỗi. Sức sống đang được bồi dưỡng từ lòng đất đỏ và từ khí trời, từ một vùng đất cao ngất của đất nước, hùng vĩ và man dã. Cứ thấy một màu lá xanh, xum xuê lan rộng, che ngập cả những cành phượng khô bên cạnh, người ta liên tưởng đến một sự hồi sinh đã len vào một thiên nhiên, xanh mát và đầy thi tính.

Nhưng tôi vẫn tìm trên đám lá đáng hương, một chút gì quá xa xót. Đó là mỗi buổi sáng năm giờ, khi những vì sao còn hiện

trên một nền trời tối và lạnh, tôi mang chiếc áo rách tươm Lao công đào binh, cùng anh em ra sân. Chúng tôi mang theo chổi, bình tưới nước, cào, để làm sạch sê doanh trại. Sau một đêm, gió núi lồng lộng thổi qua, đã khiến cái sân mênh mông này ngập đầy lá vàng. Những lá sao, vàng khô, những lá đáng hương, nhỏ nhắn lớp lớp rụng trên bãi cỏ xanh, hay mặt đường. Chúng tôi phải quét dọn thật sạch, tom góp những chiếc lá chết thành từng đống và đem đốt. Con đường nhựa lớn chạy qua sân cỏ, hoặc bãi cát làm chỗ duyệt quân, phải hoàn toàn sạch sẽ. Nếu còn sót lại một tấm giấy bẩn, hay một cành cây khô, hay những chiếc lá khô vàng kia, thì chúng tôi không khỏi bị một trận cuồng nộ, hoặc một trận đòn của lão thượng sĩ người Nùng. Mỗi người lao công đào binh đều có nhiệm vụ riêng. Người dùng cào, cào khắp cả sân cát ở cột cờ. Người phải quét dọn các hành lang hoặc các sân trước các phòng. Người dùng bình nước tưới cỏ, hoặc cát xén lớp cỏ đã cao. Tôi thì quét lá khắp nơi, dùng giỏ mây hốt từng đống, đem ra sau bãi rác, để đốt sau đó. Chúng tôi ngồi xung quanh đống lửa, sưởi ấm, thời tiết miền núi vào những ngày đầu năm thật lạnh. Nhưng trời ít sương mù như ở quê tôi. Quê tôi, sương mù trắng ngập cả giòng sông thành phố, đến nỗi người ta ngỡ ở đây không phải là sông mà là một con đường mây. Tôi nói với Dáng hương, một lần nào đó, đó là giòng Ngân hà cũng nên. Bây giờ, tôi không có giòng sông, để mỗi buổi sáng, tôi mở trong đôi mắt, mà thấy thế nào là hình ảnh đẹp nào nùng của Huế. Tôi không có những con đò, và vành cằm trắng run rẩy trong hơi sương. Ở đây, tôi chỉ có những ngày tháng khổ nhục, mà một đời người từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ, tôi chưa bị đầy đọa đến như thế, khi sinh ra tôi, mẹ cha tôi đã cần thận coi sóc gia phả mới thấy tương với mong ước của các người sau này sẽ sung sướng. Cha mẹ tôi đã vui mừng như thể không bao giờ được vui mừng như vậy, vì các người đã có một đứa con trai đầu lòng. Nhưng bây giờ, nếu các người đã biết, thì chắc các người phải ngậm cười mà khóc hàng vạn lần hơn thế nữa. Các người làm sao biết ở tâm hình hài mà các người nương náu ở bể, đặt tất cả kỳ vọng, để đỡ mồ hôi và nước mắt cho con trai người ăn học, thì chính sự ăn học và kiến thức đã đập nhào đứa con trai của người. Đó!

lượng tâm, đó là sự dẫn dắt, đó là cái nhận thức sự hiện hữu của cá nhân trong guồng máy khổng lồ bèo bọt và vô nghĩa, đó là nỗi mơ mộng từ một con người trí thức, bị tan vỡ bởi hoàn cảnh xã hội. Khi sinh ra, thấy đứa con trai đầu lòng, cha tôi đã phân vân để chọn một tên thích hợp cho hoài bão của người. Toàn : Toàn nghĩa là vẹn toàn, là đầy đủ. Toàn nghĩa là hoàn hảo... Thế mà bây giờ, tôi lại thế này. Một lao công đào binh, mang áo quần rách tả, sau lưng, trước ngực, viết bằng chữ sơn : LCGĐB. Một tên bị quân đội bỏ rơi như một vì sao bất hạnh. Đời sống kéo dài trong tăm tối.

Dù sao đi nữa, tôi cũng được may mắn hơn bọn bạn tôi. Tôi được phục vụ tại Bộ Tư Lệnh một Sư Đoàn, nơi sự an ổn được toàn vẹn. Chẳng bù, bọn bạn phải làm lao công chiến trường ở các nơi suốt ngày binh lửa. Họ phải vác đạn, theo các đại đội bộ binh. Họ phải chiến đấu như tất cả người lính tham chiến khác nhưng hồi ời, trong tay họ không có lấy một vũ khí. Có nhiều người bạn tôi, đã trúng đạn, mà xác chết âm thầm mang về hậu cứ. Họ không được hưởng ân huệ như một quân nhân tử trận. Họ bị tước lột hết quyền công dân. Dù đạn của địch đã công phá thân thể họ. Họ đã bị bỏ rơi hoàn toàn. Và khi nhắm mắt, chỉ có chiếc giường gỗ của ông đại đội trưởng, chiếc balo của cấp chỉ huy, hay những ống đạn súng cối 61 ly, gắn theo thi thể họ mà thôi, xác họ được đám lao công đào binh bạn, khiêng về, lác lác theo giòng lênh đênh của ngày tháng tháng trăm. Đôi khi, gặp trời mưa bay, bóng những người lao công đào binh, chênh vênh trên sườn đồi, chẳng khác những bóng ma tội nghiệp. Người chết đã bị tước đoạt hết, ngay cả tiền bạc, hoặc đồng hồ mà người lao công đào binh đã dành dụm từ trước như trường hợp một người bạn thân của tôi.

Khi trước, tôi học luật. Tôi nhớ một điều trong bộ quân luật nói về trường hợp một quân nhân có hành vi tước đoạt tiền bạc hoặc vật dụng của một người quân nhân tử trận, sẽ bị xử theo tội đồ hình. Tôi nêu câu hỏi về trường hợp người bạn tôi

đã bị tên đại đội trưởng tước đoạt chiếc đồng hồ đeo tay và mấy ngàn bạc sau khi xác bạn tôi được mang về hậu cứ. Tôi nói với ông đại úy coi về quân kỷ:

— Thừa đại úy, trên đời này, không có một tên sĩ quan nào lại bần thếu, tàn nhẫn như vậy. Hắn còn trẻ lại có hành vi như vậy, hưởng hồ khi hắn lớn, giữ chức vụ quan trọng, thì đất nước này chắc sẽ xuống vực thẳm. Theo đại úy, tên ấy có đáng bị truy tố ra tòa án quân sự không?

Ông đại úy phụ trách về quân kỷ nói với tôi:

— Tôi sẽ làm phiếu trình bắt hắn hoàn trả tiền và đồ vật cho gia đình cổ lao công đào binh. Còn chuyện truy tố ra tòa...

— Thì sao đại úy?

— Đã là lao công đào binh thì mất cả quyền công dân. Điều luật qui định khi đương sự còn quyền công dân...

— Dù sao, người lao công đào binh cũng chết bởi đạn địch trên chiến trường mà?

— Tôi hiểu ý anh nói. Nhưng biết làm sao hơn.

Tin trên đã làm xôn xao đám lao công đào binh không ít. Nhiều tên gần mãn án đã tìm cách trốn thêm một lần nữa. Còn tôi, tôi chắc sẽ nhớ ngàn đời trong cuộc sống tăm tối của tôi. Sách vở, trí não của con người chẳng có ích gì trong thời buổi hôm nay. Và tôi nghiệm ra một điều, chính sách vở đã đem một tai họa lớn lao cho con người biết suy nghĩ và văn minh.

Sáng nay, lệnh được ban ra: dậy sớm hơn mọi khi. Đường như hôm nay là ngày lễ lớn. Hôm qua, sân cỏ đã được trang hoàng rực rỡ. Bãi cỏ được vun xén, thẳng băng. Các ống đạn làm ranh giới các phòng được sơn lại trắng muốt. Các viên gạch viên vườn hoa được quét lại màu vôi mới. Chúng tôi đã làm vôi vàng tự chiều hôm qua, và mãi đến khi những vì sao đã xuất hiện, thì chúng tôi mới sắp hàng trở về. Công tác khổ dịch coi như xong, ngày mai chúng tôi phải làm vệ sinh toàn thể chu vi doanh trại. Tôi, như thường lệ, cầm chổi, và chiếc giỏ mây. Trời tối hơn. Những vì sao dường như nổi lên rõ hơn lúc tối. Nhưng

ương lại bốc lên nhiều, lẫn khí lạnh từ một vùng cao nguyên ủa đến. Chúng tôi chuyển nhau một điều thuốc. Bạn tôi run rẩy, rằng đánh cầm cập, chưởi thề:

— Trời gì mà ác ôn. Đêm thì lạnh run, ngày thì như một lò lửa.

Tôi than:

— Trời lạnh thế này, có một cốc cà phê mà uống thì tuyệt biết mấy,

— Ừ nhỉ?

Bên trong, tiếng ông thượng sĩ quát tháo rầm trời. Tôi nói:

— Tôi nghĩ chúng ta là những thằng tù. Nhưng những kẻ gác giữ mình là những tên tù nổi. Họ còn cực khổ hơn. Bởi vì họ phải lo lắng trong trách nhiệm của họ, chúng ta đâu có lo, chúng ta phó thác số phận đã rồi. Chúng ta đã thấy rõ đời sống chúng ta rồi...

— Bạn nói có vẻ sách vở. Bạn lý luận cũng theo sách vở.

— Vâng, dù sao sách vở cũng giúp cho ta niềm tin.

— Nhưng sách vở là con dao hai lưỡi.

Chúng tôi bị những cơn gió lạnh ủa đến, khi chúng tôi ủa ra ngoài trời. Qua những cánh phượng khắng khiu, con trăng in bóng trên nền trời gợn mây trắng, và những vì sao sắp lặn trong nền trời cao. Chúng tôi quét lia lịa khắp sân cỏ. Chúng tôi đã dùng cào, cào những chiếc lá mới rụng hồi hôm. Dáng hương và sao. Dáng hương và sao. Dường như đêm hôm qua, gió lớn lắm. Trời bất chợt đổi mùa sau những ngày nắng ráo. Cơn lạnh tái tê của miền núi bỗng nhiên kéo về, theo những cơn gió dữ, làm lá rụng hơn mọi bận. Mới một đêm, mà sân cỏ đã ngập lớp lá ủa vàng. Chúng tôi vừa run rẩy vừa làm việc. Đôi khi một vài chiếc lá cuống quít dưới bước chân tôi, mà tôi ngỡ hình bóng một người nữ trở về. Dáng Hương, Dáng Hương của tuổi học trò, Dáng hương của mắt biếc, môi son, của tóc chấm ngang vai, của vú vừa căng chín. Dáng Hương của sách vở và mộng mơ. Dáng Hương của giận hờn nũng nịu. Mỗi chiếc lá là Dáng Hương, là một nhớ nhung trời đất. Mỗi chiếc lá là Dáng Hương là nhắc nhở đến một kỷ niệm của một chuyện tình của một người lính và cô bé học trò. Cô bé có đôi mắt tròn vo như hai viên bi, có chiếc môi

trơn ướt, có đôi mắt mịn màng, cô bé cúi đầu dấu hai hàng nước mắt, một buổi trưa trên đồi Dáng Hương.

— Sao anh lại rời khỏi đây. Nói cho em đi.

— Em không hiểu đâu. Tuổi của em là tuổi của vô tư, và hồn nhiên như con chim sơn ca.

— Anh khinh em hả ?

— Không, anh không khinh em đâu.

Cô bé lại khóc. Người lính vuốt mái tóc của cô bé.

— Ngày xưa có một đôi tình nhân lạc loài trong một khu rừng sâu. Họ sống giữa cỏ hoa, và chiều họ dắt nhau đi dạo dưới những hàng cây xum xuê cành lá...

— Anh kể tiếp cho em nghe đi.

— Đêm tối họ lót rơm và cỏ để ngủ. Nàng hát thật hay. Mỗi buổi chiều, nàng ngồi trên ghềnh đá bên thác nước, cất tiếng hát. Đến nỗi suối phải ngưng chảy.

— Tuyệt vời quá.

— Nhưng một hôm, đoàn người lạ mặt xuất hiện với cung nỏ, giáo mác. Họ bắt người đàn ông.

— Sao vậy, anh ?

— Vì người ấy là một tội phạm. Người con gái van lơn khóc lóc. Hãy để người yêu ở lại rừng. Rừng cũng yên ả : Hãy để người đem niềm vui lại cho hoa lá, và cho người con gái lạc loài. Nhưng vị chúa tể hét lên : 'A ha, chiến trường đang thiếu người. Mặt trận đang cần bàn tay cầm dao, cầm mác.

— Nhưng giữa rừng này, chúng tôi đang sống một cuộc đời trong sạch. Chúng tôi không biết thế nào là lòng thù hận mà nhân loại ngoài kia đang lao vào.

— A ha... Các người ở trong đất nước, các người phải làm đầy đủ bổn phận công dân.

— Nhưng chúng tôi đã có xã hội riêng của chúng tôi. Đó là thiên nhiên và hoa lá, đó là thác đổ và suối reo. Đó là, tiếng chim kêu riu rít khi mặt trời lên, và chúng tôi dắt nhau đi ra bờ suối... Chúng tôi tạo xã hội riêng cho chúng tôi, con cháu chúng tôi, dạy cho chúng hận thù là ác quỷ, chủ nghĩa là tai ương, chúng tôi sẽ dạy cho chúng những bài thơ huyền diệu, ca tụng tình yêu, và thiên nhiên cùng lòng trong sạch...

— Không được. Nay mai lửa sẽ cháy cả rừng này. Lửa sẽ thiêu đốt hết những mộng mơ hảo huyền của các người. Các người không đi sao. Ta cho các người chọn một trong hai điều. Ở lại để chịu đựng, và ra đi để sung sướng. Tá hứa ta cho người làm quan. Với sức học của người, người sẽ được vinh hiển, danh vọng.

— Sức học ư ? Tôi thấy sức học của tôi bấy lâu chỉ như một hạt cát giữa biển khơi mà thôi. Chính vì cái mơ kiến thức bèo bọt ấy, đã làm tôi phải xa lánh xã hội loài người. Tôi phải bỏ rơi cái bả phù vinh nên mờ mà ra đi. Chính vì sự học đã đem cho tôi một nỗi đau khổ dằn vặt... Tôi chọn ở lại.

— Nhưng mai rừng sẽ bị đốt, các người sẽ bị cháy thiêu ?

— Tôi sẽ ở lại.

Người đàn ông vuốt tóc người yêu.

— Đề anh ở lại một mình, em về thành đi.

Người con gái ôm chầm lấy người yêu, gục đầu vào ngực áo người thư sinh, rồi khóc nức nở.

— Em sẽ ở lại cùng anh, cùng khu rừng này. Em sẽ đi theo với anh đến một bến bờ khác, anh yêu. Ngày tháng qua, sống bên anh đã hạnh phúc quá rồi. Em mới nhận ra đời sống mới xứng đáng là đời sống và tình yêu mới đúng nghĩa.

Ngày hôm sau, khu rừng ấy đã biến thành một bề lửa và càng lúc rừng càng tỏa hương ngào ngạt, tràn lan khắp thính không. Một mùi hương làm người ta phải sợ, như bắt gặp một thứ gì, quý giá nhất trần gian. Chỉ còn sót lại hai thân cây mọc lên từ cánh rừng cháy. Mặc dù bị cháy, nhưng màu gỗ càng lúc càng đen bóng, và từ trong vân gỗ, tiết ra một chất nhựa đỏ tựa máu, và một mùi thơm sực nức. Em biết tên loài cây đó không ?

— Em không biết anh ạ !

— Dáng Hương. Tên em đó.

— Hình như rừng này là rừng Dáng Hương, phải không anh ?

— Phải. Em có nghe mùi thơm không.

— Có... Em có nghe.

— Ở đâu ?

— Ở trong thính không.

Người đàn ông dịu dàng đứng dậy. Lá đáng hương theo một cơn gió thổi, lại rụng trên đầu và vai họ. Anh ta hôn nàng một lần nữa.

— Anh nghe ở thân thể em. Đáng Hương.

Bây giờ, chúng tôi đã nhặt được một thúng lá sao và hương dương vàng. Trời đã vào sáng. Ngoài đường lộ, người lính đã đổi gác mang balo trở về trại. Trời vẫn còn rét căm căm. Chúng tôi rủ nhau ngồi quanh đống lá. Người bạn đã châm lửa đốt. Các bàn tay đưa lại gần ngọn lửa. Lửa reo lách tách. Lá khô nên lửa dễ bắt cháy. Lửa soi rọi rõ các gương mặt bạn bè. Lửa cho chúng tôi sít lại gần nhau trong thời lạnh đận. Lửa giúp chúng tôi tìm được một chút tinh thần ái giữa giòng lênh đênh... Ngọn lửa sáng bùng soi những chiếc cổ áo bị cắt, cầu vai bị rách, những chiếc áo nhà binh, đã từng ướp theo mùi lửa đạn ở khắp các chiến trường, toi tã, sờn sùi, bạc màu và làm nổi hẳn chữ LCĐB bằng sơn đen hoặc trắng. Lửa sưởi ấm chúng tôi trong khi chúng tôi chẳng khác nào con thú người, giúp gây được niềm tin trong tương lai và chịu đựng trong hiện tại. Đó là mỗi buổi sáng, đó là những đêm đông. Đó là những chiếc lá đáng hương triu mến, rụng đầy khắp sân, đang bắt cháy ngọt ngào thổn thức kia, mà tôi đã nhìn lên chớp cây mà gọi : *Rụng xuống đi, rụng thật nhiều hỡi những cánh Đáng Hương yên dấu của đời ta ..*

Một người bạn tôi bỗng nhiên nói :

— Lá thơm quá nhỉ ?

Tiếng người bạn khác lại nổi lên :

— Đáng hương mà bạn...

Tôi nhắm mắt lại, muốn khóc đến nơi.

trần hoài thư

Ban Mê Thuật tháng 3-71

MUỜNG MÁN

hương sứ

Bốn bàn chân gỗ đều trên đường. Hai chiếc bóng ngã thềm dưới chân. Gió đêm lạnh trên đầu. Lưng tôi ấm theo đường vòng ôm ngang cửa cánh tay nàng. Dưới khoảng tối một tầng cây, tôi nhận rõ đôi mắt sáng linh động của nàng tuyệt đẹp nhưng tôi không cúi xuống, có lẽ nàng chờ đợi đấy; nhưng tôi không cúi xuống, tôi buông thõng :

— Trong tối mắt em như mắt mèo.

Nàng thở nhẹ, rất nhẹ, đôi mắt mèo khẽ chớp, có lẽ nàng cảm động; tôi nhận biết điều đó vì thân nàng chợt trĩu nặng một chút trong tay tôi (sức nặng dịu dàng như bông tuyết đáp xuống cành khô). Rồi bốn cái chân chẳng cần lên tiếng hỏi han, chúng tự động đưa chúng tôi ra khỏi khoảng tối, bề ngoặt xuống lối đi vào hồ.

Mặt hồ đen mịt, rải rác cỡ chừng vài ngàn búp sen trắng nổi mù mờ trên mặt phẳng nhưng đen ngịt đó. Mùi hương tỏa nhẹ theo từng thoáng gió thổi ngược về từ phía tây. Qua hết lối mòn là một đoạn cầu nổi dẫn vào ngôi nhà bát giác lợp ngói mái cong đứng im vững bền sau lũy cây cổ thụ, giữa hồ; những cột những đòn tay kéo níu nhau hợp thành đường nét ấm cúng cong dợn theo lối kiến trúc Trung hoa từ mấy trăm năm về trước. Không

khí ngát hương sen quyền rũ, sự quyền rũ dễ xui khiến người ta lạc lòng. Lạc lòng, thứ lạc lòng đầu đó ần quyền len lén mơ hồ trong tôi lúc này. « Khen ai khéo trồng vườn hồng, anh ăn ngọt miệng lạc lòng quên em ». Lạc lòng, tôi muốn đọc cho nàng nghe sự kỳ diệu phong tình rất mực của câu ca dao ấy; chỉ đọc mà không giải thích gì hết, để treo nàng lơ lửng giữa cái khoảng không tràn ngập hương sen này chơi. Nàng níu chặt tay tôi, im lìm ngoan ngoãn tưởng chừng trái đất có nghiêng xuống một chiều bất tận nào đó cũng chẳng thể rời. Hai đứa dừng lại giữa cầu, đứng ở đây có thể thấy thật rõ ràng lùm cây âm u trên cồn đất nổi bên kia lối mòn. Về phía đông, chim ngọp giữa trùng điệp cây nhà phố xá Đại nội. Những điện đài khuất bóng cùng vàng son những triều đại hưng phế đã lùi sâu vào quá vãng. Không biết vào những đêm trầm mặc thế này có ông vua, bà chúa nào tha thướt kéo hồn về thâm cung cũ phủ bụi mờ trên ngai xưa, vượt lại xiêm y áo mào mà nao lòng thương cho vận nước? Có nàng công chúa nào trở lại tìm dấu hài đêm thu xưa tha thẩn ngắm trăng bên lầu nguyệt nhỏ đôi giòng lệ xót thương cổ khóc hoa? Bước voi đi, tiếng ngựa hí chập chùng như thề còn âm vang sau lớp sương lam. Về đâu những xa giá những cờ xí những tướng quân, sớm mai mở cửa thành: chiêu trống dội nước lòng những con đường thâm nghiêm đỏ tươi huyết phượng? Xưa là nguy nga, là sáng rỡ, là lựa là. Nay là gạch nát, là hương phai, là tan, là đau, là buồn rười rượi. Nỗi buồn thiên thu chôn chặt dưới chân thành cổ, vàng lạnh những bờ đá ong, sầu rử những cỏ thụ thấp thoáng bóng chim ma lúc tuổi quên tên xiên hồn lạc vĩa. Đại nội xưa hội hè long tòn đên hoa đưa rước. Đại nội bây giờ chỉ là nấm mồ vĩ đại của hàng ức hàng triệu âm binh.

Nhìn xuống mặt hồ rờn rợn hương sen, tôi không muốn nói với nàng câu nào, hay bất cứ điều gì đâu khẩn thiết đến mấy cũng không hở môi được. Tôi ngậm chặt im lặng trong miệng cùng một dúm tóc buồn buồn của nàng. Nàng dựa kê bên cạnh, ngoan ngoãn im hơi lặng tiếng. Một lúc nào đó tôi mơ hồ nhìn nàng ngồi xuống trên bờ thành xi-măng lạnh toát, thõng bốn cái chân đông đưa trong không khí, trên mặt hồ. Bốn bàn chân lướt trên hàng ngàn búp sen nổi. Chắc chắn nước trong hồ phải phản

chiếu hình ảnh chúng tôi. Tuy nhiên lúc này dòm xuống chẳng thấy gì được hết, chỉ có những búp sen họa may nhìn rõ bóng chúng tôi lung linh dưới đó. Sự im lặng cần thiết giúp chúng tôi tan loãng vào nhau như hai chùm bóng tối. Cây lá xào xạc, rơi rụng đầu đó chung quanh. Mỗi chiếc lá rơi ví dụ là một ngày; ngàn chiếc lá rơi ví dụ: là ngàn ngày. Vậy thì chúng tôi ngồi đây ngàn ngày rồi ư? Con số đọc lên nghe âm u dễ sợ ghê gớm. Mặt hồ lấm tấm điểm gợn sen trắng lạnh; cây cối trang nghiêm đứng thấp thoáng bên bờ, qua màn sương rộng chúng mang dáng vẻ một đội lính dàn chào hết sức trững trĩnh. Thân thể nàng giáp vào tôi dính cứng như con tem dán vào bao thư. Sự vi von hơi ngoa một chút đó chứ. Tuy nhiên chẳng còn lối nói nào hơn để diễn tả mức tiếp cận kỳ diệu của chúng tôi lúc này.

Ồi những con tem, những lá thư chưa đựng nhưng nhớ 3 năm ròng. Cuộc tình cách xa hàng cây số đường bộ giữa hai thành phố. Cuộc tình tiếp liên qua 2 nhà bưu điện, và những cánh thư lên lút nàng gửi đi có lúc bị gián đoạn một tháng, nửa tháng không chừng. Bây giờ chúng tôi chẳng cần đến tem thư nữa; cuộc đời chúng tôi đã dính cứng với nhau như tem và thư rồi.

Quen nhau năm nàng 18, nàng đã dành những năm 19, 20 tuổi để chờ đợi, khóc lóc và phấn đấu. Cuộc phấn đấu có lúc bất kham trước sự dỏ dánh, dọa nạt, thù ghét, chối bỏ của ba mẹ nàng. Ba mẹ có một lực lượng hùng hậu: thành kiến kỷ thị cổ lỗ cộng với một đồng họ hàng nội ngoại giờ phút nào cũng sẵn sàng tình nguyện tiếp ứng. Nàng một mình quay quắt chống đỡ, và hiển nhiên nàng chỉ có độc mình tôi là đồng minh. Chúng tôi quen biết nhau chừng 6 tháng trước khi tôi nhập ngũ. Vào lính, lực lượng chúng tôi được tăng viện thêm những ông già phát thư (chẳng bao giờ các ông ấy dấu nhem thư từ của chúng tôi cả), những con tem và một số bạn bè làm hậu thuẫn. Cuộc chiến lạnh và dài; càng lạnh và càng dài chừng nào tình chúng tôi càng nồng chừng đó, nồng như vôi, mạnh như vũ bão, dẻo dai như cao su, kiên cường hơn đất đá. Cuộc chiến nào rồi cũng phải đến hồi kết. Năm nàng 21 tuổi chúng tôi quyết định dành lấy phần thắng. Tôi đã áp dụng đúng chiến thuật đột kích để mang nàng chạy trốn ra khỏi vùng hơi hám kỷ thị thù ghét mà mọi

người quanh nàng tiết ra nong nặc, không ngừng, suốt những tháng ngày nàng 18, 19, 20. Cái mùi ấy thật giống mùi âm, ty địa ngục. Đã qua những phút hồi hộp trên phi trường. Đã qua những cơn khóc rời rã. Nàng đã tỏ ra rất can đảm, thứ can đảm tràn đầy nam tính.

Ngày thứ nhất về với nhau, nàng có đủ 24 giờ để khóc; tôi có đủ 24 giờ để dỗ dành. Ngày thứ hai, chúng tôi ngủ suốt 24 giờ nghỉ mệt. Ngày thứ ba lui tới quanh quần tỉnh chuyện tương lai. Chúng tôi dành nguyên một buổi sáng lặn lội vào chợ mua sắm những thứ tiện nghi cần thiết trang bị cho đời sống một đôi vợ chồng son. Căn phòng thuê nhỏ hẹp vừa là nơi nấu nướng, ăn ngủ, và tiếp khách. Lũ bạn hùn nhau mở một tiệc nhỏ chúc mừng; lễ ra bữa tiệc này chúng tôi phải đứng ra lo nhưng bọn nó can, nói còn dành dụm tiền nong cho những ngày sắp tới. Những ngày sắp tới? không biết phải di chuyển qua bao nhiêu trạm nữa để chạy trốn cuộc truy lùng của lực lượng bên kia? Kể tuyên chiến là chúng tôi, dĩ nhiên; nhưng tiếng-nói-hòa-bình phải được chính thức phát ngôn từ phía họ. Thật là buồn cười khi phải mượn những từ ngữ của chiến thời để diễn tả cuộc tình thuần khiết trinh bạch của chúng tôi. Tội nghiệp cho tình ta quá phải không em? Em đã can đảm chịu đựng như cây lau đầu gió, như cây cỏ đầu thác, như con cá chép nhỏ lội ngược dòng thủy lưu. Em bả cấu xé, nghiến răng đến bật nước mắt trong cơn yêu đầu đời. Hạnh phúc anh mang đến có cao dày hơn núi Trường sơn, có rộng ngút trăm bờ biển cả cũng không thể bù. Chẳng pháo hồng, không áo cưới, chẳng cau lông rượu ché, không có mặt đông đủ lòng rước đèn mừng hai họ. Chúng tôi về với nhau y hệt thú rừng rủ nhau về hang động, lặng lẽ âm thầm. Xe hoa là chuyến bay lúc 8 giờ 30 sáng. Họ hàng trai gái là những kẻ đồng hành cùng một chuyến xa lạ, không quen — nhưng ý hẳn dưới mắt họ chúng tôi là đôi vợ chồng (cười nhau) hoàn toàn hợp pháp hợp lý hợp tình. Đêm tân hôn không có mâm cỗ cúng ông tơ bà Nguyệt; mỗi đứa ngồi một góc nhai bánh mì lapis xường, nàng vừa nhai vừa khóc, tôi vừa nhai vừa buồn. Nàng khóc suốt bữa hôm, bữa mai cho tới ngày tề ngày mốt. Tôi nghĩ quần lo quanh trấn an, hờn lấy. Lắm lúc khóc

tôi là người nàng thiếp đi rồi chợt thức trong tay tôi, hốt hoảng kể lại giấc mơ mộng thấy ba mẹ cầm dao dọa giết, dọa băm vằm từng khúc thả trôi sông. Tình yêu đầy nhưng tràn như nước mắt. Là đàn ông con trai, tôi còn có thể đứng mũi chịu sào. Nàng là con gái, dù có to gan cũng chẳng thể không tủi thân hờn phẫn. Dần dà rồi cũng quên buồn để còn thấy nhau vui. Niềm vui tôi cố tạo được lúc nào hay lúc đó. Thấy nàng vui lòng tôi phấn khởi vô cùng; thấy nàng cười là tôi như vừa được uống mười, hai ba chục chén thuốc tiên. Vui, từ rán vui lên mà sống chứ!

Niềm vui phải tới như phản ứng tự nhiên sau những cơn buồn. Niềm vui đêm nay đã đưa chúng tôi tới đây. Chúng tôi đang ngồi giữa ngàn-ngàn lá rơi; ngồi đông đưa trên vạn sen nổi, và ngậm chặt im lặng, cơ hồ như hai con ốc nhỏ tình si chột thức choáng ngợp trước mệnh mỏng biển khơi. Tôi choáng ngợp giữa im lặng hân hoan tuyệt vời của nàng và, nàng cảm nín chịu đựng sự tắt hơi ngắt lịm của tôi giữa khung cảnh mơ hoàng này. Khung cảnh, mảnh lụa là trải dài trên lưng đời sống, hay là mảnh đất hứa tách rời của riêng hai chúng tôi. Tiếng động, sinh hoạt hỗn tạp đời sống ngoài kia không có lý do nào để xâm nhập vào « ốc đảo » thần tiên này hết.

— Em lạnh.

Nàng chợt nói. Tôi cự mình ra khỏi dòng ý tưởng lan man, tựa con gà con chui ra khỏi chiếc vỏ trứng. Giọng nói nàng đầu từ ngõ ngách thâm trầm nào vọng lại? Tiếng nói chợt kéo tôi đứt tung khỏi tất cả, khuôn mặt nàng nâng nặng trên trũng vai. Ngủ đi, ngủ đi cưng, ngủ mơ thấy ba mẹ cười chào thua chúng ta. Ngủ đi cưng, ngủ mơ thấy bầy trẻ tương lai cầm tay nhau đứng đống đống để hát bài một ông sao sáng hai ông sáng sao... Ngủ ngoan cưng, ngủ quên tiếng sóng biển ầu sầu miền quê nơi em khôn lớn; ngủ quên lời mẹ dạy: « trai Bắc thì lấy, trai Huế thì đừng ». Ngủ mười cưng, ngủ nhớ nụ cười hạnh ngộ ngày anh mặc đồ trận lệch thếch trở về, ngó dọc ngó ngang chợt bắt gặp em đứng ngu ngơ đầu một góc phố; thành phố đầy đầy dư luận sắc bén hơn dao, thành phố cùng những kẻ vây quanh em liên li tiết mùi địa ngục nồng nặc. Những ngọn tóc nàng

mềm mại phả vào má tôi cảm giác man mác buồn. Tôi buồn, tệ thật. Vâng, tôi chợt buồn ; tôi nói cho nàng biết điều đó.

— Anh buồn.

Nàng cười nhẹ, môi hé mở và đôi hàm răng trắng duyên dáng dưới cổ tôi.

— Anh cũng biết buồn nữa à ? lạ lùng đấy, nhớ lại coi thử anh buồn, hay buồn ngủ ?

— Ừ có lẽ anh buồn ngủ cũng nên.

Những câu nói trao đổi bỗng mang vẻ lẫn lộn hết sức trẻ con, ngôn ngữ thật của nhân loại yêu nhau đó sao ? Nàng đứng dậy :

— Đi một vòng cho mát anh.

— Em đang nóng đó à ?

— Không nóng, nhưng anh làm em sắp nổi nóng đây.

Tôi lạ lùng ngó nàng, khuôn mặt trắng tợn sấp của người-nữ-đầu-tiên-trên-trái-đất-đất, ngửa giữa hai bàn tay tôi.

— Đưa anh hút bột nhiệt ra cho.

Bốn cánh môi chúng tôi dán vào nhau ; nàng bỗng nhẹ hẫng trong tay tôi tợ làn khói. Nàng như làn khói thoát khỏi tôi, ngoài tôi, còn hai bàn tay là điểm duy nhất ; tưởng chừng nếu lúc này buông ra nàng sẽ rơi mất biến xuống hồ tức khắc.

Những đốm hoa sứ trắng tinh bất động, dường như đang thiêu thiêu ngủ ; thoáng chốc một làn gió qua, sứ thả hương bọc lấy bụi phấn vàng. Hương sứ không ngào ngạt bằng hương sen, nhưng hương sứ vẫn chẳng thể vì sen mà lạc điệu, hương sứ có cái mùi vị hiển dạng với vị riêng nó ; bởi vậy đứng giữa rừng hương càng ứ này tôi vẫn nhận ra mùi hương sứ thật rõ ràng. Tôi im nghe một tiếng chim kêu, không có. Những cánh vạc đã vào mây hết rồi. Cò trắng cũng thôi về thành từ đạo đó, từ đạo bình lửa dậy đất trời, kinh đô thất thủ vào tay giặc Pháp. Gót giày đinh quân chiếm đóng mang đất cát từ những miền xa xôi tận phương tây về dẫm ố hoen những con đường phương. Nội thành mềm mòng như cô gái tơ ngắt xiêu đổng hờn trong tay lũ bạo hành cuồng dâm lông lá. Bốn cửa thành Đông Tây Nam Bắc lấp ló tới lui những khuôn mặt rạch, vằn vện râu ria ; vắng bóng tàng lọng xanh xang ngựa voi xa giá. Người ta bảo xưa kia vào mùa xuân

cò trắng thường về đậu trắng cả bốn mặt hồ Tịnh-Tâm. Cò trắng là chim thiêng của đồng nội, không thể chung lộn với lửa binh, nên từ đạo đó — cò trắng thôi không về. Bây giờ nếu có, họa chăng chỉ còn chim cú.

Không một tiếng chim kêu, không tiếng động rõ ràng cánh vỗ, khung cảnh dường như bặt cảnh linh thiêng đi. Giờ này, bên tôi, trên mặt phẳng hôn mê bóng tối này chỉ có nàng : con cò trắng bỏ bầy ; người bạn đời theo tiếng gọi nhau về tay ấp đầu gối. Nàng ngược mắt trông vời lên vòm lá tối, mớ tóc dẫm hương sứ bay dạt, để lộ khuôn mặt dịu dàng mơ hồ nụ cười in dáng tượng. Nàng, đứa trẻ gái ham vui trốn cha bỏ mẹ liều lĩnh vượt nghìn trùng đến cùng người bạn trai. Đứa trẻ gái đang đứng trước khung cửa mệnh mông đời sống, đang đứng trên đất đai một quê quán lạ, và ngu ngơ thăm hỏi :

— Sao người ta gọi hồ này là hồ Tịnh Tâm anh ?

— Ngày xưa vua hay ngự tới đây. Tôi đưa tay chỉ xuống lối mòn — con đường ấy em thấy không ? xa giá cờ xí rợp trời những ngày đầu xuân. Chỗ tụi mình đang đứng là chỗ bài trí những bàn rượu bàn cờ. Vào thời đó thị dân đâu có được đem dấu chân thổ thần héo lách tới đây. Hồ dành riêng để vua an dưỡng tinh thần, uống rượu, nghe đàn địch và ngắm trăng.

Rồi như vừa nhấp phải men say của thứ rượu Bồ Đào ngày xưa vua uống, tôi nói luôn một thời một hồi dài :

— Hồ Tịnh-Tâm, Đại nội, Bến Ngự, Vỹ Dạ, Nam giao... những nơi chốn ở quê quán chồng em phải lần lượt biết, làm quen : kiến thức phổ thông, bài học vỡ lòng cho một người con gái xứ xa ngày đầu về làm dâu đất Huế. Mai mốt anh sẽ dẫn em về trình diện mẹ ; anh khấu đầu cầu cớ lạy mẹ xin tha thứ cho đứa con trai hư đốn của mẹ đã ngang nhiên phạm tội « dụ dỗ con gái người ta ». Mẹ sẽ la lối một ngày dài ; có thể mẹ sẽ giận hờn bỏ ăn bỏ uống ba bốn bữa — hoặc có thể một tháng ba mươi ngày mà không thêm ngó mặt anh... Nhưng rồi thế nào mẹ cũng sẽ phải thương con dâu của mẹ. Mẹ sẽ dạy em cách làm cơm hến, cách đồ bánh khoai, cách nấu canh măng chua với cá ngạnh nguồn : những món ăn phổ thông mà một người vợ Huế phải biết để chăm chút chồng con.

— Nghe anh nói cái gì cũng dễ hết, dễ và chắc nịch như cua gạch, như hai cộng với hai là bốn.

— Nguyệt cầu người ta lên còn được hưởng hồ...

Nàng ngắt một đoá hoa sứ đưa lên mũi hôn lấy hôn để; tôi dẫn lấy ngửi ra từng cánh ném xuống mặt hồ. Những cánh hoa trắng tinh bay lảng quàng vật vờ giữa những khoảng không rồi mất biệt. Nàng niu giữ tay tôi lại ngăn không cho ném nốt những cánh trắng cuối:

— Anh vừa làm cái gì anh biết không?

— Không!

— Anh vừa mô tả động tác dữ dằn của một mãnh thú gặm xé những mảnh trăng.

— Tuyệt, em có trí tưởng tượng tuyệt lắm, nhưng em có đang mơ ngủ đó không?

— Em kinh sợ những động tác đại loại như thế — nhớ hồi còn nhỏ, đứng nhìn chị-người-làm cắt tiết một con vịt, mấy đêm liền em không thể nào nhắm mắt, cứ nhắm mắt là thấy cái cổ vịt vọt máu.

— Hồi xưa nhắm mắt thấy cái cổ vịt nên lớn lên bây giờ nhắm mắt là em thấy ba-me-cầm-dao-dọa-giết phải không?

— Nói vậy thì hơi quá đáng, chẳng có liên tưởng nào bắt nối giữa cái cổ vịt và ba me cả. Sao anh cứ nghĩ tới ba me là chỉ thấy độc hình ảnh cầm-dao-dọa-giết ấy thôi. Nàng hờn trách nhẹ nhàng. Tôi tiếp tục giọng châm chọc:

— Thì ba me nào khác con mãnh thú và em nào khác cái mảnh trăng kia.

— Bộ anh tưởng mình đi luôn mãi sao? Cũng có ngày nào đó em phải về khẫu đầu cần cỏ lạy ba me tha thứ cho đứa con gái hư thân mất nết đã khăn gói trốn theo « người ta » chứ! Cứ thử lường tượng lúc đứng trước mặt ông bà em cũng đủ thấy lạnh run cả người.

— Run như Thần tử thấy Long nhan là cùng chứ gì? Có lẽ ngày về em nên ôm theo một chiếc lồng ấp đầy than hồng cho đỡ rét.

Nàng bật cười cấu đủ mười móng tay vào vai tôi:

— Anh quá khích, anh ngoan cố, anh ăn nói láu lỉnh như tinh như ma như mấy thằng cha bán thuốc quảng cáo ấy.

Chúng tôi cùng cười, thanh âm quẩn quít hơi gió. Trong những chùm lá đậm đặc bóng tối kia có đôi mắt chim cú nào đang rình chúng tôi đó không? Có ông vua bà chúa nào lên về nhìn trộm hạnh phúc của chúng tôi không? Không, chẳng có ma nào cả. Chỉ có một tiểu-vương-lém-lỉnh và một nàng quận-chúa-giàu-lo sợ-giàu-nước-mắt đây thôi. Và có lẽ quận chúa buồn ngủ nên quận chúa nhắm nhủ nững nịu bảo tiểu vương. « Khuya quá rồi, mình về đi thôi anh, lúc đi anh quên bật đèn, giờ này chắc phòng mình tối thui ».

Tôi cầm tay nàng bước dọc theo hành lang ra khỏi căn nhà. Tôi vội vã làm như nếu chậm một khắc nữa, căn nhà sẽ đổ xuống nghiền nát chúng tôi mất.

— Bàn tay em sao lạnh ngắt thế này? Nàng đáp, giọng hóm hỉnh:

— Anh hỏi ngờ ngẩn như trẻ lên ba ấy. Tay lạnh là bởi nó lạnh, ai can nó nổi. Đôi khi dường như em không đủ thẩm quyền kiểm soát hết cơ quan bộ phận mình nữa.

— Ví dụ?

— Ví dụ có lúc cái chân bên phải lạnh, chân bên trái lại nóng, cái má bên phải in cục than hầm, má bên trái như cục nước đá, thật kỳ.

— Ví dụ như lúc nào?

Nàng kiễng chân ranh mãnh kề sát tay tôi thì thầm:

— Lúc anh hôn... em.

Hai đứa cười phá lên. Phía đông, phía nam mở vĩ đại của hàng ức hàng triệu âm binh (Đại-nội), vàng trắng lười liềm vàng lạnh đã nhú khỏi đầu cây. Vàng trắng vừa tỏa ánh bạc rờn rợn, vừa như một con mắt sâu héo đang cười. Vàng trắng lồm khuyết, nó vừa bị con mãnh thú nào gặm mất một mảnh vậy?

Ra tới lối mòn nằm phơi giữa hai bờ cỏ lấp lú, nàng dừng lại cầm đôi guốc lên tay, nói bằng giọng hồn nhiên của đứa trẻ đang trong cuộc chơi kỳ thú:

— Đi chân không một lát cho khỏe anh.

Tôi chiều nàng, tuốt giày cầm lên tay :

— Ừ khỏe thật.

Chúng tôi ngó nhau cười thật vui, vui như từ cha sanh mẹ đẻ tới chừ chưa bao giờ vui thế. Hơi đất đêm mát rượi thấm qua gang bàn chân ngấm tan khắp thân thể, rồi tụ lại trong tim thành ngọn lửa ấm. Nàng vừa đi vừa ngoái cổ nhìn lui chiếc hồ. Căn nhà bát giác lúc này trông tựa con tàu cùng quần bô neo trên mặt hồ nhưng thắm. Ánh trăng phớt vàng màu đau yếu xuyên qua cành lá, vàng động hững hờ.

Giờ nếu mình bỏ gôi giày đôi guốc này trên bờ hồ, sớm mai dám có người lầm tưởng có hai kẻ chân đời nhảy xuống hồ tự tử lắm nghe ?

Nàng cười ngặt nghẽo :

— Ý kiến anh hay đấy, nhưng bỏ lại giày guốc ở đây, sáng mai tội mình chỉ tổ mất công lặn lội ra chợ Đông-Ba mua giày guốc khác thôi anh ạ.

— Ừ nhỉ, đôi khi em thực tế hơn cả một bà già.

Bốn cái chân chẳng cần lên tiếng hỏi han, chúng tự động đưa chúng tôi qua hết lối mòn, ra tới đường lộ. Hai chiếc bóng ngã thềm dưới chân. Gió khuya lành lạnh trên đầu. Lưng tôi ấm theo đường vòng ôm ngang của cánh tay nàng, và cứ thế chúng tôi bước đi (có thể đi tới bất cứ nơi chốn nào trên khắp mặt đất này). Nàng âu yếm áp mặt vào bờ vai tôi khẽ ngáp. Cám ơn đêm đã trả lại cho nàng vẻ tươi mát hồn nhiên. Nhân danh tình yêu trinh bạch và thuần khiết, xin đêm thấp sáng ngọn đèn trong tim nàng mãi mãi ; mãi đến ngày chúng tôi tóc bạc răng long, lưng còng phải nhờ đến gậy, đi đứng phải nhờ cháu chắt nội ngoại dắt dìu...

Chúng tôi đi về phía đông, phía có vầng trăng vừa nhú khỏi đầu cây. Một lúc nào đó bất chợt nhìn xuống đôi tà áo nàng pho phất quần quít bay quanh, không dừng tôi nghĩ đến đôi cánh của một giống chim : một thứ chim khuya thương bầy nhớ bạn đang rủ cánh buồn phiền trên một bút sen trắng hồng nào đó, lúc này giữa mặt hồ cô quạnh. Gió bay tạt từng ngọn tóc nàng mỏng manh

vương vút cổ tôi. Những ngọn tóc thơm như còn mang theo phần bụi vàng hương hoa sứ. Tôi hỏi thầm : liệu đêm nay nàng còn ngủ mơ thấy ba mẹ cầm dao dọa giết nữa hay không ?

mường mán

(tặng B.T. xa ngái)

TRẦN NHỰT TÂN

âm điệu và nhạc tính trong thi ca

Thơ chỉ đề được đọc bằng mắt, vì đọc bằng mắt mới có yên lặng làm điều kiện cho tưởng tượng của người đọc tham dự vào khả tính tưởng tượng trong văn ảnh. Chính trong điều kiện yên lặng ấy, đọc bằng mắt cũng cho ta nghe thính âm cùng nhạc tính của mỗi chữ. Nhưng thính âm và nhạc tính này không nhằm làm cho ta vui tai mà chính là hình thái nội tại gắn liền với ý thơ; nó là những dấu chỉ hạn giới của ý thơ mà ta không nghe thấy bằng tai, chỉ nghe thấy bằng mắt (bằng sự lĩnh hội lý trí).

« Buổi chiều sao vỡ vào chuông giáo đường » (1)

Ta không thể ngắt câu tại nơi nào khác ngoài chữ « chiều », rồi đọc luôn cho hết câu, vì « buổi chiều » là một từ bị ngăn cách với nhóm chữ kế tiếp, « sao vỡ vào chuông giáo đường ». Sự ngắt ý hoàn toàn tùy mỹ cảm người đọc. Âm điệu do đó chỉ thành hình ngay trong quá trình lĩnh hội, và sau đó, nó không có ý nghĩa nội tại nào cả. Đó là nhịp của giọng (đọc bằng mắt):

Buổi chiều/sao vỡ vào chuông giáo đường → (2)

Chúng ta dừng lại một từ nào chính vì giữa từ ấy với từ kế tiếp có một mối « liên hệ chia cách »; nếu ta kéo dài một âm

(1) → : tượng trưng âm kéo dài.

/ : » » âm ngắt khoắn.

(2) T.T. Tuyền, Phục sinh (tôi không còn có độc).

nào chính vì nội dung âm ấy tự nó có một âm hưởng cần được kéo dài. Nếu ta đọc liên tiếp nhiều từ với nhau chính vì các từ ấy chấm phá cho sự yên lặng của toàn ý thơ trong câu. Âm điệu luôn luôn là âm điệu của một « câu ý » (tối thiểu, và theo thơ cũ là sự xuống dòng, theo thơ tự do là một ý thơ vì sự xuống dòng không biểu lộ cho sự hết câu, nếu không chỉ có nghĩa ngắt câu theo ý thơ mà thôi). Tôi gọi nhịp là nhịp của ý thơ.

Buồn ơi ! → xa vắng → mệnh mông → là buồn... →

(Buồn ơi / thấy sao xa vắng (thấy sao) mệnh mông / (ôi) là buồn...

Âm điệu là âm điệu của người đọc, chứ không phải của chính bài thơ đó, vì chính người đọc « sáng tạo » ra âm điệu theo mỹ cảm riêng, theo sự lĩnh hội riêng. Còn nhạc tính thì vẫn nội tại trong từng chữ tiếng. Ta cũng có nhạc tính của bài thơ khi kết hợp mọi nhạc tính của từng chữ tiếng và từng nhóm chữ tiếng, câu, theo một sự chấm câu riêng của người đọc.

« Bâng khuâng → trời rộng / nhớ / sông dài →

Âm điệu chính là hợp thể của thính và sự liên hệ phát âm của chữ tiếng trong một ý thơ (tôi không nói câu thơ nữa, vì câu có tính chất cú pháp và hình thức văn phạm, trong khi ý thơ cần có một hình thức khả tính tương ứng).

Nhạc tính là đặc tính của âm điệu (chứ không phải cứu cánh của âm điệu theo sự phân tách nhà trường lâu nay). Bản chất âm điệu là khả tính phổ diễn ý thơ trung thành với quá trình hình thành tưởng tượng.

(Nghe / đi rồi rạc trong hồn →

(Những chân xa vắng → đậm mồn → lẻ loi... → (H.C.)

(Đã chảy về đâu → những suối xưa ? /

(Đâu / cơn yêu mến đến không chờ ? →

(Tháng ngày vùn vụt, / phai màu áo, /

(Của những nàng tiên / mộng trẻ thơ. → (H.C.)

(Cây cỏ bình yên / khuya tĩnh mịch /

(Bồng đầu / lên khúc Lạc-âm-thiều →

(Nhị hồ / đề / bốc niềm cô tịch /

(Không khóc / nhưng mà → buồn → hiu hiu → (X.D.)

Nhịp là sự phân định các yếu tố (phát âm, hình thức) trong một kết cấu để phô diễn ý thơ. Các yếu tố ấy gắn liền mật thiết với nội dung của ý thơ. Các yếu tố ấy gắn liền mật thiết với nội dung của ý thơ (nội dung của các từ, biểu từ, nhóm từ...), nếu mất đi (hay thiếu) một trong chúng thì ý thơ (toàn bộ) trở nên lạc lõng (thiếu ăn khớp, thiếu kiến trúc, mất bố cục). Vậy âm điệu là bố cục của tiết nhịp và thình của toàn thể các chữ tiếng gói trọn một ý thơ nhằm diễn xướng hay phát huy ý thơ toàn bộ bằng ngôn ngữ nội tại (1) (đọc bằng mắt) hay ngôn ngữ thành lời mà nhạc tính là dây giao cảm của từng yếu tố trong toàn bộ bố cục ấy.

Vậy, thơ tự do (cũng là một thể thơ) cũng vẫn có âm điệu, một âm điệu mới và đúng nghĩa (theo ý hướng sáng tạo âm điệu nơi người thưởng lãm), một âm điệu khó có được (nhưng không phải là không có) vì thơ tự do khó làm hơn thơ mới và lục bát. Thơ văn xuôi còn giàu âm điệu hơn nữa vì dễ có nhạc tính nhưng lại khó hơn thơ tự do vì dễ bị đồng hóa với văn xuôi chính danh: văn xuôi không phải là chiếc nôi của văn ảnh, trong khi đó văn ảnh là chiếc nôi của thơ ý, của thi chất, là bản án của sáng tạo.

Âm điệu là cỗ xe ngoại phóng của khả tính ý thơ gắn chặt với ý thơ (theo quan điểm người thưởng lãm). Do đó, nó (có) bao hàm luôn một chất sống thật để được gọi là hình thái hiện sinh của thơ không? Hãy trả sự sống lại cho sự sống; đó là nhiệm vụ tối ư quan trọng của kẻ đi tìm cái đẹp thì ca vì đi tìm đẹp trong thơ là đi tìm chính mỹ cảm của mình trong thơ, sống với chính hồn mình qua nghệ thuật thì ca. Vậy âm điệu tuyệt đối không có hình thức quy phạm, khuôn mẫu tù hãm, không có một quy tắc chung. Nó là thế giới đợi chờ những chủ quan gọi tên từ khả tính của thi chất hàm chứa trong ngôn ngữ: Ý thơ nào cũng là một gã giang hồ vô định. Vậy âm điệu trong thi ca cổ luật phải chăng là một cưỡng hiếp hiện sinh của thi ca,

(1) Ngôn ngữ nội tại là những ý-nói-ra chỉ phát biểu cho chính mình nghe mà không nói ra thành lời thật (không phát âm). Một câu nhạc cũng có thể nằm trong lớp ảo ngôn ngữ nội tại như thế ấy.

nếu không là một giả tạo lụy thừa? Điều ấy được chứng minh, khi ta so sánh lục bát với sáu tám. (Như thế cũng chỉ là một cách nói vì lục bát chưa bao giờ xuất hiện như một loại thơ đúng nghĩa mà chỉ toàn là ngôn ngữ lục bát của tiểu thuyết; trong khi đó sáu tám thì ngược hẳn lại). Tưởng tượng nếu được khai phóng thật sự trong thơ mới thì chính vì âm điệu được giải phóng. Xa hơn, chính thơ tự do là hình thể đầu tiên mang lại cho thơ Việt một giải pháp thật sự (với những thơ tự do nào được gọi chính danh là tác phẩm nghệ thuật). Âm điệu được giải phóng là những âm điệu không bị tiền ý niệm định nhịp, trái lại, trả nó lại cho vị trí nguyên thủy của nó. Vị trí ấy là biên cương của ý thơ, của văn ảnh, của nội dung ngôn ngữ đích thực được thi sĩ gọi tên chưa nên lời, còn đợi chờ các cuộc thưởng lãm đỡ dậy cho một gọi tên tình tự. Thơ đường đẹp là nhờ sự cô đọng của lời, súc tích của ý gắn liền với đặc tính của Hán tự, hơn là nhờ sắc thái giải phóng ý thơ cùng sự phóng đạt của âm điệu bản nhiên. Hán tự có đặc tính của một ngôn ngữ tượng hình và hội ý mà nội dung được lãnh hội theo tiền-ý-niệm và tập-quán-ngữ-luận. Do đó thơ đường rất nghèo về hình thức và cả nội dung vì không phải ý thơ nào giống ý thơ nào về mọi phương diện, không mĩ cảm nào đồng dạng, gần giống với một mĩ cảm nào mà thơ đường đã lý-trí-hóa một cách thuần lý những hiện sinh ấy: chỉ tám câu, năm mươi sáu tiếng là đủ để phô diễn...! Và lại, theo tôi, thơ Lý Bạch đẹp thật ra không phải là những bài thơ tám câu ấy mà là những bài thơ cổ phong phi đường luật: ở đó ta thấy căn rễ của Thơ thật mà thơ tự do (tôi tưởng) đến thế kỷ XX này mới xuất hiện như là một trở về (trở về Thơ thật, chứ không phải trở về một Lý Bạch), một đuôi bão gọi đàn.

Lý trí, trong quan niệm nghệ thuật cổ điển, đóng vai trò hòa giải đam mê với tuyệt vọng, xúc động với mĩ cảm mà sáng tạo còn lại trong thi ca như một điều hòa, một trầm trầm, một lắng lắng, như trốn chạy những gì mãnh liệt của đam mê gây ngất, trốn chạy những gì tràn ngập tình tự. Tuy nhiên mỗi khuôn mặt nghệ thuật đều có những sắc thái riêng khiến ta không nên quá quyết quan điểm nghệ thuật nào hơn quan điểm nào (nếu hơn, có

lẽ cũng chỉ vì cạnh góc). Chỉ có sự khác biệt (mà không hiệt lập) giữa các khuôn mặt sáng tạo trong cùng một ngành nghệ thuật, chứ không có hơn hay kém. Duy, phải quả quyết rằng hình thức sáng tạo không tách rời khỏi nội dung sáng tạo.

Tôi muốn nói đến âm điệu, một khuôn mặt của hình thức sáng tạo thi ca. Và như đã thấy, thơ hệ tại sự lập ngôn. Cho nên, âm điệu phải chăng là một khuôn mặt của sáng tạo trong cách thể phôi mớ nội dung các văn ảnh ấy để mĩ cảm thưởng lãm có thể du nhập vào Lời thật? Một văn ảnh tuyệt đẹp không thể là một văn ảnh bị cô lập đối với các ý thơ vì vắng bóng âm điệu trong sự phôi tấu toàn bộ của ý thơ. Nói khác, có phải âm điệu chính là hơi thở của Nàng thơ trong thi ca? Nếu không có hơi thở thì làm sao Nàng thơ có thể sống? Làm sao thơ được gọi là thơ? Huy Cận đã thở cùng Nàng thơ say sưa và ngây ngất trong *Lửa Thiêng* nhiều lắm:

« Lâng lâng chiều nhẹ ghé muôi tai;
Trong bóng chiều như mờ tiếng ai,
Thổi lạc hương rừng cơn gió đến
Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài
Ôi! nắng vàng sao mà nhớ nhung!
Có ai đàn lẻ đề thơ chùng?
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy
Xui bước chân đây cùng ngại ngày ».

Nhớ hồ

« Vàng đẹp quá giăng tơ và xoắn chỉ:
Trời mênh mông nên rất đổi nhớ nhung;
Chiều buồn giữa hương sắc tung bồng
Như nắng xế nằm trên gương mờ thủy.
Chiều nơi hồn, và nơi trời, ý nhị;
Choáng tương tư, gió rộng vương cành cây.
Vườn hân hoan muôn vạn nổi đàn bày
Của nhựa mạnh thành tơ trong mối.
(...)

Em ơi! chiều đương họa điệu vàng tơ ... »

Họa điệu

« Đêm mưa làm nhớ không gian,
Lòng run thêm lạnh nổi hàn hao la...
Tai nương nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn.
Nghe đi rơi rạc trong hồn
Những cơn xa vắng dặm mòn lẻ loi...
Rơi rơi... dlu dju rơi rơi...
Trăm muôn giọt nhẹ nổi lời vu vơ...
Tương tư hương lạc, phương mờ...
Trở nghiêng gối mộng hững hờ nằm nghe.
Gió về, lòng rộng không che,
Hơi mây hiu hắt bốn bên tâm tư »

Buồn đêm mưa

Cùng một số chữ như lục bát hay ca dao (thề lục bát) thề sáu tám (thơ mới), vì đã được thai nghén từ một mĩ cảm với một sáng tạo mới của cảm thức quần thể ngang lưng chuyển hiện của nội-tâm-xã-hội, nên xuất hiện trong *Lửa thiêng* như một bản đồ âm điệu của thi ca Huy Cận đi vào hồn ta êm đềm, như lời ru hiền của lá hoa, của thiên nhiên ngậm ngùi:

« Nắng chia nửa bãi chiều rồi...
Vườn hoang trinh nữ xếp đôi lá sầu.
Sợ buồn con nhện giăng mau;
Em ơi! hãy ngủ... anh hầu quạt đây!
Lòng anh mở với quạt này;
Trăm con chim mộng về bay đầu giường.
Ngủ đi em, mộng bình thường;
Ru em sẵn tiếng thùy dương mấy bờ...

Cây dài bóng xế ngăn ngơ
Hồn em đã chín mấy mùa thương đau?
Tay anh, em hãy tựa đầu;
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi.

Ngậm ngùi

Có phải đó là giọng ru ngọt mềm, tình tự êm ái, tha thiết và ngậm ngùi như bài ca dao mẹ, như lời mẹ ru con từ thời nôi cổ; từ thời mọi vật chung quanh chỉ còn là mẹ mà mỗi giọt sữa là một âm ảnh hoang đường mai kia, mà giọng mẹ là tiếng nói làm

người dạy con biết cô đơn về sau? Có phải đó là giọng tình nhân ru ru đôi mắt tình nhân, vuốt ve mái tóc tình sầu, mơn trớn bàn tay tình mộng, vỗ về trái tim xinh xinh bé bỏng, yêu dấu đôi môi thần thoại, khẽ gọi tiếng nói yêu đương? Một bản ngâm ngùi bài mà âm điệu giăng thành võng tơ buồn mộng lung buồn hoài trong *Lửa Thiêng đó*.

Rồi đến âm điệu của thu, của *Tiếng-thu* mà Lưu Trọng Lư là hiện thân của những sợi tơ thu êm ái dịu dàng, những hơi gió heo may nhẹ nhàng, những chiếc lá quý phái rủ nhau mặc áo vàng, những mảnh trời nhuốm buồn không gian, một không gian đan bằng âm điệu lằng lằng như phấn bướm của tâm hồn ai trải chờ, mơ mộng đợi thu về:

« Em không nghe mùa thu,
dưới trăng mờ thồn thức ?
Em không nghe rạo rức
hình ảnh kẻ chinh phu
trong lòng người cô phụ ?
Em không nghe rừng thu,
lá thu kêu xào xạc
Con nai vàng ngơ ngác
đạp trên lá vàng khô ? »

Tiếng thu

Nơi đây âm điệu đã được thoát giải: Tiếng thu là một trong những bài thơ giàu âm điệu nhất. Sự thể viết hoa hay không trong bài thơ này chính là hình thức khai phóng âm điệu để âm điệu diễn tiến tự nhiên hơn. Ta có thể viết bài thơ trên dưới dạng thức văn xuôi theo lối chấm câu của tác giả mà âm điệu không mất, nếu không muốn nói là *thật* hơn: âm điệu thật của thu gần với ngôn ngữ hằng ngày (văn xuôi) (1).

« Em không nghe mùa thu dưới trăng mờ thồn thức? Em không nghe rạo rức hình ảnh kẻ chinh phu trong lòng người cô phụ? Em không nghe rừng thu, lá thu kêu xào xạc, con nai vàng ngơ ngác đạp trên lá vàng khô? »

(1) Thơ là nghệ thuật giả-tạo-hóa ngôn ngữ hàng ngày.

Nhạc thơ không mất, ý thơ không phai, hồn thơ không nhạt, văn ảnh không héo, âm điệu không mờ: « Tiếng thu » là một bài thơ văn xuôi, viết theo lối thơ mới! Điều ấy càng chứng tỏ thơ mới giàu hơn thơ cổ (Thơ tự do, thơ văn xuôi còn giàu hơn cả thơ mới). Nói khác, thơ mới đã ngầm chứa mầm mống cho thơ tự do; âm điệu trong thơ tự do mới thật là âm điệu: tự nhiên, sống, là lướt, tuôn chảy, lan thắm, xâm nhập, thẩm thấu, hòa tan, pha loãng, mãnh liệt và, nhất là, tuôn chảy tràn lan, tuôn chảy tràn lan. (Thơ của Saint-John Perse chẳng hạn).

Thơ mới phá thể, hình thể chuyển tiếp cho thơ tự do, đặt âm điệu vào lòng chuyển cung: âm điệu *không có đó, không nằm đây*, trái lại như một ẩn dấu, chỉ bộc phát theo diễn trình khám phá của sự thường lãm như tư duy: chất triết lý:

« Âm ba gờn gợn nhỏ,
Ánh sáng phai phai dần...
Bốn tường gương diên đảo bóng giai nhân,
Lui đôi vai, tiến đôi chân,
Riết đôi tay, ngả đôi thân,
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió.
Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ,
Hay thêm say, còn đó rượu chờ ta

Vũ-Hoàng-Chương (Say đi em, in *Thơ say*)

Âm điệu đã mặc áo mới rồi và đồng thời cũng *tự nhiên* hơn nhiều: phù hợp với nhịp điệu âm thanh của một cảnh trí, nhất là của sự chênh choáng mơ màng trong mắt thi nhân, trong tay chân thi sĩ còn nằm chờ đó để ta khám phá, còn nằm chờ đó để ta cùng say theo, còn nằm chờ đó như rượu chờ ta. Âm điệu không còn sắc thái « khẳng định của một đều đặn hoàn tất », không còn những ngừng nghỉ mà khuôn sáo bảo ta phải ngưng nghỉ. Sự chấm câu ký hiệu cùng những bất định của số chữ và số câu đã tạo nên một âm điệu riêng cho chính bài thơ này. Trong khi đó âm điệu sáu tám của « Ngâm ngùi » có thể tìm thấy phẳng phất nơi một bài sáu tám khác, hay âm điệu của một bảy chữ, của một tám chữ cũng có thể tìm thấy phẳng phất nơi những bài thơ bảy chữ, tám chữ khác. Nhưng « Say đi em » độc quyền chiếm cứ âm điệu của nó: âm điệu trong « Say đi em » (cũng như trong

thơ tự do mà ta sắp tìm đến) là một độc sáng. (Đó là một trong những giá trị của thơ tự do ?)

Nếu nhận âm điệu, nhạc điệu của thơ chính là nhịp bước của ý thơ, thì thơ tự do cũng có âm điệu đầy đủ sắc thái (mà phần đông những thợ thơ thường không đạt được khiến thơ tự do, ở Việt nam, bị hiểu lầm như một thể thơ không nhạc điệu). Ta sẽ thấy cụ thể ngay âm điệu của thơ tự do ?

Nếu nhận âm điệu, nhạc điệu của thơ chính là nhịp bước của ý thơ, thì thơ tự do cũng có âm điệu đầy đủ sắc thái (mà phần đông những thợ thơ thường không đạt được khiến thơ tự do, ở Việt-nam, bị hiểu lầm như một thể thơ không nhạc điệu). Ta sẽ thấy cụ thể ngay âm điệu thơ tự do.

« Tôi biết những người khóc lẻ loi
Không người một chút
Những người khóc lẻ không rơi ngoài tim mình
em biết không
lẻ là những viên đá xanh
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời chỉ còn trời sao là đáng kể
mà bên những vì sao lấp lánh đôi mắt em
đến ngày cuối
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời thom phức những trái cây của thượng đế
nguồn sữa mật khởi đầu
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời đầy hoa cỏ tinh khiết
mà bên cỏ hoa quyến rũ cánh tay em
vòng ân ái
đôi khi anh muốn tin
ôi những người khóc lẻ loi một mình
đau đớn lẻ là những viên đá xanh
tim rữ rượi

T. T. Tuyền (Lẻ đá xanh)

Âm điệu là sự phổ hiện *thi tính như một sinh khí*. Vì thế ta dễ hiểu tại sao thơ tự do khó được nhận là thơ (trường hợp của những bài thơ tuyệt tác) vì âm điệu rất mới cần phải có một

cảm nghiệm mới vượt khỏi những cảm tính nghệ thuật cũ mới nhận diện và cảm nghiệm được. Vâng, tôi nói « mới cảm nghiệm » được : *âm điệu là một cảm nghiệm thi tính như một sinh khí hội thoại của thơ với người thưởng lãm*. Chính sinh khí đóng vai trò lớn trong sự truyền cảm. Người đàn bà đẹp đúng nghĩa là người đàn bà có hồn toát lên từ ánh mắt, khuôn mặt, dáng đi, giọng nói (mà tuyệt đối chính họ không biết), và chính cái hồn ấy gọi dậy tình yêu nơi ta vì tình yêu là một sự gọi đàn. Ta sẵn có nơi ta một cái gì (nửa bản ngã), người con gái vẫn có một cái gì (nửa bản ngã); tình yêu là sự gọi đàn của hai nửa-bản-ngã ấy: tình yêu đích thực mà hệ số là *lý tưởng*. Thi ca cũng chứa đựng một thứ bản ngã thi sĩ đợi chờ bản ngã của ta : hội thoại thi ca là tình yêu nghệ thuật đúng nghĩa mà hệ số là *tơ lòng nghệ sĩ, lý tưởng tìm đẹp*. Âm điệu là hợp điệu giữa kẻ đi tìm Đẹp để làm nên Thơ và kẻ đi tìm Đẹp đã có trong thi ca. Hội thoại thi ca nếu được xem như một hợp điệu của hai tâm hồn thì phải chăng yếu tính thi ca đã đạt đến mức độ « trả lời hữu thể » : *truyền cảm* ?

trần nhật tân

PHẠM CAO HOÀNG

vườn cỏ non tháng giêng

mai qua đây cảm lòng mà nhớ
đời không bằng một giọt rượu say
ngồi bên nhau một chiều gió bụi
ta uống cùng nhau một phút tình cờ

mai đây giữa giòng đời hiu quạnh
chân ngậm ngùi trên những ngược xuôi
mai tôi đập vỡ đàn không tưởng tiếc
đàn vỡ rồi ta được mấy khi vui.

phạm cao hoàng

tặng Từ Thế Mộng

chiều hôm nay tôi đã về đây
ngoài kia vang âm mùa bão tới
có thấy không, mây bay tám cõi
tôi đã về giữa những heo may

áo đã rách như lòng tôi rách
buồn hắt hiu như dáng lá me bay
và chiều nay trong lần hạnh ngộ
thơ tôi buồn ứa máu giữa cơn say

có gì đâu giữa tình người đen bạc
sống một đời nào thấy yên vui
nên chiều nay nhìn anh muốn khóc
anh lặng nhìn mây trắng bay ngang

chiều hôm nay cùng nhau nâng chén
uống cạn rồi buồn bã khôn nguôi
rượu cứ nồng cho đời ta đỡ lạnh
cạn đi anh, ấm chút men đời

VĨNH LỘC

tàn cơn gió loạn

truyện dài (tiếp theo)

Tiếng nói của di Hai sắc lạnh lọt qua hai hàm răng rít chặt vào nhau :

— Thưa ba — Tôi nói như không đề ý đến sự hiện diện của di Hai — điều này càng khiến cho ông thêm lộn ruột. Chúng con thương nhau.

Ba tôi gầm lên như một con thú dữ. Ông nhảy tới chụp lấy vai tôi, đầu tôi đập mạnh vào cây cột lim. Tôi bị choáng váng một giây nhưng không mất bình tĩnh. Tôi nhìn thẳng vào khuôn mặt hốc hác có những sợi tóc bạc dày của ông với niềm sốt sa ái ngại hơn là hãi sợ.

— Mày gọi nhau như thế là... yêu nhau ư? Rồi đây làng xóm người ta sẽ nhò vào mặt thẳng già con già này. Mày biết người ta sẽ nói gì chứ?

Ba tôi ôm ngực thở dốc một hồi rồi ho rũ rượi. Di hai bắt đầu khóc tí tì. Tiếng khóc lần đầu như những tiếng nước nỡ, rồi bỗng òa lên thảm thiết, uất nghẹn. Tôi có cảm tưởng như một cuộc hạ huyết đang bắt đầu. Tôi cúi đầu nhìn xuống khoảng tối mệnh mông trên nền nhà, khoảng đen mệnh mông mở ra trước mặt một kẻ đã xây dựng lại cuộc sống.

— Con xin lỗi ba. Bây giờ xin tùy ba định liệu.

Tôi quay về khuôn mặt đầm đìa nước mắt của di Hai :

— Con xin Di hãy thương lấy em Tâm. Con đã cảm dỗ nó. Nó chỉ là một đứa nhỏ khờ dại. Bây giờ Di có thể giết con đi...

Trong khoảng tối mệnh mông tôi nghe tiếng mình như thanh âm một kẻ đã chết, một linh hồn ảo nần tội lỗi. Rồi đột nhiên bàn tay ấm mịn nào quấn riết lấy tay tôi, tiếng nước nỡ bập bênh và hơi thở nồng nàn, hơi thở quuyền rũ của tình yêu, của đam mê tuổi trẻ...

— Thưa ông... cô Tâm... nằm ở ngoài bờ rạch...

Tiếng nói thẳng thốt của người tá điền như một nhát búa đập xuống đầu tôi. Rồi tiếng khóc thất thanh của di Hai, chỉ còn nghe, rớt lại sau lưng tôi. Tôi cầm đầu chạy ra sân, theo con đường mòn về phía cổng ấp. Nắng buổi xế chiều soi vào thái dương như nhối. Những viên đá tai mèo như xé rách da thịt. Một mũi gai ghim vào gót chân tôi.

Không bao giờ anh bỏ em... Tâm. Tâm ơi...

Khuôn mặt lợt lạt của Tâm in rõ nét trên bờ cỏ xanh ướt át. Một người tá điền đương làm những cử động hồ hấp cho nạn nhân.

Tôi ngồi phục xuống vuốt ve mái tóc thân yêu rã rượi và nghe lòng đau thắt trong một nỗi hãi hùng bất lực.

3.

Chuyến xe đồ chật chội đến thị trấn vào lúc xế trưa. Người hành khách đàn ông ngồi cạnh Tâm, thừa lúc chen lấn đã để cho bàn tay của y đặt lên vai nàng trong một cử chỉ xuống xã. Tâm nhớ lại lúc y lên xe ngồi vào chỗ trống cạnh nàng và vụng về xin lỗi. Cặp mắt y xéch, lòng trắng vằn lên những tia máu. Cái nhìn đầy dục vọng xoáy sâu vào Tâm khiến nàng có cảm giác như người sắp sửa bị lột hết y phục. Trong một lúc nàng nghe choáng váng. Những rặng cây bên đường chạy thụt lùi vùn vụt. Màu nâu ngút ngàn của ruộng rẫy, đồng hoang. Con đường đất đỏ chạy hun hút vào lòng xe và nằng bặt đầu nung đốt những khuôn mặt hành khách qua khoảng mui lợp tôn. Một lúc sau người đàn ông xin đổi chỗ ra phía ngoài nhưng đôi mắt sắc bén của y thỉnh thoảng lại liếc vào ngực Tâm. Màu tím của áo lăm nổi bật

khoảng cổ trắng nõn nà. Hút thuốc xong y móc tờ báo trong túi quần ra đọc. Không rõ cổ ý hay vô tình y lại chạm tay vào đùi người con gái. Tâm rất khó chịu không phải vì sự đụng chạm khác thường đó mà vì nét mặt lầm lì và lối ăn nói cổ làm ra lịch sự của người đàn ông. Y có cái miệng rộng quai hàm bạnh ra, nước da rám nắng, một mẫu đàn ông sức vóc và tự tin đến liều lĩnh.

Tâm chớp mắt trong tiếng động cơ và tiếng loạt soạt của tờ báo. Người đàn ông lại hút thuốc và lợi dụng lúc Tâm ngả đầu vào thành ghế để vòng tay ra sau lưng nàng. Tâm bừng mắt khi nghe bàn tay lạ sờ nắn lên vai mình. Nàng tỉnh hẳn ngồi lại ngay ngắn bỏ cánh tay y xuống sau lưng. Y ngồi ngả đầu về phía cửa, cặp mắt to lớn khuất sau lớp kính râm. Mùi khói thuốc lá khét lẹt và khói xe lẫn hơi nóng hầm hập khiến Tâm buồn nôn. Người đàn ông thức giấc vào một trạng nghỉ ồn ào. Lũ trẻ bán nước ngọt và trái cây chạy ùa về phía những khung cửa xe đầy bụi. Y rút cánh tay về một cách tiếc rẻ, lấy tờ báo phủi bụi trên áo và đùi rồi gọi một chai la ve.

— Cô dùng với tôi một chai nước ngọt nhé ?

Giọng y chắc và khô, mặc dầu nói chậm chạp và cố gắng lễ độ. Đó là một mẫu đàn ông chinh phục bao giờ cũng hấp tấp và thiếu tế nhị. Tâm lắc đầu về sự sệt bâng quơ thoáng trong đôi mắt.

— Đây lên Ban Mê Thuột còn xa cô không ăn uống một chút gì thì mệt lắm...

Tâm bắt gặp mảnh răng cửa bịt vàng. Anh này nhà binh. Tâm nghĩ thầm, cỡ hạ sĩ là cùng.

Thằng nhỏ bán đồ giải khát đem đến một chai xá xị, nơi miệng chai cắm sẵn một ống hút màu trắng nhờ : Nó bảo : xá xị ướp đá cô uống đi cho khỏe.

Mất nó ranh mãnh, giọng nói lúi lo rùng rùng nghe dễ thương. Người đàn ông bỏ cặp kính râm nhìn vào mắt Tâm rất tinh tứ : Cô uống đi kéo hết lạnh.

Hơi lạnh từ chai nước vào gan bàn tay khiến Tâm hơi rùng mình. Nàng gửi cho y một cái nhếch mép cảm ơn. Y lấy làm sung sướng ra mặt liền cho luôn thằng nhỏ chỗ tiền lẻ.

Người đàn ông bắt đầu gọi chuyện khi xe khởi hành. Khoảng trình đi vào lớp bụi nắng cao nguyên. Tâm được biết y trở lại ơn vị sau một tuần nghỉ phép Nhà binh cỡ có hạng, một gạch ngang, chút nữa Tâm liệt anh ta vào thành phần nông dân. Thiếu y Hậu, người Hà Nam. Tâm chỉ tiết lộ một chi tiết nhỏ về mình, anh lên B. tìm một người bạn, buôn bán. Cuộc đối thoại kém hào hứng vì sự vụng về bỡ ngỡ của người con gái. Đôi lúc Tâm làm hình. Khoảng đường chạy lùi phía ngoài xe khiến nàng nghĩ đến lứa con và gia đình bỏ lại mỗi lúc một xa. Nắng nhảy múa làm nất nàng rưng rưng. Giấc ngủ đầy nàng vào từng đợt quên lãng, như lớp sóng ngầm chuyển động dưới lòng sông, con sông dài uốn bả của dĩ vãng.

Tâm nhận được tấm ngân phiếu cuối cùng của Đạo cách đây một năm. Kèm theo ngân phiếu là một lá thư mang ít giọng ngân ngửi :

« Em yêu quý,

Anh phải đi xa một lần nữa. Cuộc sống lúc này khó khăn lắm. Anh muốn bỏ em và con. Nhưng anh cũng biết đó là con đường mạt lộ của chúng mình. Anh sẽ vắng tin ít lâu. Em đừng nóng ruột, hãy ráng nhẫn nại chịu khó nuôi thằng Sinh. Anh cầu chúc cho em và con được mạnh ».

Hôn em.

Những bức thư thừa thớt và những hàng chữ ngắn dần... Tình yêu chỉ sôi nổi thuở ban đầu. Kể ở lại là tôi bao giờ cũng gánh chịu những đau buồn thiệt thòi của cuộc sống. Sao hồi đó tôi không chết quách đi cho rồi ?... Hình ảnh thứ nhất khi Tâm hồi tỉnh lại là khuôn mặt hải hùng của Đạo. Đạo đã đập cửa buồng mẹ hôm nào, đã ôm nàng trong vòng tay che chở, đã lau những giọt nước mắt đầu tiên. Đã cho nàng những dịu dàng thứ nhất. Một tình yêu đại dột mê đắm, liều lĩnh. Một tình yêu không thể tránh giữa đôi trai gái gần gũi nhau trong khung cảnh một gia đình xấu xí và thiếu vắng tình thương.

Đưa hai nhĩ lớn dần trong bụng với quãng sống cúi đầu dằng dặc. Không có Đạo với cái nhìn gan dạ đối đầu, xác lảo, liều lĩnh. Không có Đạo với những vuốt ve dịu dàng, những nụ hôn tình

yêu ám áp, những lời nhủ vụng về chân thật, Tâm đã bỏ đi khỏi cuộc sống dày xéo nhục nhã này...

Trận mưa cao nguyên bất chợt đến và tan ngay sau đó để lại không khí oi nồng trên những đường phố lộn. Tiếng cười nói ồn ào trong khoảng âm nhạc khiêu vũ chỗi tai. Những khuôn mặt lạ sống sượng hoặc suông sã xói vào Tâm khi nàng bước qua khung cửa quán. Những cái nhìn dục vọng như từng lưỡi dao chém khoa lên. Tâm nghe choáng váng và chỉ một chút nữa nàng đã buông rời chiếc va ly, ngồi phục xuống giữa đám người lạ mặt trong quán rượu.

— Kia Tâm đấy ư, vào đây em...

Người đàn bà gạt những cánh tay đàn ông đang vây kín lấy mặt bar, chạy lại phía Tâm. Tiếng cười nói ngừng bật trong khoảng khắc chỉ còn lại những âm thanh lạ tai của đĩa hát.

— Ai đấy, giới thiệu đi chứ ?

— Cho bắt tay một cái nào.

Những tiếng đàn ông nhao lên. Chiếc quạt trần phả xuống cái gió ngọt ngào nồng nặc mùi rượu mạnh. Những giọt mồ hôi đọng trên khoảng da rám nắng, đỏ xạm. Một anh lính tây nào đó bỗng cười lên hô hô.

Người đàn bà khoác vai Tâm đi qua những cặp mắt hau háu, như thú rừng đói khát : Các anh đừng làm cho nó sợ.

Nàng ngừng một giây, khoảng im lặng làm tăng sự tò mò của đám người : Em gái tôi đấy.

Rồi Tâm bị đẩy gấp vào phòng trong. Cánh cửa ngăn khép lại. Tiếng ồn ào bị gạt ra bên ngoài, tắt lịm và Tâm lấy lại được bình tĩnh. Nàng ngó Liễu với khuôn mặt già dặn, phong trần và liên tưởng đến đứa nhỏ nhút nhát cùng học lớp nhất ngày nào. Thời gian đi mau hay chiến tranh đã xáo trộn đời người ? Câu hỏi và nỗi ngậm ngùi dâng nước mắt lên mi. Một lúc sau Tâm nghe bàn tay ám áp của Liễu :

— Sống với Liễu ít lâu Tâm sẽ không buồn nữa. Tin đi... Vai Tâm rung động nàng cắn chặt môi dưới. Cuối cùng những tiếng nước nở trào lên như nước vỡ bờ.

Như một cái bóng cảm nín Tâm đã đi qua đoạn đường cần thiết cho ngày đưa trẻ ra đời, giữa những lo lắng dằn vặt, đau

đơn hải hùng, vẫn còn le lói chút ánh sáng tin yêu. Bên cạnh Đạo, lén lút gặp nàng từng đêm, nàng hình dung đến khuôn mặt hài nhi như một nụ hoa vừa nở, cảm giác dịu ngọt êm đềm thường làm Tâm sung sướng đến chảy nước mắt. Khi nàng mở mắt và nghe được tiếng oa oa chào đời của con, một đợt gió mát thơm tho thổi qua người nàng sau những giờ đau đớn quằn quại. Hơi ấm đứa sơ sinh trong cánh tay và khuôn mặt bé bỏng của nó đã khiến cho những đường nhăn trên vầng trán mẹ Tâm tan biến đi. Một nụ cười buồn bã nhưng cởi mở và đầy khoan dung đã đến lấp đầy cái hố ngăn cách chông gai giữa hai mẹ con nàng. Mùi hôi sữa và những cái rúc đầu êm ái, tiếng nút vú háo hức và sự khua động thơ ngây của chân tay đứa nhỏ tạo thành nguồn vui dịu dàng, một kỷ niệm không bao giờ phai trong trí nhớ.

Một hôm, giữa những bước chân chập chững của bé Sinh, Đạo chợt bảo vợ :

— Có lẽ anh phải đi xa...

Đạo nói trong tiếng thở dài, Tâm mãi giữ cho con tập đi và nghe tiếng bi bô của nó nên không nghe tiếng chồng nói.

— Anh đã cố nhẫn nhục... Bây giờ thì hết chịu nổi.

Thoạt đầu Tâm ngạc nhiên :

— Mình luôn luôn mang mặc cảm của một bọn ăn bám sống nhờ.

Tâm rùng mình hồi tưởng lại quãng ngày u tối vừa qua không khi gia đình nặng trĩu như mang cơn giông. Những đối thoại cộc cằn khó chịu, những cái nhìn soi mói, hằn học. Một bên là kẻ phạm tội, một bên là hai vị tòa nghiêm khắc. Bản án chưa vào chung thẩm và phiên tòa tạm ngưng.

Tâm ngược nhìn lên đôi quầng mắt của chồng. Từng nếp nhăn in hằn lên đó. Mới hai mươi tuổi, y đã mang khuôn mặt của một kẻ dày dạn phong trần.

— Anh sẽ đi tìm việc làm tháng tháng gửi tiền về cho em và con...

Giọng Đạo chậm chạp, tự tin nhưng đầy buồn bã của kẻ tuyệt vọng và liều mạng đã bắt đầu nổi loạn. Tâm ôm chặt bé Sinh vào lòng một nỗi sợ sệt chỗi lên bóp nghẹt lòng ngực. Một lúc sau nàng nghẹn ngào nói :

— Bây giờ con đã lớn, anh đi... cũng được.

Đạo nhìn vợ con nước mắt chạy vòng quanh.

Sự vắng mặt của hắn không làm ai ngạc nhiên. Sau những trận gây gỗ lẫn lộn người ta lẫn lộn rồi bỏ gia đình này. Đạo đã đi một thời gian, không ai nhắc đến hắn, rồi hắn trở lại với con giống bão hắn đem về từ những ngày lang bạt trong thành phố xa lạ.

Đạo đi được ít lâu, mẹ Tâm trở bệnh, chứng bệnh kỳ quái mất ngủ và xanh xao. Người bà gầy vồ đi về buổi chiều bà nằm bệt trong phòng. Giữa những giấc ngủ và bữa ăn của đứa nhỏ, Tâm phải vào ngồi bên cạnh mẹ. Bà yếu dần yếu dần rồi một bữa kia, ngọn bắc cuối cùng đã tắt hẳn đốm lửa leo lét.

Đạo không có mặt trong đám tang. Như thế lại hơn vì nếu hắn về đưa đám không biết hắn nghĩ gì. Người chết không còn oán thù, nhưng kẻ sống dễ gì quên những nỗi đớn đau đã hứng chịu một cách bất công.

Đạo gửi tiền về đôi ba tháng, một vài tấm bưu phiếu mang món tiền không đáng kể, nhưng khi nhận được Tâm mừng rỡ cảm động như được nhìn thấy mặt chồng.

Một năm trôi đi.

Khoảng tháng tám, một bữa kia ông cụ gọi Tâm vào phòng riêng. Ông đột ngột bảo :

— Bây giờ ba cũng già rồi, mẹ mày thì mất sớm, con cái mồ côi bỏ đi một phương, ruộng vườn không có người tin cần cò sóc. Ba tính kiếm con... đàn bà cho nó đỡ dần.

Tâm đã biết trước những trái chứng của ông già. Nàng không cần tìm hiểu cũng đoán được điều ông sẽ quyết định. Nàng hình dung lại khuôn mặt tròn lẳng lơ của con út đứa cháu của anh Bốn, tá điền. Nó được gởi đến hầu hạ mẹ nàng những ngày nằm bệnh. Thường khi Tâm bắt gặp cặp mắt ông cụ nhìn như dán chặt lên thân hình này nở gợi dục của đứa trẻ gái.

— Nếu mẹ mày còn sống tao đâu đến nỗi cô quạnh như ngày nay...

Tâm nghĩ đến Đạo, lúc này có mặt ở đây chắc chắn gã sẽ hỏi dổp vào mặt ông cụ :

— Ba muốn cưới con út thì cứ việc tự tiện. Tương nó ba lấy được sẽ không còn sợ thiếu kẻ thừa tự.

Nhưng Tâm không nói gì. Sự im lặng như một bát nước lạnh hắt vào mặt ông cụ. Một lúc sau ông bỏ đi ra, nét mặt ngượng ngùng bức tức.

Đạo trở về khi cô út mang cái bầu ba tháng. Nó nhìn Đạo bằng đôi mắt người lớn. Đứa con gái mà Đạo vẫn chọc ghẹo thuở mười ba mười bốn và rất thích chạy chơi với hắn bây giờ đã trở thành Di út, Đạo chỉ cười và cư xử rất lịch sự. Bây giờ hắn tự coi như người lạ và gia đình hắn chỉ còn là một chỗ trọ để hắn gửi vợ con. Ông già có thể cưới dăm bảy con Đ... nữa hắn cũng không cần quan tâm tới.

Đạo về thăm vợ với nét mặt mệt mỏi, đôi mắt buồn và dịu dàng có đôi thay, dường như một kẻ thức đêm trác táng hay làm việc lao碌. Hắn thở dài bảo vợ :

— Anh đã vào lính.

Thấy Tâm lo lắng hắn nắm tay an ủi :

— Em đừng sợ chỗ anh làm là bàn giấy, gần mấy sỹ quan. Thỉnh thoảng theo họ đi hành quân, làm thông ngôn.

Hắn móc túi lấy ra một xấp bạc :

— Anh có cơ làm giàu được. Mất hẳn sáng lên khi nói.

Thằng Sinh bây giờ đã nói được tiếng « ba » thật sõi. Nó ôm cổ Đạo hôn khiến hắn xúc động. Đêm hội ngộ Tâm nghe chồng bảo :

— Minh nên cứ sanh ít lâu... Lúc này họ đánh nhax dữ. Đi hành quân thấy chết chóc mà ghê. Có con chạy giặc già khổ lắm em ạ...

Trong giấc ngủ khuôn mặt Đạo hiền dịu trẻ thơ, Tâm không thể ngờ Đạo đã vào đời giữa gai lửa.

I.

Khuôn mặt đứa nhỏ mờ dần... mờ dần. Buổi sáng lạnh và sương mù. Giăng tre lúi lúi lại và con đường mòn đi hút về phía chân trời sẫm. Tâm hình dung lại những giọt nước mắt nhỏ lên từng trán trẻ thơ. Ngày hôm qua còn tiếng nó lú lo như chim rừng. Còn đôi mắt tròn mang bầu trời trong vắt còn nắm tay xinh

nổ ấm áp. Sinh ! Sinh ! Con ơi ! Tiếng khóc nức nện trong cổ họng. Rồi tiếng kẹt cửa của căn phòng chìm ngập trong bóng tối. Tâm rón rén đi ra. Một khoảng đời qua Tâm đã sống như vậy, như một tên ăn trộm hải sọ từ một tiếng động từ một ánh sáng. Cuộc sống lên lút ần nhẩn tối tăm ở rất xa, một đốm lửa nhỏ leo lét : Tình yêu của Đạo và đứa con.

Chiếc va ly nhỏ với một ít hành trang trên chặng đường như dài bất tận làm cánh tay nàng rời rã. Tiếng còi tàu từ phía nhà ga vọng lên như tiếng kêu thét đau xé vào lúc già biệt.

Những giọt nước mắt đã khô dần trên má. Khoảng trời mệnh mông trước mặt một vùng sáng hồng lợt đã hiện lên. Bây giờ Tâm không thể trở lại. Mặc dù khuôn mặt thân yêu của đứa con còn rõ rệt trong tâm trí nàng. Hôm kia, nhân một lúc vắng, nó hỏi Tâm : Chừng nào mẹ cho con đi Sài Gòn thăm ba ?

Câu hỏi làm Tâm muốn sa nước mắt. Nàng lúng lúng rất lâu không biết trả lời sao cho xuôi.

— Saigon chắc đẹp lắm mẹ nhỉ ? Thằng bé nói tiếp một cách hết sức hồn nhiên. Tâm nhìn con gật đầu. Nó vừa giúp nàng ra khỏi ngõ cụt. Đã gần một năm Tâm không nhận được một lá thư nào của chồng. Nàng linh cảm sự bất âm tín như một điềm chẳng lành. Nàng không tin Đạo đã gặp tai nạn. Nàng chỉ sợ rằng Sài Gòn và cuộc sống xa hoa của nó, giữa vùng đất quẩn quại vì chiến tranh này, đã cướp mất Đạo của nàng.

Một bữa kia nhân dịp ra tỉnh Tâm đã gặp Liễu. Tâm không nhìn ra bạn vì sau khoảng thời gian cách biệt khá dài Liễu không còn mang một dấu vết gì gợi lại thời học sinh đã qua. Đôi mắt sắc sảo và giọng nói trầm tĩnh có pha nổi chán chường không phải là của cô bé nghịch ngợm riu rít như con sơn ca thuở trước. Chỉ một thoáng chuyện trò Liễu đã biết rất nhiều về Tâm và nàng thăm nhủ cuộc đời phong trần của mình so với cảnh sống đau tủi khắc khoải của Tâm, có lẽ bạn nàng đương cần an ủi, nàng đỡ hơn nhiều.

Liều bảo Tâm bỏ đi, cả Đạo anh chàng bạc tình, cả đứa con mang dấu vết của dĩ vãng tủi nhục.

Cuộc gặp gỡ với đứa bạn cũ và mẫu đối thoại thân mật đã làm Tâm chần chọc nhiều đêm. Tâm hình dung lại đêm chót cùng

chồng. Giọng nói của Đạo mang nỗi hoài nghi chán chường. Chiến tranh đã thay đổi chàng hay bóng dáng một người đàn bà đã đi vào đời chàng ? Niềm lo lắng day dứt làm Tâm thao thức trọn đêm. Sớm hôm sau khi Đạo lên đường, Tâm có cảm tưởng như người chạy trốn. Một chút bịn rịn thường tình, một nụ hôn vội vàng và đôi mắt không còn mang nỗi ngậm ngùi của lần chia tay trước. Hình dáng Đạo nhỏ dần rồi mất hút vào phía chân trời chói nắng. Một bàn tay nhỏ nắm chặt lấy tay nàng. Đôi mắt đêm chiều của đứa con, những hạt nước mắt theo nhau chảy ròng...

Tâm bị đẩy đến trước ngã tư. Một phía là Đạo, hình ảnh mờ nhạt và mất hút của tình yêu. Một phía là người cha gẻ trơng cái gia đình gần tan rã. Một phía là thằng Sinh niềm an ủi cũng là niềm hy vọng cuối cùng. Sau hết là con đường Liễu vừa mở ra trước mắt Tâm. Mười chín tuổi đời, một cuộc tình ngang trái, một dĩ vãng tối tăm, đứa con nhỏ dại và những ngày sống không chờ đợi...

— Cô còn nhớ ra tôi không ?

Khuôn mặt đàn ông hiện ra đột ngột trong vùng ánh sáng đan lọc qua khói thuốc lá và mùi rượu mạnh. Đôi mắt có những vằn máu trong lòng trắng bữa nay mang một vẻ thân mật hiền lành khác thường. Người đàn ông nhìn Tâm như chờ đợi một tiếng trả lời, một tiếng nói khởi đầu cho tình bạn. Giữa cái khung cảnh xa lạ xỗ xàng, tiếng nói cười lỗ mãng trong khoảng âm nhạc cuồng nhiệt, lần thứ nhất Tâm bắt gặp một nụ cười cõi mở. Nàng không còn hình dung lại được gã quân nhân đầy tự tin và xuông xã trên chuyến xe lên cao nguyên hôm nào.

— Đây là anh Giắc, một khách quen...

Liều nói bằng khước mắt như một người đàn bà vốn quen đời chác ái tình. Vẻ thân mật chào đón của nàng hồn nhiên như của một người đàn bà trong giới ăn chơi phương tây.

— Còn đây là Thu Tâm, *ma cousine*.

Tâm ngó nhanh người đàn ông, sau những hình ảnh dĩ vãng buồn bã và giữa cảm giác bàng hoàng, nàng hỏi :

— Hình như tôi đã được gặp ông trên chuyến xe hôm nọ ?

— Vâng, tôi còn nhớ như vừa hôm qua.

Tâm cười khiến gã đàn ông hơi bối rối.

— Hôm đó tên tôi là Hậu, chắc cô hơi ngạc nhiên. Ở đây giữa cái đám đánh giặc mướn này (1) Suzanne vẫn quen gọi tôi là Giắc. Vậy kêu tôi là Giắc cho tiện.

— Tôi gọi nó cho anh. Có lẽ anh là người Việt độc nhất trong cái *boite* này. Em Tâm thì chưa quen giao thiệp với người Pháp, tuy chữ nghĩa nó không tồi lắm...

Liều bỏ đi khi ở đằng quầy có người gọi tên nàng. Tiếng ồn ồm ồm thanh khiến một vài khách hàng ngược nhìn khó chịu.

— *La ferme !* Một người ngồi gần nhất lườm nhàu. Gã ngồi bên *bar* hình như không nghe người ta chữ mình. Mặt y đỏ như gấc và ly rượu sừng sừng trong bàn tay lông lá của y.

— Chúng mình nên lại góc kia cho đỡ ồn.

Giắc đi sau Tâm, tay y dắt nhẹ sau lưng nàng như điu đi.

— Thu Tâm uống với tôi một chút rượu nhé ?

Lần thứ hai Tâm ngược nhìn gã đàn ông mỉm cười ranh mãnh.

— Cô nên nói lên một tiếng gì chứ đừng cười nụ hoài như thế tôi sẽ cụt hứng ngay bây giờ. Tâm nghe lòng thư thái trong tiếng cười và trong giây lát dĩ vãng chỉ còn vẩn lên những cụm mây sấm lợt đương xa dần.

— Ông biết tại sao khi nãy tôi cười không ?

Tâm hỏi khi người đàn ông ngược nhìn nàng đôi mắt chứa vẻ ngạc nhiên thân mật.

Thu Tâm chỉ là một cái tên do chị Liều vừa đặt cho tôi. Nghe ông kêu tên ấy tôi có cảm tưởng mình đương là một ca sĩ.

Giắc rót rượu cho nàng.

— Suzanne vốn có biệt tài đặt tên cho bạn hữu. Tôi nghĩ rằng tên Thu Tâm rất hợp với khuôn mặt dịu dàng và đôi mắt u hoài của cô.

Tâm quẹt diêm, đốt thuốc cho y, giọng nàng thấp xuống :
Cám ơn. Ông cứ kêu tôi là Tâm cho gọn.

— Cái thị trấn bé nhỏ này có thích hợp với Tâm không ?

— Tôi đã sống ở Nhatrang một thời gian hồi còn đi học. So sánh thì tỉnh này nhỏ hơn, nhưng cũng khá vui, và khí hậu có vẻ dễ chịu.

— Còn tôi thì ở đây đã hai năm. Chán lắm. Nếu không có ứng lần đi *opération* hoặc nghỉ *perm.* thì tôi đã... đào ngũ u rồi...

Giọng Giắc thấp xuống khi nói câu sau cùng, trong khoảng hắc y trở lại nguyên hình người hành khách nhà binh xuống xã rên chuyển xe dò hòm trước.

— Tôi có một... người anh đi lính đã hai năm qua. Anh viết thư về kể lại những chuyện thật hãi hùng ngoài mặt trận. Anh hằng cầu nguyện cho chóng dứt chiến tranh.

— Chúng tôi đương bị đẩy vào một cuộc phiêu lưu khủng khiếp. Tôi không thể nói hết được tâm trạng mình qua những vùng chiến trường khốc liệt. Nhưng tôi có thể nói với Tâm rằng điều an ủi cuối cùng và độc nhất của tôi là được trở lại quán rượu này gặp lại một vài tên bạn sống sót và uống với họ một ly rượu trước cặp mắt đa tình của Suzanne.

Giọng gã đàn ông buồn bã khiến Tâm liên tưởng đến Đạo trong lần gặp mặt sau cùng và cuộc sống bấp bênh của họ.

— Nếu Tâm không bận tôi mời đi dùng cơm tối với tôi. Tâm đừng từ chối. Đêm nay, tôi nghe buồn lạ, *je me sent si seul.*

Vở kịch đã bắt đầu, Tâm không biết làm gì hơn là bước vào sân khấu.

Người đàn ông dúi tàn thuốc vào chiếc gạt tàn, tiến về phía quầy rượu. Y ghé mặt vào tai Liều. Hai người nói chuyện hồi lâu và Liều bỗng cười ngật nghẻo. Một lát sau Liều đặt ngón tay chỗ lên trước môi như dặn dò, rồi Giắc bỏ đi.

Một anh lính say lão đảo đến gần bàn họ. Giắc ấn y xuống ghế gọi rượu cho y rồi giắt Tâm ra ngoài.

Ban đêm con đường phố chính rộng thênh thang. Hầu hết những căn nhà đã đóng cửa. Chỉ còn ánh đèn ở một vài quán rượu vẽ lên những bóng dáng cao lớn nghiêng ngả. Nhạc khiêu vũ ùa ra từng vũng đêm bắt đầu với gió núi lạnh căm. Lát lát một chiếc cam nhông gầm rú vọt qua ánh đèn quét dài trên chạng đường lờ lỏi. Tiếng hát trong và buồn rượi như một vùng đêm mênh mông trùm lạnh lên vai Tâm, khi hai người rời quán ăn.

— Bây giờ chúng mình đi chơi đâu ? Em có ý kiến gì không ?
Giắc ngó đồng hồ rồi hỏi, lơ đãng.

— Em không có ý kiến gì vì em là người khách lạ của thị trấn này.

Tâm trả lời và đi nép vào bên người đàn ông. Y cởi áo blouson choàng lên vai nàng, cử chỉ hết sức chịu đựng tự nhiên. Điều thuốc lập lòe trước mắt họ, khói thơm đem lại chút ấm áp trên khoảng đường heo hút.

— Vậy thì tôi đưa Tâm về chỗ tôi ở. Tôi có mấy chai rượu người bạn vừa gửi cho, từ Sài Gòn. Tâm có thích nghe nhạc cổ điển Tây phương chăng ?

Tâm không trả lời, ngược nhìn khuôn mặt quen thuộc trong bóng tối. Nàng định bảo : Ông nên đưa tôi về nhà nhưng tính liều lĩnh đã xui nàng đi theo Giác. Nàng nhủ thăm bầy giờ thì mình còn gì phải sợ nữa. Như một con thú nhỏ lạc vào rừng, nàng đang nhắm mắt lao đi qua những vùng cỏ cây hoang dã.

Khu cư xá nằm trên một khoảng đồi nhỏ. Lối đi hai cổ lau cao gần ngang lưng. Một vài ánh sáng từ dãy nhà gần. Tiếng máy phát thanh vụn nhỏ một điệu nhạc thính phòng dịu dặt.

Gian phòng nhỏ với vùng ánh sáng ấm áp. Một chiếc divan nệm hoa màu huyết dụ đặt dưới chụp đèn. Một chiếc bàn thấp bừa bộn sách báo tạp chí. Hai tấm ghế *fauteuil* và ở góc phòng là một quầy rượu nhỏ.

Tâm đương ngắm khung ảnh bán thân đặt trên mặt bàn rượu thì nghe tiếng Giác sau lưng :

— Đây là *rené* ở chung căn này với tôi.

Gã đàn ông trong hình có mái tóc bông quăn, cặp mắt to và sâu, nét mặt trầm tĩnh.

— Bây giờ y ở Sài Gòn. Nằm bệnh viện. Một mảnh trái phá vào sau lưng. Tội nghiệp ! *c'est un tres gentil copain*. Em bỏ áo ra ngồi tạm xuống divan cho khoẻ.

Giác cúi húi cạnh chiếc máy hát. Lát sau Tâm nghe vẳng một hòa khúc êm dịu của vĩ cầm và dương cầm.

Giác rót rượu đoạn ngồi xuống bên Tâm. Nàng vừa cởi áo dài và liền tưởng đến cặp mắt xuống xả của gã quân nhân trên chuyến xe hôm nào. Lúc này kẻ chinh phục đương ngồi suy tư buồn bã với ly rượu đầy trên tay. Sau vẻ sâu muộn lạnh lùng ấy Tâm khó được y đương nghĩ ngợi điều gì. Đây không phải là

nét mặt của một người đã no đủ, phê phỡn, đang hào hứng dục tình.

— Căn phòng của anh chắc đã tiếp nhiều đàn bà lắm ?

Giọng Tâm giễu cợt, liêu lỉnh. Âm nhạc làm cho nàng có cảm giác cô đơn. Giác ngắm nhìn rất lâu người đàn bà, y có vẻ như người chợt thất vọng điều gì. Khoảng khắc sau y mới lên tiếng :

— Sau những ngày chiến trường máu lửa còn gì an ủi hơn là đàn bà và rượu ngọt ? Sống là cái gì ? Chết ra làm sao ? Em có thể cắt nghĩa cho tôi thế nào là tình yêu và con người vào cái thời giặc giã này còn hy vọng vào những gì ?

Tiếng gã đàn ông gần xuống làm tan vỡ khoảng âm thanh dịu dặt từ chiếc máy hát phía sau y. Tâm chợt hình dung đến bàn tay lông lá của người lính lê dương trong quán, ly rượu sóng sánh khuôn mặt cần cỗi trước tuổi và hình ảnh mất hút của quê hương gã. Đột nhiên nàng có cảm giác đau nhói trên vai. Giác đã ngồi sát bên Tâm đến nỗi nàng không còn phân biệt được màu đỏ xon trên khuôn mặt hay trong tròng mắt y. Hơi rượu nồng nực phả vào mặt nàng. Nàng đẩy gã đàn ông khi y quàng tay lên vai nàng. Cánh tay cứng như sắt khép dần lại. Tâm vùng vẫy tuyệt vọng và phản ứng tự nhiên của đàn bà bất chợt biến nàng thành hung dữ. Giác loạng choạng buông tay. Dĩa hát ngừng quay từ lúc nào. Khoảng ánh sáng vàng lọt soi tỏ từng nét thô bạo trên mặt gã đàn ông. Một nỗi thèm khát sôi sục và thăm hại. Bỗng nhiên Giác quì phục xuống bên chân người đàn bà, nàng bắt đầu khóc. Đôi vai nhấp lên từng hồi, khuôn mặt đầm đìa nước mắt mang một vẻ đẹp sâu muộn quyến rũ.

— Tôi xin lỗi Tâm... Tôi đã hành động như một tên mọi rợ... Tôi... tôi không định làm như vậy...

Giọng y run rẩy, chân thành. Tâm đón chiến khăn tay chậm chạp lau nước mắt.

THƯ

đến từ bạn đọc

TỪ NHÀ TRANG

... Tôi đã bỏ đơn vị. Được ba tháng. Tôi muốn có một thái độ, nhất là trong lúc này : tham nhũng, bất công, thối nát, tranh giành. Đại đội tôi chỉ còn 50 người. Lính một số biệt phái ở nhà mấy quan lớn. Tôi bỏ ra đi khi nghe tin Hà Thúc Nhơn chết. Tôi mong các anh đề ý đến những người viết miền Trung. Tôi mong Vấn Đề nói lên được những nỗi khổ của chúng tôi.

... Bây giờ thì tôi chỉ còn chờ ngày ra Tòa. Có điều chắc chắn là tôi sẽ trở lại quân ngũ : tôi muốn như vậy.

t.

18-11-70

TỪ DAKTO

Viết thư thăm ông sau cuộc hành quân biên phòng, kéo dài suốt 20 ngày trong rừng đầy muỗi, lạnh và vất vả.

Ở đây thiếu thốn về nhiều phương diện. Ngay như báo chí. Đôi khi tờ báo hàng ngày xuất bản ngày 10 thì đến 20 chúng tôi mới được đọc. Còn nói gì đến những tập san văn học nghệ thuật ?

t.l.

12-12-1970

VÀ TỪ PARIS

... Đầu năm 1969, Bắc Việt có gửi đoàn ca vũ nhạc qua Pháp trình diễn trong một tháng, ở Paris và các tỉnh lớn. Về phương diện kỹ thuật, họ khá (vì có nhiều người đã được gửi đi theo học trường vũ nhạc Bolshoi của Nga) nhưng rất tiếc là những bản đàn, điệu hát, cách múa đã mất hết tính chất dân tộc. Ảnh hưởng của Trung hoa và Nga nặng nề quá.

Miền Nam chúng ta cũng có gửi vài nhóm qua Paris hát cải lương. Nhóm « Thanh Minh Thanh Nga » được nhiều khán giả Việt yêu chuộng, nhất là những khán giả có tuổi và qua Pháp đã lâu ngày. Ngọc Giàu, Út Trà Ôn và Thanh Nga hát hay lắm nhưng dàn cảnh thì lại cầu thả : những đoạn khôi hài lặp đi lặp lại trong nhiều vở tuồng khác nhau, nói hay hát thì phải dùng mấy vi âm... Nhóm Kim Chung trình diễn những vở tuồng cổ có ý nghĩa hơn, nhưng lại ít khán giả.

Tôi nhận thấy việc đưa những nhóm trình diễn qua Pháp của chúng ta được thực hiện không theo một chính sách, một kế hoạch nào cả. Và như vậy sẽ kém hiệu quả. Tôi thiết nghĩ phải nghiên cứu kỹ những thành phần khán giả ở Pháp để đáp ứng đúng được sở thích của họ. Ý kiến thô thiển của tôi là :

— Đối với lớp người già ở Pháp lâu năm thì nên chú trọng đến tuồng cải lương.

— Đối với lớp trẻ du học : nên chú trọng đến tân nhạc và thoại kịch.

— Đối với khán giả quốc tế (Pháp, Mỹ...) : nên chú trọng đến Chèo.

...

b.x.q.